

Số: 583/QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa và môn Khoa học lớp 9 cấp trung học cơ sở năm học 2023-2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 4645/SGDĐT-QLT ngày 20/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa và môn Khoa học lớp 9 cấp trung học cơ sở (THCS) năm học 2023-2024;

Căn cứ Kết quả của Ban chấm thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa và môn Khoa học lớp 9 cấp THCS năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 2.595 (hai nghìn năm trăm chín lăm) học sinh đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa và môn Khoa học lớp 9 cấp THCS năm học 2023-2024, trong đó có 135 giải Nhất, 544 giải Nhì, 790 giải Ba và 1.126 giải Khuyến khích (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa và môn Khoa học lớp 9 cấp THCS năm học 2023-2024 được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội cấp Giấy chứng nhận và được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLT. 

GIÁM ĐỐC




Trần Thế Cường

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA VÀ MÔN KHOA HỌC LỚP 9 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 583/QĐ-SGDĐT ngày 04/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1	010706	PHẠM DUY HÙNG	THCS Mạc Đĩnh Chi	Ba Đình	Địa lí	Nhì
2	010707	PHẠM TUỆ MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Địa lí	Nhì
3	010701	ĐÌNH BẢO HÀ ANH	THCS Thăng Long	Ba Đình	Địa lí	Nhì
4	010709	NGUYỄN THANH THẢO	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Địa lí	Ba
5	010702	VŨ NHƯ QUỲNH ANH	THCS Thăng Long	Ba Đình	Địa lí	Ba
6	010710	HOÀNG KHÁNH UYÊN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Địa lí	Khuyến khích
7	010703	ĐÌNH PHẠM MINH CHÁU	THCS Thăng Long	Ba Đình	Địa lí	Khuyến khích
8	010708	NGUYỄN AN NGUYỄN	THCS Thăng Long	Ba Đình	Địa lí	Khuyến khích
9	020705	NGUYỄN THANH MAI	THCS Cẩm Lĩnh	Ba Vì	Địa lí	Nhì
10	020707	NGUYỄN THỊ NHI	Phổ thông dân tộc nội trú	Ba Vì	Địa lí	Nhì
11	020706	PHẠM HỒNG KHÁNH MINH	THCS Tân Đà	Ba Vì	Địa lí	Nhì
12	020709	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	THCS Cẩm Lĩnh	Ba Vì	Địa lí	Nhì
13	020704	PHÙNG BUI KHÁNH LY	THCS Sơn Đà	Ba Vì	Địa lí	Ba
14	020701	CHU THỊ PHƯƠNG ANH	THCS Đồng Thái	Ba Vì	Địa lí	Ba
15	020703	PHÙNG THỊ MAI HƯƠNG	THCS Phú Sơn	Ba Vì	Địa lí	Khuyến khích
16	020702	NGUYỄN TRÂM ANH	THCS Khánh Thượng	Ba Vì	Địa lí	Khuyến khích
17	020712	TRẦN PHƯƠNG THẢO	THCS Cổ Đô	Ba Vì	Địa lí	Khuyến khích
18	020710	CHU MINH PHƯƠNG	THCS Cẩm Lĩnh	Ba Vì	Địa lí	Khuyến khích
19	020711	PHÙNG THỊ HOÀI PHƯƠNG	THCS Cẩm Lĩnh	Ba Vì	Địa lí	Khuyến khích
20	030711	CAO XUÂN LÝ UYÊN	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Nhất
21	030702	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	THCS Xuân Đình	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Nhì
22	030707	KHÚC THUY LINH	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Nhì
23	030706	HOÀNG PHƯƠNG LINH	TH và THCS Tây Hà Nội	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Ba
24	030704	VŨ ĐỨC DUY	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Khuyến khích
25	030710	CHU TRẦN TUẤN TÚ	THCS Tây Tựu	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Khuyến khích
26	030709	VŨ HÀ MY	THCS Xuân Đình	Bắc Từ Liêm	Địa lí	Khuyến khích
27	040703	PHẠM MINH ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Nhất
28	040707	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Địa lí	Nhất
29	040710	NGUYỄN HÀ CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Nhất
30	040702	NGUYỄN LÊ BẢO AN	TH và THCS FPT Cầu Giấy	Cầu Giấy	Địa lí	Nhì
31	040706	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS và THPT Nguyễn Siêu	Cầu Giấy	Địa lí	Ba
32	040722	PHẠM HOÀNG UYÊN	THCS Dịch Vọng	Cầu Giấy	Địa lí	Ba
33	040711	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC HIẾU	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Địa lí	Ba
34	040704	QUẦN MINH HỒNG ANH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
35	040714	CAO CHÍ LÂM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
36	040721	HỒ NGỌC TÙNG	THCS Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
37	040701	HOÀNG THUY AN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
38	040705	LỤC BẢO CHÂM	TH và THCS FPT Cầu Giấy	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
39	040709	LƯƠNG TÙNG CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
40	040717	TRẦN KHÁNH NGỌC	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
41	040718	HÀ NGUYỄN HẠNH NGUYỄN	THCS Dịch Vọng	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
42	040712	PHẠM HOÀNG HUY	THCS Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
43	040720	NGUYỄN PHÚC QUANG	THCS Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
44	040713	NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Địa lí	Khuyến khích
45	050707	NGUYỄN THỊ KHÁNH PHƯƠNG	THCS Tốt Động	Chương Mỹ	Địa lí	Nhất
46	050703	TRỊNH THỊ MỸ DUYÊN	THCS Ngọc Hòa	Chương Mỹ	Địa lí	Nhì
47	050702	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Địa lí	Ba
48	050708	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	THCS Phú Nam An	Chương Mỹ	Địa lí	Ba
49	050705	NGUYỄN THỊ LINH	THCS Đông Sơn	Chương Mỹ	Địa lí	Ba
50	050709	ĐẶNG THUY TRÂM	THCS Đại Yên	Chương Mỹ	Địa lí	Khuyến khích
51	050704	NGUYỄN THỊ HÀ	THCS Đông Sơn	Chương Mỹ	Địa lí	Khuyến khích
52	050706	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	THCS Đông Sơn	Chương Mỹ	Địa lí	Khuyến khích
53	050710	ĐẶNG QUỲNH VI	THCS Đại Yên	Chương Mỹ	Địa lí	Khuyến khích
54	060702	NGUYỄN THỊ HẢO	THCS Phương Đình	Đan Phượng	Địa lí	Nhì
55	060701	NGUYỄN BÍCH HÀ	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Địa lí	Nhì
56	060710	NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT	THCS Liên Trung	Đan Phượng	Địa lí	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
57	060703	NGUYỄN THỊ MINH KHUÊ	THCS Tân Lập	Đan Phượng	Địa lí	Khuyến khích
58	060707	CAO MINH THƯ	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Địa lí	Khuyến khích
59	060706	NGUYỄN THANH THẢO	THCS Thọ An	Đan Phượng	Địa lí	Khuyến khích
60	060709	NGUYỄN THUY TRANG	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Địa lí	Khuyến khích
61	070704	TRẦN LAN HƯƠNG	THCS Việt Hùng	Đông Anh	Địa lí	Ba
62	070706	NGUYỄN CAO HỒNG MAI	THCS Việt Hùng	Đông Anh	Địa lí	Khuyến khích
63	070708	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	THCS Hải Bối	Đông Anh	Địa lí	Khuyến khích
64	070710	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	THCS Hải Bối	Đông Anh	Địa lí	Khuyến khích
65	080707	LÊ KHÁNH LINH	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Địa lí	Ba
66	080708	ĐINH MINH PHƯƠNG	THCS Bể Văn Đàn	Đống Đa	Địa lí	Ba
67	080710	NGUYỄN HUY TUỞNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Địa lí	Khuyến khích
68	080705	ĐẶNG HỮU KHANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Địa lí	Khuyến khích
69	080706	NGUYỄN KIẾN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Địa lí	Khuyến khích
70	080709	NGUYỄN THẢO QUYÊN	THCS Đống Đa	Đống Đa	Địa lí	Khuyến khích
71	090709	NGUYỄN THANH TRẢ	THCS Đông Dư	Gia Lâm	Địa lí	Nhi
72	090707	NGUYỄN HÀ LINH	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Địa lí	Nhi
73	090708	NGUYỄN THUY LĨNH	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Địa lí	Ba
74	090704	HOÀNG LINH CHI	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Địa lí	Ba
75	090701	LÊ QUỲNH ANH	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Địa lí	Ba
76	090702	VŨ THỊ HỒNG ANH	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Địa lí	Ba
77	090710	NGUYỄN HÀ VI	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Địa lí	Khuyến khích
78	100706	NGUYỄN BẢO MINH	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Địa lí	Nhi
79	100709	ĐỖ ĐỨC PHÚC	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Địa lí	Nhi
80	100707	PHẠM TUẤN MINH	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Địa lí	Ba
81	100701	NGUYỄN MINH AN	THCS Văn Quán	Hà Đông	Địa lí	Ba
82	100705	ĐÀO NGỌC LAN	THCS Phú Lương	Hà Đông	Địa lí	Ba
83	100702	HÀ NGUYỄN GIA BẢO	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Địa lí	Ba
84	100710	TRẦN THỊ LIÊN PHƯƠNG	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Địa lí	Ba
85	100703	NGUYỄN THẢO CHI	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Địa lí	Khuyến khích
86	110706	ĐỖ LÊ BẢO KHÁNH	THCS Trưng Nhị	Hai Bà Trưng	Địa lí	Nhi
87	110703	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS Trưng Nhị	Hai Bà Trưng	Địa lí	Ba
88	110707	THÁI YẾN PHƯƠNG	THCS Trưng Nhị	Hai Bà Trưng	Địa lí	Khuyến khích
89	110708	ĐẶNG MINH QUẢN	THCS Lương Yên	Hai Bà Trưng	Địa lí	Khuyến khích
90	120708	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG	THCS An Khánh	Hoài Đức	Địa lí	Nhi
91	120707	NGUYỄN THỊ THÚY	THCS Thị Trấn Trôi	Hoài Đức	Địa lí	Khuyến khích
92	120709	NGUYỄN THỊ THU TRANG	THCS Yên Sở	Hoài Đức	Địa lí	Khuyến khích
93	120703	NGUYỄN ĐĂNG HUY	THCS Sơn Đồng	Hoài Đức	Địa lí	Khuyến khích
94	130707	NGUYỄN ĐÀO NAM KHÁNH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Nhi
95	130708	NGUYỄN CẢNH KHÔI	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Nhi
96	130709	NGUYỄN THANH LÂM	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Ba
97	130705	ĐOÀN MẠNH HÙNG	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Ba
98	130711	TRƯƠNG AN NHƯ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Địa lí	Khuyến khích
99	130702	ĐỖ GIA BÌNH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Khuyến khích
100	130706	BÙI AN KHÁNH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Khuyến khích
101	130714	LÂM HỒNG THU	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Địa lí	Khuyến khích
102	130715	ĐỖ ĐÀO ANH THƯƠNG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Địa lí	Khuyến khích
103	140705	VŨ NGỌC TRƯỜNG GIANG	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Nhất
104	140702	BÙI ĐỨC ANH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Nhất
105	140704	PHẠM HẢI ĐĂNG	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Nhất
106	140701	NGUYỄN PHẠM MINH AN	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Nhi
107	140712	HOÀNG THANH TRÚC	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Nhi
108	140703	LÊ MINH ANH	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	Địa lí	Nhi
109	140706	CAO BÁ HẢI	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	Địa lí	Nhi
110	140707	ĐÀO NGUYỄN TUẤN KHANH	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Nhi
111	140710	TRẦN ĐỨC MINH	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	Địa lí	Ba
112	140708	VŨ ĐỨC LINH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Ba
113	140711	VÕ THẢO NGUYỄN	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Ba
114	140709	NGUYỄN THUẬN MINH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Địa lí	Khuyến khích
115	150709	TRẦN HIỀN TRANG	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Địa lí	Nhi
116	150701	HOÀNG BẢO ANH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Địa lí	Ba
117	150702	ĐÀO BẢO CHÂU	THCS Chu Văn An	Long Biên	Địa lí	Ba
118	150707	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Địa lí	Ba
119	150710	TRẦN PHƯƠNG TRÚC	THCS Long Biên	Long Biên	Địa lí	Ba
120	150706	NGUYỄN THẾ PHÚ	THCS Chu Văn An	Long Biên	Địa lí	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
121	150703	TRẦN NGUYỄN HÀ CHI	THCS Gia Thụy	Long Biên	Địa lí	Ba
122	150704	VŨ TUẤN HÙNG	THCS Chu Văn An	Long Biên	Địa lí	Khuyến khích
123	160701	ĐỖ QUỲNH CHI	THCS Tráng Việt	Mê Linh	Địa lí	Ba
124	160710	TRẦN THỊ THANH TRÚC	THCS Tráng Việt	Mê Linh	Địa lí	Ba
125	160709	NGUYỄN CÔNG TRỌNG	THCS Trưng Vương	Mê Linh	Địa lí	Khuyến khích
126	160706	VŨ AN NAM	THCS Quang Minh	Mê Linh	Địa lí	Khuyến khích
127	160704	HÀ XUÂN KIẾN	THCS Trưng Vương	Mê Linh	Địa lí	Khuyến khích
128	160702	NGUYỄN VĨNH HÀ	THCS Trưng Vương	Mê Linh	Địa lí	Khuyến khích
129	160707	LÊ VI NHẬT	THCS Trưng Vương	Mê Linh	Địa lí	Khuyến khích
130	170710	LÊ NGÂN THƯƠNG	THCS Vạn Kim	Mỹ Đức	Địa lí	Nhi
131	170708	NGUYỄN NHƯ NGỌC	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Địa lí	Ba
132	170703	LÊ THỊ DUNG	THCS xã Đồng Tâm	Mỹ Đức	Địa lí	Khuyến khích
133	170702	NGUYỄN NGỌC ÁNH	THCS Đại Hưng	Mỹ Đức	Địa lí	Khuyến khích
134	170704	NGUYỄN THU HUỠNG	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	Địa lí	Khuyến khích
135	170707	NGUYỄN CHÂU NGÂN	THCS Hương Sơn	Mỹ Đức	Địa lí	Khuyến khích
136	170709	NGUYỄN THỊ THẢO	THCS Hợp Tiến	Mỹ Đức	Địa lí	Khuyến khích
137	170705	ĐẶNG THỊ NGỌC LAN	THCS Đốc Tín	Mỹ Đức	Địa lí	Khuyến khích
138	180705	NGUYỄN MINH HÀ	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Địa lí	Nhi
139	180706	NGUYỄN TRÍ HIẾU	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Địa lí	Nhi
140	180710	BÙI KHÁNH VY	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Địa lí	Ba
141	180704	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Địa lí	Ba
142	180703	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Địa lí	Ba
143	180709	VŨ CHI MAI	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Địa lí	Khuyến khích
144	180701	NGUYỄN TUẤN BẢO	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Địa lí	Khuyến khích
145	190706	NGHIÊM THUY LĨNH	THCS Hoàng Long	Phú Xuyên	Địa lí	Nhi
146	190709	BÙI PHƯƠNG THẢO	THCS Hồng Thái	Phú Xuyên	Địa lí	Nhi
147	190707	NGUYỄN DIỆU LINH	THCS Đại Xuyên	Phú Xuyên	Địa lí	Nhi
148	190704	VŨ QUANG DƯƠNG	THCS Đại Xuyên	Phú Xuyên	Địa lí	Nhi
149	190702	NGUYỄN GIA BẢO	THCS Đại Xuyên	Phú Xuyên	Địa lí	Ba
150	190705	PHAN GIA HUY	THCS Tân Dân	Phú Xuyên	Địa lí	Khuyến khích
151	190708	ĐẶNG THỊ ANH MINH	THCS Châu Can	Phú Xuyên	Địa lí	Khuyến khích
152	190710	LÊ ĐÀI TRANG	THCS Phúc Tiến	Phú Xuyên	Địa lí	Khuyến khích
153	190703	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS Đại Xuyên	Phú Xuyên	Địa lí	Khuyến khích
154	200701	NGUYỄN CHÍ BẢO	THCS Thị Trấn Phúc Thọ	Phúc Thọ	Địa lí	Ba
155	200708	NGUYỄN THỊ NHUNG	THCS Thanh Đa	Phúc Thọ	Địa lí	Khuyến khích
156	200710	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	THCS Tam Hiệp	Phúc Thọ	Địa lí	Khuyến khích
157	200703	CHU QUANG LƯU	THCS Thọ Lộc	Phúc Thọ	Địa lí	Khuyến khích
158	200707	PHÙNG THỊ YẾN NHI	THCS Văn Nam	Phúc Thọ	Địa lí	Khuyến khích
159	210704	ĐỖ KHÁNH LINH	THCS Ngọc Mỹ	Quốc Oai	Địa lí	Nhất
160	210710	KIỀU THỊ HUYỀN TRANG	THCS Ngọc Liệp	Quốc Oai	Địa lí	Ba
161	210709	BÙI VĂN THƯỜNG	THCS Cấn Hữu	Quốc Oai	Địa lí	Khuyến khích
162	210701	TẠ THỊ BẢO AN	THCS Đông Yên	Quốc Oai	Địa lí	Khuyến khích
163	210706	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	THCS Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	Địa lí	Khuyến khích
164	220707	NGUYỄN HỮU HÙNG	THCS Đông Xuân	Sóc Sơn	Địa lí	Ba
165	220708	NGUYỄN THỊ ÁNH MAI	THCS Đức Hòa	Sóc Sơn	Địa lí	Khuyến khích
166	220706	ĐẶNG THỊ MINH HUỆ	THCS Minh Trí	Sóc Sơn	Địa lí	Khuyến khích
167	220704	NGÔ CHÍ CƯỜNG	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Địa lí	Khuyến khích
168	220709	NGÔ ĐỨC MẠNH	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Địa lí	Khuyến khích
169	220702	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THCS Phú Minh	Sóc Sơn	Địa lí	Khuyến khích
170	230707	NGUYỄN KIỀU LINH PAULINA	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Địa lí	Nhất
171	230706	NGUYỄN HÀ MY	THCS Phùng Hưng	Sơn Tây	Địa lí	Nhi
172	230708	NGUYỄN THỊ HẢI THIÊN	THCS Sơn Đông	Sơn Tây	Địa lí	Nhi
173	230704	PHAN TIẾN ĐẠT	THCS Đường Lâm	Sơn Tây	Địa lí	Nhi
174	230710	NGUYỄN YẾN TRANG	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Địa lí	Ba
175	230702	NGUYỄN LAN ANH	THCS Thanh Mỹ	Sơn Tây	Địa lí	Khuyến khích
176	230709	NGUYỄN THUY TRANG	THCS Thanh Mỹ	Sơn Tây	Địa lí	Khuyến khích
177	240705	PHẠM HOÀNG GIANG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Địa lí	Nhi
178	240702	HÀ NGỌC BẢO ANH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Địa lí	Ba
179	240704	NGUYỄN HẢI HÀ CHÂU	THCS Phú Thượng	Tây Hồ	Địa lí	Ba
180	240707	VŨ THỊ BẢO LINH	THCS Xuân La	Tây Hồ	Địa lí	Ba
181	240706	NGUYỄN ANH KHÔI	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Địa lí	Khuyến khích
182	240708	NGUYỄN NGỌC LINH NGÀ	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Địa lí	Khuyến khích
183	240701	NGUYỄN ĐOÀN THU AN	THCS An Dương	Tây Hồ	Địa lí	Khuyến khích
184	250710	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	THCS Đồng Trúc	Thạch Thất	Địa lí	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
185	250709	NGUYỄN PHƯƠNG TÚ	THCS Liên Quan	Thạch Thất	Địa lí	Ba
186	250705	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	THCS Lại Thượng	Thạch Thất	Địa lí	Ba
187	250701	NGUYỄN PHÚ KHANG	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Địa lí	Khuyến khích
188	250703	NGUYỄN ĐỨC MINH	THCS Minh Hà	Thạch Thất	Địa lí	Khuyến khích
189	250706	VŨ PHƯƠNG THẢO	THCS Đại Đồng	Thạch Thất	Địa lí	Khuyến khích
190	260708	NGUYỄN VĂN THI	THCS Hồng Dương	Thanh Oai	Địa lí	Nhi
191	260703	NGUYỄN QUANG HUY	THCS Tam Hưng	Thanh Oai	Địa lí	Nhi
192	260705	NGUYỄN HỒNG KỶ	THCS Hồng Dương	Thanh Oai	Địa lí	Nhi
193	260709	NGÔ THU THÚY	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Địa lí	Ba
194	260701	LÊ PHƯƠNG ANH	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Địa lí	Khuyến khích
195	270702	NGUYỄN NGỌC CẨM BÌNH	THCS Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	Địa lí	Nhất
196	270710	NGUYỄN BẢO VY	THCS Thị trấn Văn Điển	Thanh Trì	Địa lí	Ba
197	270705	HOÀNG GIA NHI	THCS Vạn Phúc	Thanh Trì	Địa lí	Ba
198	270701	HỒ NGUYỄN TUỆ ANH	THCS Tân Triều	Thanh Trì	Địa lí	Khuyến khích
199	270706	NGUYỄN QUANG PHÚC	THCS Đại Áng	Thanh Trì	Địa lí	Khuyến khích
200	270703	BÙI NGỌC MINH CHÂU	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Địa lí	Khuyến khích
201	270709	TRƯƠNG KHÁNH VŨ	THCS Thị trấn Văn Điển	Thanh Trì	Địa lí	Khuyến khích
202	270704	NGÔ ĐỨC DUY	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Địa lí	Khuyến khích
203	280703	PHẠM KHÁNH LINH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Địa lí	Nhi
204	280704	PHẠM VŨ THẢO LINH	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Địa lí	Nhi
205	280701	NGUYỄN TRÂM ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Địa lí	Nhi
206	280705	NGUYỄN TUẤN LONG	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Địa lí	Nhi
207	280710	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Địa lí	Ba
208	280707	PHẠM HẠ PHƯƠNG	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Địa lí	Ba
209	280708	LÊ ĐỖ LAM QUỲNH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Địa lí	Ba
210	280702	NGUYỄN MINH HIẾU	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Địa lí	Ba
211	280709	PHÙNG NGUYỆT MINH THU	THCS Khương Mai	Thanh Xuân	Địa lí	Ba
212	280706	NGUYỄN NGỌC HÀ PHƯƠNG	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Địa lí	Khuyến khích
213	290705	NGUYỄN NGỌC LAN	THCS Tự Nhiên	Thường Tín	Địa lí	Khuyến khích
214	300705	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	THCS Trầm Lộng	Ứng Hòa	Địa lí	Nhi
215	300706	PHẠM THỊ THU MINH	THCS Hoa Sơn	Ứng Hòa	Địa lí	Nhi
216	300708	NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Địa lí	Nhi
217	300701	HOÀNG TUẤN ANH	THCS Trung Tú	Ứng Hòa	Địa lí	Nhi
218	300704	TRƯƠNG NGỌC LAN	THCS Trường Thịnh	Ứng Hòa	Địa lí	Ba
219	300703	ĐỖ KHÁNH HÀ	THCS Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	Địa lí	Ba
220	300710	LÊ THỊ THỦY TRANG	THCS Phương Tú	Ứng Hòa	Địa lí	Ba
221	300707	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	THCS Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	Địa lí	Ba
222	300709	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	THCS Hoa Sơn	Ứng Hòa	Địa lí	Ba
223	011303	VŨ MAI CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	GDCD	Nhất
224	011308	LƯƠNG VŨ KIM NGÂN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	GDCD	Nhi
225	011309	ĐOÀN HẠNH NHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	GDCD	Nhi
226	011304	TRẦN VĂN GIANG	THCS Giảng Võ	Ba Đình	GDCD	Ba
227	011307	NGUYỄN THANH NGÀ	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba Đình	GDCD	Khuyến khích
228	011310	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	THCS Thành Công	Ba Đình	GDCD	Khuyến khích
229	021304	PHÙNG THỊ THỦY DƯƠNG	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	GDCD	Nhi
230	021301	CHU THỊ PHƯƠNG ANH	THCS Sơn Đà	Ba Vì	GDCD	Nhi
231	021305	PHAN NGỌC HUYỀN	THCS Phú Châu	Ba Vì	GDCD	Nhi
232	021310	NGUYỄN MINH TRANG	THCS Phú Châu	Ba Vì	GDCD	Ba
233	021309	NGUYỄN ANH THƯ	THCS Tân Hồng	Ba Vì	GDCD	Ba
234	021302	NGUYỄN BẢO CHÂM	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	GDCD	Khuyến khích
235	021303	LÊ MAI DUYÊN	THCS Cẩm Lĩnh	Ba Vì	GDCD	Khuyến khích
236	031306	ĐẶNG THẢO NGUYỄN	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	GDCD	Ba
237	031305	QUÁCH THỊ THANH HUYỀN	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	GDCD	Ba
238	031307	PHAN THỊ MINH SÁNG	THCS Tây Tựu	Bắc Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
239	031304	NGUYỄN THANH HIỀN	THCS Thượng Cát	Bắc Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
240	031301	NGUYỄN MINH ANH	THCS Xuân Đình	Bắc Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
241	031303	VƯƠNG MINH HẰNG	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
242	031308	DIỆM NGUYỄN ANH THƯ	THCS Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
243	041304	TRỊNH THÁI HƯƠNG LINH	THCS Mai Dịch	Cầu Giấy	GDCD	Nhi
244	041310	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	THCS Yên Hòa	Cầu Giấy	GDCD	Nhi
245	041306	HOÀNG NHẬT MINH	THCS Yên Hòa	Cầu Giấy	GDCD	Ba
246	041302	HOÀNG NGÂN ANH	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	GDCD	Khuyến khích
247	041309	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THCS Yên Hòa	Cầu Giấy	GDCD	Khuyến khích
248	051307	LÊ TRÀ MY	THCS Phú Nam An	Chương Mỹ	GDCD	Nhất

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
249	051304	BÙI HƯƠNG GIANG	THCS Hữu Văn	Chương Mỹ	GDCD	Ba
250	051306	ĐỖ THỊ MAI LY	THCS Tiên Phương	Chương Mỹ	GDCD	Ba
251	051301	BÙI PHƯƠNG ANH	THCS Đông Sơn	Chương Mỹ	GDCD	Ba
252	051302	LÊ HÀ CHI	THCS Tiên Phương	Chương Mỹ	GDCD	Ba
253	051303	NGUYỄN THUY CHI	THCS Bê Tông	Chương Mỹ	GDCD	Khuyến khích
254	051305	LÊ THỊ MINH HẰNG	THCS Phụng Châu	Chương Mỹ	GDCD	Khuyến khích
255	051308	TỔNG THỊ NHUNG	THCS Tiên Phương	Chương Mỹ	GDCD	Khuyến khích
256	051309	NGUYỄN THỊ THẢO	THCS Thị trấn Chúc Sơn	Chương Mỹ	GDCD	Khuyến khích
257	051310	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	THCS Tiên Phương	Chương Mỹ	GDCD	Khuyến khích
258	061310	LÊ NGỌC ĐOAN TRANG	THCS Đồng Tháp	Đan Phượng	GDCD	Nhi
259	061305	TRẦN VŨ THANH NGỌC	THCS Đồng Tháp	Đan Phượng	GDCD	Ba
260	061302	HOÀNG THỊ THUY LINH	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	GDCD	Khuyến khích
261	061308	TRẦN NHƯ QUỲNH	THCS Trung Châu	Đan Phượng	GDCD	Khuyến khích
262	061304	NGUYỄN ĐIỀU NGÂN	THCS Tân Hội	Đan Phượng	GDCD	Khuyến khích
263	061306	NGUYỄN THỊ NGỌC NHỊ	THCS Đồng Tháp	Đan Phượng	GDCD	Khuyến khích
264	061307	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	THCS Tân Lập	Đan Phượng	GDCD	Khuyến khích
265	071306	DƯƠNG HỒNG MINH	THCS Mai Lâm	Đông Anh	GDCD	Nhi
266	071302	NGÔ HƯƠNG GIANG	THCS Việt Hùng	Đông Anh	GDCD	Nhi
267	071303	NGUYỄN AN KHÁNH	THCS Nguyên Khê	Đông Anh	GDCD	Nhi
268	071307	NGUYỄN THỊ YẾN NHỊ	THCS Việt Hùng	Đông Anh	GDCD	Ba
269	071301	NGUYỄN HẢI ANH	THCS Dục Tú	Đông Anh	GDCD	Khuyến khích
270	081308	CÔNG ANH THƯ	THCS Bế Văn Đàn	Đống Đa	GDCD	Nhất
271	081307	PHẠM TUẤN QUANG	THCS Đống Đa	Đống Đa	GDCD	Nhi
272	081309	LÊ ĐỨC TOÀN	THCS Lý Thường Kiệt	Đống Đa	GDCD	Nhi
273	081306	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	THCS Bế Văn Đàn	Đống Đa	GDCD	Ba
274	081305	PHẠM VŨ HOA HIỀN	THCS Bế Văn Đàn	Đống Đa	GDCD	Ba
275	081303	DƯƠNG HẠNH DUNG	THCS Quang Trung	Đống Đa	GDCD	Khuyến khích
276	081301	NGUYỄN NGỌC MỸ AN	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	GDCD	Khuyến khích
277	081304	TRẦN BẢO HÂN	THCS Đống Đa	Đống Đa	GDCD	Khuyến khích
278	091301	NGUYỄN THUY AN	THCS Phú Thị	Gia Lâm	GDCD	Nhất
279	091305	PHẠM THỊ HỒNG ÁNH	THCS Trung Mầu	Gia Lâm	GDCD	Nhi
280	091306	LÊ HƯƠNG GIANG	THCS Kiều Kỵ	Gia Lâm	GDCD	Nhi
281	091308	ĐÀO LINH SANG	THCS Dương Quang	Gia Lâm	GDCD	Ba
282	091304	NGUYỄN HỒNG ÁNH	THCS Đặng Xá	Gia Lâm	GDCD	Ba
283	091307	LƯƠNG KHÁNH LY	THCS Bát Tràng	Gia Lâm	GDCD	Ba
284	091310	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	THCS Dương Quang	Gia Lâm	GDCD	Ba
285	091302	NGUYỄN NGỌC ANH	THCS Trung Mầu	Gia Lâm	GDCD	Khuyến khích
286	091303	PHAN NGỌC ANH	THCS Kiều Kỵ	Gia Lâm	GDCD	Khuyến khích
287	101309	HOÀNG QUỲNH THY	THCS Dương Nội	Hà Đông	GDCD	Ba
288	101306	TÔ GIA HỒNG	THCS Văn Quán	Hà Đông	GDCD	Ba
289	101305	TRẦN PHẠM THÚY HIỀN	THCS Văn Quán	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
290	101307	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	THCS Văn Quán	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
291	101310	NGUYỄN HUYỀN TRANG	THCS Phú Lương	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
292	101301	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THCS Văn Quán	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
293	101303	TRẦN NGỌC KHÁNH CHI	THCS Văn Quán	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
294	101308	BẠCH NGỌC MAI	THCS Văn Quán	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
295	101304	NGÔ THỊ MINH GIANG	THCS Dương Nội	Hà Đông	GDCD	Khuyến khích
296	111305	NGUYỄN HẠNH	THCS Tô Hoàng	Hai Bà Trưng	GDCD	Nhất
297	111303	VŨ BẢO CHI	THCS Ngô Quyền	Hai Bà Trưng	GDCD	Nhi
298	111304	VŨ NGỌC DIỆP	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	GDCD	Nhi
299	111309	TRẦN BÍCH NGỌC	THCS Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	GDCD	Nhi
300	111302	PHÙNG ĐAN CHI	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	GDCD	Nhi
301	111306	ĐẶNG NGỌC LÂM	THCS Nguyễn Phong Sắc	Hai Bà Trưng	GDCD	Ba
302	111307	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG LÂN	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	GDCD	Khuyến khích
303	111308	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	THCS Ngô Quyền	Hai Bà Trưng	GDCD	Khuyến khích
304	121303	VƯƠNG BÍCH DIỆP	THCS Di Trạch	Hoài Đức	GDCD	Nhất
305	121309	NGUYỄN VINH THỊ PHƯƠNG	THCS Cát Quế A	Hoài Đức	GDCD	Nhất
306	121308	TRẦN NGỌC BẢO NGÂN	THCS Yên Sở	Hoài Đức	GDCD	Nhi
307	121305	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	THCS Văn Cồn	Hoài Đức	GDCD	Nhi
308	121302	TRẦN THỊ NGỌC ANH	THCS Yên Sở	Hoài Đức	GDCD	Nhi
309	121310	VŨ THỊ HÀ VY	THCS Di Trạch	Hoài Đức	GDCD	Ba
310	121304	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Văn Canh	Hoài Đức	GDCD	Khuyến khích
311	121307	NGUYỄN QUỲNH NGÀ	THCS Văn Cồn	Hoài Đức	GDCD	Khuyến khích
312	131308	LÊ THU LINH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	GDCD	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
313	131301	NGUYỄN HOÀNG DIỄN AN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	GDCD	Ba
314	131310	ĐÀO NGỌC SƠN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	GDCD	Ba
315	131303	ĐÀO NHẬT THỰC ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	GDCD	Khuyến khích
316	131302	DƯƠNG HỒNG THÁI ANH	THCS Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	GDCD	Khuyến khích
317	131305	TRẦN PHƯỚC MINH ANH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	GDCD	Khuyến khích
318	141302	NGÔ PHƯƠNG ANH	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	GDCD	Nhất
319	141301	MAI TUẤN ANH	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	GDCD	Nhất
320	141303	TRẦN LIÊN ANH	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	GDCD	Nhi
321	141308	HOÀNG GIA NHI	THCS Yên Sở	Hoàng Mai	GDCD	Khuyến khích
322	141310	BÙI BẢO VY	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	GDCD	Khuyến khích
323	141306	NGUYỄN HOÀNG THỦY CHI	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	GDCD	Khuyến khích
324	141304	ĐỖ HUYỀN CHÂU	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	GDCD	Khuyến khích
325	151309	NGUYỄN MINH TRANG	THCS Sài Đồng	Long Biên	GDCD	Nhi
326	151301	NGUYỄN THỊ THU AN	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	GDCD	Ba
327	151303	ĐỖ KHÁNH CHI	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	GDCD	Ba
328	151304	PHẠM HÀ CHI	THCS Long Biên	Long Biên	GDCD	Ba
329	151305	NGUYỄN THU GIANG	THCS Ái Mộ	Long Biên	GDCD	Ba
330	151302	ĐỖ HẢI ANH	THCS Chu Văn An	Long Biên	GDCD	Khuyến khích
331	151310	VŨ MINH TRANG	THCS Thạch Bàn	Long Biên	GDCD	Khuyến khích
332	151307	TRẦN THỦY LINH	THCS Giang Biên	Long Biên	GDCD	Khuyến khích
333	151308	VŨ THỦY TIẾN	THCS Phúc Đồng	Long Biên	GDCD	Khuyến khích
334	161308	VĂN YẾN NHI	THCS Trung Vương	Mê Linh	GDCD	Ba
335	161310	ĐỖ THỊ KHÁNH THỦY	THCS Trung Vương	Mê Linh	GDCD	Ba
336	161301	ĐẶNG THU HIỀN	THCS Trung Vương	Mê Linh	GDCD	Khuyến khích
337	161302	NGUYỄN TRANG THU HUYỀN	THCS Trung Vương	Mê Linh	GDCD	Khuyến khích
338	171303	HOÀNG KHÁNH LINH	THCS Hợp Thanh	Mỹ Đức	GDCD	Nhi
339	171304	TRỊNH PHƯƠNG LINH	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	GDCD	Nhi
340	171308	BÙI THIÊN TRÚC	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	GDCD	Ba
341	171301	NGUYỄN PHAN ANH	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	GDCD	Khuyến khích
342	171302	NGUYỄN BÁ HÙNG	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	GDCD	Khuyến khích
343	171307	NGUYỄN THU THƯƠNG	THCS Hợp Thanh	Mỹ Đức	GDCD	Khuyến khích
344	181306	LÊ NGUYỄN DẠ THẢO	THCS Mỹ Đình 1	Nam Từ Liêm	GDCD	Nhi
345	181307	NGUYỄN THỊ YẾN TRANG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	GDCD	Ba
346	181309	NGUYỄN THANH TRÀ	THCS Mỹ Đình 1	Nam Từ Liêm	GDCD	Ba
347	181301	TRẦN PHẠM HIỀN ANH	THCS Mỹ Đình 1	Nam Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
348	181302	PHÙNG LÊ MAI HẠNH	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
349	181308	VŨ HOÀNG THU TRANG	THCS Nguyễn Quý Đức	Nam Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
350	181305	TRẦN PHƯƠNG NHI	THCS Mỹ Đình 1	Nam Từ Liêm	GDCD	Khuyến khích
351	191302	NGUYỄN THẾ BẢO	THCS Minh Tân	Phú Xuyên	GDCD	Nhi
352	191303	NGUYỄN MINH HẰNG	THCS Bạch Hạ	Phú Xuyên	GDCD	Nhi
353	191305	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	THCS Tri Thủy	Phú Xuyên	GDCD	Nhi
354	191307	TRẦN THỊ LAN	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	GDCD	Nhi
355	191310	NGUYỄN TUỆ TÂM	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	GDCD	Ba
356	191308	NGUYỄN PHẠM KIM NGÂN	THCS Nam Tiến	Phú Xuyên	GDCD	Ba
357	191309	PHÙNG THỊ KIM NGÂN	THCS Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên	GDCD	Ba
358	191301	ĐỖ NGỌC ANH	THCS Bạch Hạ	Phú Xuyên	GDCD	Khuyến khích
359	191306	ĐẶNG THỊ HƯƠNG LAN	THCS Quang Trung	Phú Xuyên	GDCD	Khuyến khích
360	201308	LÊ THỊ QUYÊN	THCS Sen Phương	Phúc Thọ	GDCD	Nhất
361	201301	GIANG QUỲNH CHÂU	THCS Liên Hiệp	Phúc Thọ	GDCD	Nhi
362	201305	ĐÀO KHÁNH LY	THCS Tam Hiệp	Phúc Thọ	GDCD	Nhi
363	201307	HOÀNG THỊ MINH NGỌC	THCS Văn Phúc	Phúc Thọ	GDCD	Nhi
364	201303	NGUYỄN NGỌC HÀ	THCS Ngọc Tảo	Phúc Thọ	GDCD	Ba
365	201309	NGUYỄN THU THỦY	THCS Phụng Thượng	Phúc Thọ	GDCD	Ba
366	201310	LÊ ANH THƯ	THCS Vọng Xuyên B	Phúc Thọ	GDCD	Ba
367	201302	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	THCS Phụng Thượng	Phúc Thọ	GDCD	Ba
368	211301	TRẦN NGỌC BẢO CHÂU	THCS Tân Phú	Quốc Oai	GDCD	Nhi
369	211303	NGUYỄN XUÂN CHÍNH	THCS Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	GDCD	Ba
370	211309	VŨ THU TRANG	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	GDCD	Ba
371	211304	CÁN ĐỖ KIÊN	THCS Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	GDCD	Khuyến khích
372	211307	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	THCS Tân Phú	Quốc Oai	GDCD	Khuyến khích
373	211305	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	THCS Đông Yên	Quốc Oai	GDCD	Khuyến khích
374	211306	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	THCS Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	GDCD	Khuyến khích
375	211310	ĐỖ TRẦN THANH TRÚC	THCS Ngọc Liệp	Quốc Oai	GDCD	Khuyến khích
376	221304	NGUYỄN TÂM ĐAN	THCS Thị Trấn	Sóc Sơn	GDCD	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
377	221305	BÙI THU HƯƠNG	THCS Tiên Dược	Sóc Sơn	GDCD	Nhi
378	221303	NGUYỄN THỊ VĂN CHI	THCS Tiên Dược	Sóc Sơn	GDCD	Ba
379	221301	ĐÌNH VĂN ANH	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	GDCD	Ba
380	221309	LÊ NGUYỄN THIÊN THẢO	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	GDCD	Khuyến khích
381	221302	TRẦN HẢI ANH	THCS Phú Minh	Sóc Sơn	GDCD	Khuyến khích
382	221308	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	THCS Xuân Giang	Sóc Sơn	GDCD	Khuyến khích
383	221307	TRẦN LÊ KHÁNH LINH	THCS Nam Sơn	Sóc Sơn	GDCD	Khuyến khích
384	221310	TẠ THỊ THU THỦY	THCS Hiền Ninh	Sóc Sơn	GDCD	Khuyến khích
385	231304	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	THCS Xuân Sơn	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
386	231308	ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG NHI	THCS Kim Sơn	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
387	231301	PHAN MAI ANH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
388	231303	TRỊNH LINH ĐAN	THCS Cổ Đông	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
389	231305	PHÙNG THỊ PHƯƠNG HUYỀN	THCS Sơn Đông	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
390	231309	NGUYỄN KIỀU TIÊU VY	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
391	231306	ĐỖ THỊ TUYẾT MAI	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
392	231307	KHUẤT ĐỖ BÍCH NGỌC	THCS Cổ Đông	Sơn Tây	GDCD	Khuyến khích
393	241309	VŨ THU THẢO	THCS Xuân La	Tây Hồ	GDCD	Ba
394	241310	NGUYỄN MINH THU	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	GDCD	Ba
395	241307	PHẠM BÍCH NGỌC	THCS Phú Thượng	Tây Hồ	GDCD	Khuyến khích
396	241305	NGUYỄN THÁI THUY LINH	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	GDCD	Khuyến khích
397	251310	VŨ THỊ THU UYÊN	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	GDCD	Khuyến khích
398	251301	NGUYỄN THUY GIANG	THCS Tân Xã	Thạch Thất	GDCD	Khuyến khích
399	251306	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	GDCD	Khuyến khích
400	261306	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	THCS Hồng Dương	Thanh Oai	GDCD	Ba
401	261310	NGUYỄN QUỲNH TRANG	THCS Nguyễn Đức Lượng	Thanh Oai	GDCD	Ba
402	261304	MAI KIỀU HÂN	THCS Phương Trung	Thanh Oai	GDCD	Khuyến khích
403	261301	NGUYỄN MINH ANH	THCS Bình Minh	Thanh Oai	GDCD	Khuyến khích
404	261307	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Thanh Cao	Thanh Oai	GDCD	Khuyến khích
405	261309	NGUYỄN PHƯƠNG THUY	THCS Thanh Cao	Thanh Oai	GDCD	Khuyến khích
406	271310	PHÙNG AN THY	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	GDCD	Nhất
407	271307	NGUYỄN HỒNG SÂM	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	GDCD	Nhi
408	271302	VŨ KỶ ANH	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	GDCD	Ba
409	271305	NGUYỄN HOÀNG NGỌC MAI	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	GDCD	Ba
410	271301	NGUYỄN NHO LÊ ANH	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	GDCD	Ba
411	271309	NGUYỄN ANH THY	THCS Ngọc Hồi	Thanh Trì	GDCD	Ba
412	271306	BÙI TUYẾT NHI	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	GDCD	Khuyến khích
413	271308	TRẦN THỊ THU THẢO	THCS Tam Hiệp	Thanh Trì	GDCD	Khuyến khích
414	281302	TRẦN NGỌC THIÊN ÂN	THCS Khương Đình	Thanh Xuân	GDCD	Nhi
415	281301	LÊ ĐỨC THUY ANH	THCS Khương Đình	Thanh Xuân	GDCD	Nhi
416	281305	NGUYỄN LÊ QUỲNH HƯƠNG	THCS Khương Đình	Thanh Xuân	GDCD	Ba
417	281306	NGUYỄN HÀ LINH	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	GDCD	Ba
418	281309	ĐỖ KHÁNH NGỌC	THCS Nhân Chính	Thanh Xuân	GDCD	Ba
419	281307	PHẠM KIM NGÂN	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	GDCD	Ba
420	281310	NGUYỄN NGUYỄN BẢO TRÂM	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	GDCD	Khuyến khích
421	281303	NGUYỄN DUY BÌNH	THCS Khương Đình	Thanh Xuân	GDCD	Khuyến khích
422	281304	NGUYỄN MINH HẰNG	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	GDCD	Khuyến khích
423	291307	TRẦN PHƯƠNG LINH	THCS Tự Nhiên	Thường Tín	GDCD	Nhất
424	291305	NGUYỄN THỊ HUYỀN	THCS Tân Minh	Thường Tín	GDCD	Ba
425	291310	NGUYỄN THUY TRANG	THCS Ninh Sở	Thường Tín	GDCD	Khuyến khích
426	291306	DƯƠNG THỊ NHẬT LINH	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	GDCD	Khuyến khích
427	291308	KHÚC PHƯƠNG THUY	THCS Dũng Tiến	Thường Tín	GDCD	Khuyến khích
428	301304	LÊ NHƯ BÌNH	THCS Phương Tú	Ứng Hòa	GDCD	Ba
429	301305	QUÁCH HOÀNG HẢI	THCS Trung Tú	Ứng Hòa	GDCD	Khuyến khích
430	301307	NGUYỄN TÚ QUYÊN	THCS Hòa Phú	Ứng Hòa	GDCD	Khuyến khích
431	301309	LƯU HUYỀN TRANG	THCS Hòa Xá	Ứng Hòa	GDCD	Khuyến khích
432	301303	VŨ QUỲNH ANH	THCS Cao Thành	Ứng Hòa	GDCD	Khuyến khích
433	010408	VŨ HỒNG PHÚC	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Hóa học	Nhi
434	010404	TRẦN NAM KHÁNH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Hóa học	Ba
435	010409	ĐỖ THÁI MINH SƠN	THCS Thành Công	Ba Đình	Hóa học	Ba
436	010410	LƯƠNG MINH TRÍ	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Hóa học	Ba
437	010402	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Thăng Long	Ba Đình	Hóa học	Ba
438	010406	DƯƠNG TÙNG LÂM	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Hóa học	Ba
439	010401	NGUYỄN PHÚ ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Hóa học	Ba
440	010403	NGUYỄN TUẤN HẢI	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Hóa học	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
441	010407	TRẦN TUẤN NAM	THCS Thăng Long	Ba Đình	Hóa học	Khuyến khích
442	020410	NGUYỄN NGỌC THỊNH	THCS Thụy An	Ba Vì	Hóa học	Khuyến khích
443	030407	LÊ THÀNH LUÂN	THCS Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Hóa học	Khuyến khích
444	030403	NGUYỄN KIM HIỆP	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Hóa học	Nhi
445	030406	VŨ NHẬT LONG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Hóa học	Nhi
446	030405	DƯƠNG HOÀNG LÂM	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Hóa học	Khuyến khích
447	030411	HOÀNG ANH TUẤN	THCS Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm	Hóa học	Khuyến khích
448	030409	ĐÀO HỒ NHẬT PHÚC	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	Hóa học	Khuyến khích
449	040427	VŨ PHƯƠNG THẢO	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
450	040406	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
451	040407	THÁI HỒNG QUỲNH CHI	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
452	040415	NGUYỄN NHẬT MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
453	040429	LÊ ĐỨC TRUNG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
454	040411	NGÔ QUANG HÙNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
455	040405	NGUYỄN NGỌC QUẾ CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
456	040416	NGUYỄN THÁI MINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
457	040410	TRẦN KHÁNH HÒA	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhất
458	040412	TUẤN MAI KHANH	THCS Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
459	040428	LÊ ANH THƯ	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
460	040418	VŨ BÁ MINH	THCS Mai Dịch	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
461	040424	NGUYỄN THẾ QUANG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
462	040402	LƯU THUY ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
463	040403	NGUYỄN LÊ THẢO ANH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
464	040419	NGUYỄN HÀ MY	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
465	040420	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
466	040421	HOÀNG BẢO NGÂN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
467	040422	PHAN SỸ HÙNG PHONG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
468	040417	NGUYỄN TUẤN MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
469	040423	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
470	040425	CAO MINH SƠN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
471	040413	LÊ HOÀNG LONG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
472	040426	NGUYỄN TIẾN THÀNH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
473	040404	NGUYỄN QUANG ANH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
474	040401	LÃ NAM ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Nhi
475	040414	ĐỖ ĐÀO TUẤN MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Hóa học	Ba
476	040409	NGUYỄN XUÂN CHÍ HIỀN	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Hóa học	Ba
477	040408	ĐẶNG NGUYỄN ĐỨC HIẾU	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Cầu Giấy	Hóa học	Ba
478	040430	LÊ KIM VĨNH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Hóa học	Ba
479	050404	HÀ DŨNG	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Hóa học	Khuyến khích
480	050402	TRỊNH DUY ANH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Hóa học	Khuyến khích
481	050407	NGUYỄN MINH NGỌC	THCS Xuân Mai A	Chương Mỹ	Hóa học	Khuyến khích
482	060407	BÙI THANH LÂM	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Hóa học	Nhi
483	060410	NGUYỄN HỮU NGHĨA	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Hóa học	Ba
484	060403	TRẦN VĂN ĐẠT	THCS Thọ An	Đan Phượng	Hóa học	Ba
485	060406	NGUYỄN DUY KHẢI	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Hóa học	Khuyến khích
486	060405	BÙI TRỌNG DUY KHÁNH	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Hóa học	Khuyến khích
487	060408	BÙI NGỌC QUANG MINH	THCS Tân Lập	Đan Phượng	Hóa học	Khuyến khích
488	060404	TẠ TRUNG HIẾU	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Hóa học	Khuyến khích
489	070404	NGUYỄN CÔNG BÌNH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Hóa học	Nhất
490	070405	ĐỖ MINH CHÂU	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Nhi
491	070406	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Nhi
492	070412	CHU LÂM NHI	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Hóa học	Nhi
493	070408	NGUYỄN ĐỨC TUẤN DŨNG	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Hóa học	Ba
494	070409	LƯU MINH KHANG	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Ba
495	070413	TRẦN THU TRÀ	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Ba
496	070410	HOÀNG PHƯƠNG LINH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Ba
497	070403	TRƯƠNG KHÁNH BẢO	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Ba
498	070402	NGUYỄN THỊ MINH ANH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Hóa học	Ba
499	070415	ĐỖ CHÍ VỊNH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Hóa học	Ba
500	070414	NGUYỄN PHAN THẢO VÂN	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Hóa học	Khuyến khích
501	070411	ĐOÀN THỊ THUY NGÂN	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Hóa học	Khuyến khích
502	080401	ĐỖ NGỌC GIA BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Nhi
503	080409	TRƯƠNG ANH QUÂN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Nhi
504	080402	VỊ ĐỨC BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
505	080407	NGUYỄN KHẮC MINH KHÔI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Nhì
506	080406	KHƯƠNG ĐÌNH HUY	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Ba
507	080404	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Ba
508	080405	HOÀNG NGỌC BẢO GIANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Ba
509	080410	NGUYỄN PHÚC VINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Ba
510	080403	NGUYỄN MINH CHÁU	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Ba
511	080408	VŨ LÊ PHƯƠNG LINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Hóa học	Ba
512	090405	ĐỖ HOÀNG DŨNG	THCS Đa Tồn	Gia Lâm	Hóa học	Khuyến khích
513	090401	LUÂN MẠC QUỲNH ANH	THCS Thị Trấn Yên Viên	Gia Lâm	Hóa học	Khuyến khích
514	090406	VÕ VĂN PHÚC ĐƯỜNG	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Hóa học	Khuyến khích
515	090410	ĐÌNH GIA TUẤN	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Hóa học	Khuyến khích
516	090404	PHẠM MAI CHI	THCS Yên Thường	Gia Lâm	Hóa học	Khuyến khích
517	100404	NGUYỄN THÀNH NHÂN	THCS Lê Quý Đôn-Hà Đông	Hà Đông	Hóa học	Ba
518	100402	NGUYỄN ANH ĐỨC	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Hóa học	Ba
519	100403	LÊ NGUYỄN DIỆU LINH	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Hóa học	Ba
520	100410	NGHIÊM ĐỖ ĐỨC TỬ	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Hóa học	Ba
521	100405	CAO MINH PHÚC	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Hóa học	Khuyến khích
522	100401	LÊ THỊ MINH CHÁU	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Hóa học	Khuyến khích
523	100409	NGUYỄN KHÁNH TRÚC	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Hóa học	Khuyến khích
524	100408	LÊ ĐỨC TRUNG	THCS Phú Lương	Hà Đông	Hóa học	Khuyến khích
525	110408	NGUYỄN DUY QUANG	THCS Ngô Gia Tự	Hải Bà Trưng	Hóa học	Nhì
526	110410	NGUYỄN DUY VINH	THCS Ngô Gia Tự	Hải Bà Trưng	Hóa học	Ba
527	110405	VŨ PHƯƠNG LINH	THCS Lê Ngọc Hân	Hải Bà Trưng	Hóa học	Khuyến khích
528	120403	BÙI KHÁNH HOÀNG	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Hóa học	Khuyến khích
529	120407	PHÙNG TUẤN MINH	THCS Alpha	Hoài Đức	Hóa học	Khuyến khích
530	120404	VŨ ĐÌNH HUY	THCS Tiền Yên	Hoài Đức	Hóa học	Khuyến khích
531	120406	ĐỖ NGỌC MINH	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Hóa học	Khuyến khích
532	130406	NGUYỄN HỮU ĐỨC	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Hóa học	Nhất
533	130408	TRẦN BẢO LINH	THCS Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	Hóa học	Nhất
534	130403	TRẦN NGỌC ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Hóa học	Nhì
535	130401	NGUYỄN TƯỜNG AN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Hóa học	Nhì
536	130404	ĐỖ DUY BẢO	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Hóa học	Ba
537	130402	NGUYỄN NGỌC ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Hóa học	Ba
538	130410	BÙI MINH TRÍ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Hóa học	Khuyến khích
539	130407	NGUYỄN PHƯƠNG LÊ	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Hóa học	Khuyến khích
540	130405	TRẦN MỸ PHƯƠNG CHI	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Hóa học	Khuyến khích
541	140405	TRẦN GIA LINH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Hóa học	Nhì
542	140406	TRẦN NGỌC LINH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Hóa học	Nhì
543	140403	LÊ NAM KHÁNH	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Hóa học	Ba
544	140404	NGUYỄN MINH KHẢI	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Hóa học	Ba
545	140410	PHÙNG QUỐC TUẤN	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Hóa học	Ba
546	140409	NGUYỄN LÊ ANH TRƯỜNG	THCS Đại Kim	Hoàng Mai	Hóa học	Ba
547	140408	TRẦN THỊ THẢO PHƯƠNG	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Hóa học	Khuyến khích
548	140401	NGUYỄN GIA HUY	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	Hóa học	Khuyến khích
549	140402	VŨ ĐỨC HUY	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Hóa học	Khuyến khích
550	140407	ĐỖ HOÀNG MINH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Hóa học	Khuyến khích
551	150408	PHẠM QUANG MINH	THCS Gia Thụy	Long Biên	Hóa học	Khuyến khích
552	150405	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	THCS Chu Văn An	Long Biên	Hóa học	Nhì
553	150410	NGUYỄN ANH THỨ	THCS Ngô Gia Tự	Long Biên	Hóa học	Nhì
554	150402	NGUYỄN TIẾN HÀ DŨNG	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	Hóa học	Ba
555	150406	NGUYỄN MINH KHÔI	THCS Ái Mộ	Long Biên	Hóa học	Ba
556	150401	LÊ TRẦN HẢI ANH	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	Hóa học	Ba
557	150407	NGUYỄN NHẬT MINH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Hóa học	Khuyến khích
558	150403	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Hóa học	Khuyến khích
559	150409	PHẠM LÊ MINH PHƯƠNG	THCS Thanh Am	Long Biên	Hóa học	Khuyến khích
560	160402	NGUYỄN KIM CHI	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Hóa học	Khuyến khích
561	160403	NGUYỄN ANH DUY	THCS Trưng Vương	Mê Linh	Hóa học	Nhì
562	160408	NGUYỄN DUY TIẾN	THCS Tự Lập	Mê Linh	Hóa học	Nhì
563	170402	BÙI THỊ DIỆU CHÁU	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Hóa học	Khuyến khích
564	170408	NGUYỄN NGỌC KHÔI NGUYỄN	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Hóa học	Khuyến khích
565	170401	TRẦN NGUYỆT ANH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Hóa học	Khuyến khích
566	170405	NGUYỄN VIỆT KHÁNH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Hóa học	Ba
567	170410	TRẦN MINH TUẤN	THCS An Mỹ	Mỹ Đức	Hóa học	Ba
568	170403	KIM VĂN CHIẾN	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	Hóa học	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
569	170406	VŨ NGUYỄN DIỆU LINH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Hóa học	Khuyến khích
570	170409	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	Hóa học	Khuyến khích
571	180408	BÙI THANH MAI	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hóa học	Nhì
572	180406	ĐỖ CAO CHỨC	THCS Cầu Diễn	Nam Từ Liêm	Hóa học	Nhì
573	180403	LÊ NGỌC ANH	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hóa học	Ba
574	180401	NGHIÊM BÁ PHÚC AN	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hóa học	Ba
575	180404	NGUYỄN TRÂM ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hóa học	Ba
576	180405	TRƯƠNG NAM ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hóa học	Ba
577	180410	PHẠM THANH TUẤN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hóa học	Ba
578	180407	NGÔ KHÁNH HƯNG	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hóa học	Khuyến khích
579	180409	VŨ VĂN ĐỨC PHÁT	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hóa học	Khuyến khích
580	190405	NGÔ VĂN ANH ĐỨC	THCS Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên	Hóa học	Khuyến khích
581	190410	LƯƠNG PHÚ TRỌNG	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Hóa học	Ba
582	190404	ĐỖ BÁ ĐỒNG	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Hóa học	Ba
583	190407	DƯƠNG MINH HIẾU	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Hóa học	Ba
584	190402	ĐẶNG MINH CHÁU	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Hóa học	Khuyến khích
585	190401	PHẠM VŨ HÀ ANH	THCS Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên	Hóa học	Khuyến khích
586	190409	NGUYỄN TIẾN MINH	THCS Hoàng Long	Phú Xuyên	Hóa học	Khuyến khích
587	190408	DƯƠNG TUẤN KIỆT	THCS Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	Hóa học	Khuyến khích
588	200403	DOÀN QUANG HUY	THCS Vân Phúc	Phúc Thọ	Hóa học	Khuyến khích
589	200406	CÁN NGỌC TÂN PHÁT	THCS Ngọc Tảo	Phúc Thọ	Hóa học	Khuyến khích
590	200405	BÙI TRUNG KIẾN	THCS Vân Phúc	Phúc Thọ	Hóa học	Ba
591	200408	ĐÀO THỂ SƠN	THCS Vân Phúc	Phúc Thọ	Hóa học	Ba
592	200407	DƯƠNG THU QUỲNH	THCS Phụng Thượng	Phúc Thọ	Hóa học	Khuyến khích
593	210405	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Hóa học	Khuyến khích
594	210401	ĐÀO PHƯƠNG ANH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Hóa học	Khuyến khích
595	210409	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Hóa học	Khuyến khích
596	210406	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Hóa học	Khuyến khích
597	210407	NGUYỄN VIỆT TIẾN QUANG	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Hóa học	Khuyến khích
598	220407	BÙI GIA KHÁNH	THCS Thanh Xuân	Sóc Sơn	Hóa học	Khuyến khích
599	230406	NGUYỄN MINH HẰNG	THCS Trung Hưng	Sơn Tây	Hóa học	Khuyến khích
600	230402	NGUYỄN PHÚC AN	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Hóa học	Khuyến khích
601	230408	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Hóa học	Khuyến khích
602	230410	PHƯƠNG VĂN THẮNG	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Hóa học	Khuyến khích
603	230409	VŨ ĐỨC THÀNH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Hóa học	Khuyến khích
604	240407	PHƯƠNG KỶ LÂM	THCS Xuân La	Tây Hồ	Hóa học	Nhì
605	240406	ĐINH ĐỨC KHANG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Hóa học	Ba
606	240405	VŨ BẢO CHI	THCS Xuân La	Tây Hồ	Hóa học	Khuyến khích
607	240408	HÀ NHẬT MINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Hóa học	Khuyến khích
608	240410	NGUYỄN ĐÌNH SANG	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Hóa học	Khuyến khích
609	250405	NGUYỄN MẠNH HÙNG	THCS Phú Kim	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
610	250406	NGUYỄN HỒNG NHUNG	THCS Bình Phú	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
611	250402	VŨ PHƯƠNG ANH	THCS Hữu Bằng	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
612	250403	LIÊU TRƯỜNG GIANG	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
613	250408	CÁN PHÚC SANG	THCS Phú Kim	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
614	250410	NGUYỄN VĂN TÚ	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
615	250401	PHÍ NGỌC ANH	THCS Hương Ngải	Thạch Thất	Hóa học	Khuyến khích
616	260403	NGUYỄN ĐỨC ĐIỀN	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
617	260405	PHẠM AN KHANG	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
618	260401	NGUYỄN THỊ ÁNH	THCS Cao Viên	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
619	260407	ĐỖ MINH NGỌC	THCS Tam Hưng	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
620	260402	PHAN NGUYỄN NGỌC DIỆP	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
621	260406	LÊ PHÚ LONG	THCS Thanh Mai	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
622	260408	ĐỖ VĂN THÀNH	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Hóa học	Khuyến khích
623	270404	TRẦN HỒNG HẠNH	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Hóa học	Khuyến khích
624	270405	NGUYỄN LÊ HÙNG	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Hóa học	Ba
625	270403	ĐỖ MINH HÀ	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Hóa học	Ba
626	270410	ĐỖ PHAN NGỌC THƯ	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Hóa học	Ba
627	270402	LÊ HẢI ĐĂNG	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Hóa học	Ba
628	270409	ĐINH HOÀNG TÂN PHÁT	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	Hóa học	Khuyến khích
629	270401	PHAN LÊ THIÊN BẢO	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Hóa học	Khuyến khích
630	270407	NGUYỄN THỂ ANH KHOA	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Hóa học	Khuyến khích
631	280407	NGUYỄN BẢO LINH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Hóa học	Nhì
632	280408	LÊ THẠC MINH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Hóa học	Nhì

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
633	280401	LÊ QUANG NAM ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Hóa học	Nhi
634	280412	ĐẶNG TUẤN THÀNH	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Hóa học	Nhi
635	280406	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
636	280413	TRẦN VÕ THỦY THỂ	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
637	280414	LÊ MINH TUẤN	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
638	280402	PHẠM HOÀNG CHÂU ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
639	280415	NGUYỄN SỸ KHOA VŨ	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
640	280405	DOÀN MINH ĐỨC	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
641	280403	NGÔ QUANG BẢO	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Hóa học	Ba
642	280409	NGUYỄN HOÀNG NAM	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Hóa học	Khuyến khích
643	280404	ĐẶNG DŨNG	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Hóa học	Khuyến khích
644	280411	TẠ VŨ PHONG	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Hóa học	Khuyến khích
645	290402	NGUYỄN HỮU DUY	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Hóa học	Khuyến khích
646	300407	TẠ HOÀNG PHÚC	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Hóa học	Khuyến khích
647	300404	NGUYỄN QUANG HUY	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Hóa học	Khuyến khích
648	300405	TRẦN VIỆT LÂN	THCS Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	Hóa học	Khuyến khích
649	011409	ĐỖ DÌNH KHÔI	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba Đình	Khoa học	Nhi
650	010302	NGUYỄN DÌNH VĨNH ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Nhi
651	010407	TRẦN TUẤN NAM	THCS Thăng Long	Ba Đình	Khoa học	Nhi
652	011411	VŨ THÀNH NAM	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Khoa học	Nhi
653	011405	ĐÀO PHƯƠNG CHI	THCS Thăng Long	Ba Đình	Khoa học	Nhi
654	011406	PHẠM TUẤN ĐẠT	THCS Thăng Long	Ba Đình	Khoa học	Nhi
655	010404	TRẦN NAM KHÁNH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Ba
656	011414	TRẦN MINH TRÍ	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba Đình	Khoa học	Ba
657	010501	VŨ TRẦN PHƯƠNG ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Ba
658	011404	DƯƠNG KHÁNH CHI	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba Đình	Khoa học	Ba
659	010301	LÊ NAM ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Ba
660	011402	VŨ HÀ ANH	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Khoa học	Ba
661	011410	TRẦN HÀ LINH	THCS Thăng Long	Ba Đình	Khoa học	Ba
662	011412	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	THCS Thăng Long	Ba Đình	Khoa học	Ba
663	010309	VŨ THANH KIM SƠN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Ba
664	011408	LÊ NGỌC GIA HÂN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Khuyến khích
665	011401	NGUYỄN HẢ ANH	THCS Thành Công	Ba Đình	Khoa học	Khuyến khích
666	011413	PHẠM TUỆ PHÚC	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Khoa học	Khuyến khích
667	011403	NGUYỄN ANH GIA BẢO	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Khoa học	Khuyến khích
668	020410	NGUYỄN NGỌC THỊNH	THCS Thụy An	Ba Vì	Khoa học	Ba
669	020208	NGUYỄN TRÍ TÍN	THCS Thái Hòa	Ba Vì	Khoa học	Ba
670	020209	NGUYỄN BÁ TÙNG	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	Khoa học	Khuyến khích
671	020404	NGUYỄN ĐỨC HẢI	THCS Tân Đà	Ba Vì	Khoa học	Khuyến khích
672	020401	LÊ THỊ MỸ CHÂU	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	Khoa học	Khuyến khích
673	020407	PHÙNG LAN NHI	THCS TTNC Bò&Đông Cỏ	Ba Vì	Khoa học	Khuyến khích
674	030406	VŨ NHẬT LONG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Nhất
675	030403	NGUYỄN KIM HIỆP	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Nhi
676	030508	VŨ THỦY LINH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Nhi
677	030304	NGUYỄN VĂN HỨA	THCS Tây Tựu	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Ba
678	030405	DƯƠNG HOÀNG LÂM	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Ba
679	030411	HOÀNG ANH TUẤN	THCS Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Ba
680	030501	ĐỖ TRẦN XUÂN BÁCH	THCS Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
681	031407	TRẦN THỰC QUYÊN	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
682	030402	NGUYỄN NGỌC ÁNH	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
683	030310	NGUYỄN HỮU THANH SƠN	THCS Thượng Cát	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
684	030503	LÊ VĂN NGUYỄN HÙNG	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
685	031401	PHẠM MINH ĐĂNG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
686	030408	NGUYỄN NHẬT MINH	THCS Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
687	041429	TRẦN THỰC QUYÊN	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
688	040402	LƯU THỦY ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
689	041403	LÊ TUỆ CHÂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
690	040416	NGUYỄN THÁI MINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
691	041407	ĐỖ CÔNG DANH	THCS và THPT Nguyễn Siêu	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
692	041402	TRẦN TUẤN BẢO	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
693	040507	VƯƠNG HÀ CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
694	041415	HOÀNG GIA KIÊN	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
695	040417	NGUYỄN TUẤN MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhất
696	040412	TUẤN MAI KHANH	THCS Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Khoa học	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
697	041417	NGÔ ĐÌNH BẢO LÂM	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
698	041427	LÊ TRUNG PHÚC	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
699	041426	CAO TUẤN PHONG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
700	041413	TRẦN NGỌC HÙNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
701	041421	TỔNG HOÀNG LINH	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
702	041420	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
703	041434	PHÙNG THỊ BẢNG VIỆT	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
704	041418	NGUYỄN LÂM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
705	041404	NGUYỄN TRẦN BẢO CHÂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
706	041412	PHAN MINH HIẾU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
707	041414	CẦN ANH KHOA	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
708	040325	CÔNG THÀNH VINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
709	040418	VŨ BẢ MINH	THCS Mai Dịch	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
710	041408	DƯƠNG TUẤN DŨNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
711	041416	NGUYỄN TUẤN KIẾT	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
712	041411	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
713	040519	ĐỖ GIA LINH	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
714	041428	NGUYỄN ĐÔNG QUÂN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
715	041422	TRẦN NGỌC MAI	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Khoa học	Nhì
716	041433	NGUYỄN HẢI VIỆT	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
717	041405	LÊ QUỲNH CHI	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
718	041423	TRƯƠNG VŨ NGỌC MAI	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
719	041424	LÊ ĐỨC MINH	THCS Nam Trung Yên	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
720	041431	TRỊNH XUÂN SƠN	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
721	041409	NGUYỄN HUY DŨNG	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
722	041410	TRẦN MINH ĐỨC	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
723	041419	NGUYỄN HẢI LINH	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
724	041430	MAI TRẦN ĐỨC SANG	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Khoa học	Ba
725	041425	NGUYỄN SƠN NAM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Khuyến khích
726	041401	ĐỖ THÀNH AN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Khoa học	Khuyến khích
727	041406	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH CHI	THCS Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	Khoa học	Khuyến khích
728	041432	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG THÚY	THCS Mai Dịch	Cầu Giấy	Khoa học	Khuyến khích
729	051409	NGUYỄN HUY MINH	THCS Trung Hòa	Chương Mỹ	Khoa học	Ba
730	050207	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG SƠN	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Khoa học	Ba
731	051410	NGUYỄN HỮU HOÀNG MINH	THCS Xuân Mai A	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
732	051411	NGUYỄN TRỌNG MINH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
733	050309	NGUYỄN TẮT THẮNG	THCS Phú Nghĩa	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
734	050506	HOÀNG KIỀU THANH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
735	050405	TRẦN VĂN ĐỨC	THCS Ngọc Hòa	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
736	051407	TRẦN BẢ XUÂN HÒA	THCS Đông Phương Yên	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
737	051412	NGUYỄN YẾN NHI	THCS Tiên Phương	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
738	051413	NGUYỄN DUY TIẾN	THCS Thụy Hương	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
739	051402	PHAN NGỌC HOÀNG DƯƠNG	THCS Đông Phương Yên	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
740	050201	TRẦN LÊ ANH	THCS Lương Mỹ	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
741	051405	NGUYỄN TẮT HẢO	THCS Nam Phương Tiến A	Chương Mỹ	Khoa học	Khuyến khích
742	060407	BÙI THANH LÂM	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Khoa học	Nhì
743	060510	TRỊNH ĐỨC VIỆT	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Khoa học	Nhì
744	060401	NGUYỄN TUẤN ANH	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Khoa học	Ba
745	060408	BÙI NGỌC QUANG MINH	THCS Tân Lập	Đan Phượng	Khoa học	Ba
746	060410	NGUYỄN HỮU NGHĨA	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
747	060505	TRỊNH MAI LAN	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
748	060404	TẠ TRUNG HIẾU	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
749	060507	LÊ MINH QUANG	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
750	060405	BÙI TRỌNG DUY KHÁNH	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
751	060307	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
752	060508	NGUYỄN THANH THẢO	THCS Tân Hội	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
753	060309	BÙI TUẤN HOÀNG QUÂN	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Khoa học	Khuyến khích
754	070508	NGUYỄN TƯỜNG NHI	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Khoa học	Nhất
755	070505	NGUYỄN HOÀNG LINH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Khoa học	Nhất
756	071401	LÊ NGỌC TRÂM ANH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Khoa học	Nhất
757	070402	NGUYỄN THỊ MINH ANH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Khoa học	Nhì
758	070404	NGUYỄN CÔNG BÌNH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Khoa học	Nhì
759	070409	LƯU MINH KHANG	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Khoa học	Nhì
760	070406	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Khoa học	Nhì

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
761	070301	LẠI PHÚC ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Khoa học	Nhì
762	071402	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Nhì
763	071409	NGUYỄN ANH TUẤN	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Khoa học	Nhì
764	070304	TRẦN NGỌC DIỆP	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Nhì
765	070310	NGUYỄN BÁCH TÙNG	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Nhì
766	070302	NGUYỄN HOÀNG NAM ANH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Nhì
767	071404	VŨ GIA HUY	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Nhì
768	071408	TỬ BẢO THY	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Ba
769	071403	TRẦN MẠNH ĐỨC	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Khoa học	Ba
770	071405	LÊ KHẮC GIA HUNG	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Ba
771	071406	LƯU QUANG MINH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Ba
772	071407	HOÀNG MINH NGỌC	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Ba
773	070411	ĐOÀN THỊ THỦY NGÂN	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Khoa học	Khuyến khích
774	080409	TRƯƠNG ANH QUÂN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhất
775	080512	NGUYỄN KHÁNH NAM	THCS Đống Đa	Đống Đa	Khoa học	Nhất
776	080511	PHẠM ĐĂNG MINH	THCS Cát Linh	Đống Đa	Khoa học	Nhì
777	080306	PHẠM BẢO MAI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
778	080410	NGUYỄN PHÚC VINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
779	080401	ĐỖ NGỌC GIA BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
780	080402	VI ĐỨC BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
781	080404	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
782	080303	NGUYỄN TRUNG HIẾU	THCS Cát Linh	Đống Đa	Khoa học	Nhì
783	080508	TRỊNH LINH GIANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
784	080501	PHẠM KIỀU AN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
785	080407	NGUYỄN KHẮC MINH KHÔI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
786	080408	VŨ LÊ PHƯƠNG LINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Nhì
787	080507	NGUYỄN KHÁNH DUY	THCS Đống Đa	Đống Đa	Khoa học	Ba
788	080305	NGÔ VŨ CHI MAI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Ba
789	080503	NGUYỄN MINH ANH	THCS Thịnh Quang	Đống Đa	Khoa học	Khuyến khích
790	080307	NGUYỄN VŨ TUẤN MINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Khuyến khích
791	080310	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Khoa học	Khuyến khích
792	090308	NGUYỄN NGỌC MAI	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Khoa học	Ba
793	090410	ĐÌNH GIA TUẤN	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
794	090507	NGUYỄN HẢ PHƯƠNG	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
795	090501	NGUYỄN HOÀNG LINH	THCS Kim Sơn	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
796	091403	ĐÀO ĐỨC HIẾU	THCS Thị Trấn Yên Viên	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
797	090509	LƯU PHƯƠNG THẢO	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
798	090406	VÕ VĂN PHÚC ĐƯỜNG	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
799	090402	VŨ QUỲNH ANH	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
800	090309	TRỊNH HẢI TIẾN	THCS Thị Trấn Yên Viên	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
801	090302	NGUYỄN ĐẠO BẢO CHẤN	THCS Ninh Hiệp	Gia Lâm	Khoa học	Khuyến khích
802	100410	NGHIÊM ĐỖ ĐỨC TÚ	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Khoa học	Nhì
803	101415	DIỆP THẾ VINH	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Khoa học	Nhì
804	100408	LÊ ĐỨC TRUNG	THCS Phú Lương	Hà Đông	Khoa học	Ba
805	101404	VŨ PHƯƠNG CHI	THCS Phú Cường	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
806	100310	VŨ NGUYỄN VŨ	TH và THCS Lômonôxốp Tây Hà Nội	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
807	100505	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	THCS Trần Đăng Ninh	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
808	101405	HOÀNG ĐÌNH DŨNG	THCS Trần Đăng Ninh	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
809	101408	NGUYỄN THỊ HẢ LINH	THCS Văn Quán	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
810	101410	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
811	101409	BÙI GIA MINH	THCS Phú Lương	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
812	101401	NGUYỄN HẢI THANH AN	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
813	101407	ĐỖ QUÝ HUNG	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Khoa học	Khuyến khích
814	111408	PHÙNG KHÁNH NAM	THCS Tô Hoàng	Hai Bà Trưng	Khoa học	Nhì
815	110407	HOÀNG NGUYỄN	THCS Hà Huy Tập	Hai Bà Trưng	Khoa học	Nhì
816	110405	VŨ PHƯƠNG LINH	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Khoa học	Nhì
817	110402	LÊ MINH HẢI	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Khoa học	Ba
818	110307	NGUYỄN ĐÌNH MINH QUANG	THCS Vinh Tuy	Hai Bà Trưng	Khoa học	Ba
819	110401	NGUYỄN QUANG DŨNG	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Khoa học	Ba
820	110406	LÊ THÀNH NAM	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Khoa học	Khuyến khích
821	111407	ĐOÀN HOÀNG NAM	THCS Trưng Nhị	Hai Bà Trưng	Khoa học	Khuyến khích
822	110508	NGUYỄN TRANG MY	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Khoa học	Khuyến khích
823	110403	NGUYỄN MINH KHUÊ	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Khoa học	Khuyến khích
824	111402	PHẠM KỶ ANH	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	Khoa học	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
825	120303	PHÍ THÀNH HÙNG	THCS Thị Trấn Tràm Trôi	Hoài Đức	Khoa học	Nhì
826	120201	HOÀNG TUẤN HẢI ĐĂNG	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Khoa học	Nhì
827	121411	NGUYỄN THÀNH NAM	THCS Yên Sở	Hoài Đức	Khoa học	Ba
828	121401	NGÔ VĂN ĐỨC ANH	THCS Dương Liễu	Hoài Đức	Khoa học	Ba
829	121414	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG QUYỀN	THCS La Phù	Hoài Đức	Khoa học	Ba
830	121412	VŨ HỒNG PHÚC	THCS Thị Trấn Tràm Trôi	Hoài Đức	Khoa học	Ba
831	121402	NGUYỄN HOÀI ÁNH	THCS Cát Quế A	Hoài Đức	Khoa học	Khuyến khích
832	121407	NGUYỄN MINH HẰNG	THCS Yên Sở	Hoài Đức	Khoa học	Khuyến khích
833	121403	TẠ VĂN BÌNH	THCS Đắc Sở	Hoài Đức	Khoa học	Khuyến khích
834	121408	ĐỖ THỊ HIỀN	THCS Lại Yên	Hoài Đức	Khoa học	Khuyến khích
835	120301	HOÀNG MINH ANH	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Khoa học	Khuyến khích
836	130403	TRẦN NGỌC ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Nhất
837	130506	LÊ QUỲNH CHI	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Nhì
838	130406	NGUYỄN HỮU ĐỨC	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Khoa học	Nhì
839	130402	NGUYỄN NGỌC ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
840	130409	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
841	130309	HOÀNG TUẤN PHONG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
842	131405	PHAN HOÀNG THƯ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
843	130509	PHẠM HÀ BẢO LÂM	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
844	131401	PHẠM THÁI GIA	THCS Chương Dương	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
845	131407	PHẠM TUẤN TÚ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
846	130503	TỔNG HÀ ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
847	131406	NGUYỄN HỮU TRỌNG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
848	131408	NGUYỄN KHÁNH VĂN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Khoa học	Ba
849	131403	TRẦN MINH KHUÊ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Khuyến khích
850	130514	NGUYỄN HỮU MINH PHÚC	THCS Chương Dương	Hoàn Kiếm	Khoa học	Khuyến khích
851	130408	TRẦN BẢO LINH	THCS Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	Khoa học	Khuyến khích
852	131402	NGÔ QUANG KHÁI	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Khuyến khích
853	130508	NGUYỄN HẢI NHẬT LÂM	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Khuyến khích
854	130306	ĐỖ VŨ LÂM	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Khoa học	Khuyến khích
855	140404	NGUYỄN MINH KHÁI	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Khoa học	Nhất
856	140406	TRẦN NGỌC LINH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Nhì
857	140408	TRẦN THỊ THẢO PHƯƠNG	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Nhì
858	140509	NGUYỄN TRẦN NHẬT MINH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Nhì
859	140306	TRẦN BẢO NAM	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Ba
860	140303	TRẦN GIA HÙNG	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Ba
861	140410	PHÙNG QUỐC TUẤN	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Khoa học	Ba
862	140405	TRẦN GIA LINH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Ba
863	140506	LÊ ĐỨC KHÁI	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
864	140515	LÊ HUY TUẤN	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
865	140407	ĐỖ HOÀNG MINH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
866	140503	VŨ NGUYỄN MAI CHI	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
867	140403	LÊ NAM KHÁNH	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
868	140310	NGUYỄN PHÚ THÀNH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
869	140511	VŨ TRANG NGÂN	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
870	140402	VŨ ĐỨC HUY	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
871	140504	PHÍ LÊ NGỌC HÀ	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
872	140508	NGUYỄN NGỌC LINH	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Khoa học	Khuyến khích
873	150401	LÊ TRẦN HẢI ANH	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	Khoa học	Nhì
874	150405	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	THCS Chu Văn An	Long Biên	Khoa học	Nhì
875	150402	NGUYỄN TIẾN HÀ DŨNG	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	Khoa học	Nhì
876	150410	NGUYỄN ANH THƯ	THCS Ngô Gia Tự	Long Biên	Khoa học	Ba
877	151409	PHẠM VIỆT TRIẾT	THCS Chu Văn An	Long Biên	Khoa học	Ba
878	151405	DƯƠNG TUẤN THÀNH	THCS Sài Đồng	Long Biên	Khoa học	Ba
879	150305	LÊ GIA KHOA	THCS Ái Mộ	Long Biên	Khoa học	Ba
880	151402	NGUYỄN QUANG KIỆT	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Khoa học	Ba
881	150304	LÊ MINH HẢI	THCS Gia Thụy	Long Biên	Khoa học	Ba
882	150309	TRƯƠNG BÁ CHÍ THÀNH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
883	150406	NGUYỄN MINH KHÔI	THCS Ái Mộ	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
884	151403	LƯƠNG BẢO NAM	THCS Sài Đồng	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
885	150303	ĐÌNH VÕ ÁNH HẢO	THCS Sài Đồng	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
886	150408	PHẠM QUANG MINH	THCS Gia Thụy	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
887	150301	THẠCH HẢI ANH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
888	151407	ĐẶNG HOÀNG THANH THUỶ	THCS Sài Đồng	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
889	151406	PHẠM DUY THẮNG	THCS Ái Mộ	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
890	151408	ĐỖ QUỲNH TRANG	THCS Chu Văn An	Long Biên	Khoa học	Khuyến khích
891	161404	NGUYỄN HÀ GIA BẢO	THCS Chu Phan	Mê Linh	Khoa học	Nhi
892	160502	NGUYỄN LÊ ANH	THCS Hoàng Kim	Mê Linh	Khoa học	Ba
893	161407	ĐỖ THU NGUYỆT	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Khoa học	Ba
894	160406	LÊ THIÊN NHÂN	THCS Trung Vương	Mê Linh	Khoa học	Ba
895	160402	NGUYỄN KIM CHI	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Khoa học	Ba
896	160403	NGUYỄN ANH DUY	THCS Trung Vương	Mê Linh	Khoa học	Ba
897	160506	LƯU ÁI LINH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
898	161408	NGUYỄN CÔNG TÌNH	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
899	160507	VŨ ĐÀO THÙY LINH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
900	161406	LÊ HOÀNG HẢI	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
901	160404	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
902	161403	LÊ HỒNG ÁNH	THCS Chu Phan	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
903	160407	LÊ NGỌC SƠN	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Khoa học	Khuyến khích
904	170501	KIM GIA HUY	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	Khoa học	Ba
905	171404	NGUYỄN THÀNH ĐẠI	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Khoa học	Ba
906	171414	ĐỖ THỊ YẾN VI	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
907	170407	ĐỖ BẢO NAM	THCS Xuy Xá	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
908	170506	NGUYỄN VĂN QUANG	THCS Thượng Lâm	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
909	171410	BÙI GIA KHIÊM	THCS Tuy Lai	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
910	170909	NGUYỄN HỮU THỊNH	THCS An Mỹ	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
911	171402	ĐINH CÔNG BẢO	THCS Thượng Lâm	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
912	171401	TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH	THCS An Mỹ	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
913	171408	NGUYỄN TẮT HẢI HOÀNG	THCS Lê Thanh	Mỹ Đức	Khoa học	Khuyến khích
914	180401	NGHIÊM BÁ PHÚC AN	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhất
915	180406	ĐỖ CAO CHÚC	THCS Cầu Diễn	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhất
916	180409	VŨ VĂN ĐỨC PHÁT	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhi
917	180403	LÊ NGỌC ANH	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhi
918	180410	PHẠM THANH TUẤN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhi
919	180503	KIỀU ANH DŨNG	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhi
920	181409	TRIỆU THÀNH TRUNG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Nhi
921	180310	NGUYỄN TRƯỜNG YÊN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
922	180407	NGÔ KHÁNH HƯNG	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
923	181403	LƯU NGUYỄN GIA HUY	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
924	181404	NGUYỄN MINH KHUYẾN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
925	181402	NGUYỄN THANH HẢI	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
926	180309	NGUYỄN VĨNH HÙNG PHONG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
927	180304	PHẠM VŨ ANH ĐỨC	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Ba
928	181406	NGUYỄN CHÂU MINH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
929	181410	ĐẶNG MINH VŨ	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
930	181401	BÙI NGUYỄN VIỆT ĐỨC	THCS Nguyễn Du	Nam Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
931	181407	PHẠM THUY TIỀN	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
932	181408	KIM NGỌC MINH TRANG	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Khoa học	Khuyến khích
933	190508	LƯU VĂN QUÂN	THCS Tân Dân	Phú Xuyên	Khoa học	Ba
934	190502	ĐÀO MINH ĐẠT	THCS Tân Dân	Phú Xuyên	Khoa học	Ba
935	190405	NGÔ VĂN ANH ĐỨC	THCS Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên	Khoa học	Ba
936	190410	LƯƠNG PHÚ TRỌNG	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Khoa học	Ba
937	190408	DƯƠNG TUẤN KIẾT	THCS Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	Khoa học	Ba
938	190407	DƯƠNG MINH HIỂU	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Khoa học	Ba
939	190310	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	THCS Phú Yên	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
940	190506	NGUYỄN QUỲNH MAI	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
941	190510	VŨ HIỀN VINH	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
942	190401	PHẠM VŨ HÀ ANH	THCS Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
943	190402	ĐẶNG MINH CHÂU	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
944	190409	NGUYỄN TIẾN MINH	THCS Hoàng Long	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
945	190305	PHẠM TUẤN HƯNG	THCS Phú Túc	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
946	190404	ĐỖ BÁ ĐỒNG	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
947	190406	LÊ NGỌC HẢI	THCS Hoàng Long	Phú Xuyên	Khoa học	Khuyến khích
948	201406	KIM NHẬT NAM	THCS Hát Môn	Phúc Thọ	Khoa học	Nhi
949	200410	KHUẤT DUY TÙNG	THCS Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	Khoa học	Nhi
950	200210	NGUYỄN MINH VŨ	THCS Phúc Hòa	Phúc Thọ	Khoa học	Nhi
951	201410	NGUYỄN XUÂN TÙNG	THCS Hát Môn	Phúc Thọ	Khoa học	Ba
952	201405	NGUYỄN VĂN MINH	THCS Hát Môn	Phúc Thọ	Khoa học	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
953	200307	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Xuân Đình	Phúc Thọ	Khoa học	Ba
954	200304	NGUYỄN HUY HOÀNG	THCS Thị Trấn Phúc Thọ	Phúc Thọ	Khoa học	Ba
955	201407	DƯƠNG MINH PHƯƠNG	THCS Ngọc Tảo	Phúc Thọ	Khoa học	Ba
956	201402	ĐỖ THỊ THANH GIANG	THCS Ngọc Tảo	Phúc Thọ	Khoa học	Ba
957	200208	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Khoa học	Khuyến khích
958	200301	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Khoa học	Khuyến khích
959	200510	VŨ QUỐC VIỆT	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Khoa học	Khuyến khích
960	200402	DOÃN MINH HIẾU	THCS Văn Nam	Phúc Thọ	Khoa học	Khuyến khích
961	200406	CẦN NGỌC TẤN PHÁT	THCS Ngọc Tảo	Phúc Thọ	Khoa học	Khuyến khích
962	201404	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	THCS Hát Môn	Phúc Thọ	Khoa học	Khuyến khích
963	210304	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Khoa học	Ba
964	210406	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Khoa học	Ba
965	210303	LÊ DUY KHÁNH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Khoa học	Ba
966	210305	NGÔ THANH LAM	THCS Phú Cát	Quốc Oai	Khoa học	Ba
967	210409	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Khoa học	Ba
968	211402	TRẦN NHƯ ĐỨC	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Khoa học	Ba
969	210405	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Khoa học	Ba
970	210309	DƯƠNG QUỐC VIỆT	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Khoa học	Ba
971	210310	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Khoa học	Khuyến khích
972	210501	ĐÀM NHẬT ANH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Khoa học	Khuyến khích
973	211401	NGUYỄN DOÃN ĐẠT	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Khoa học	Khuyến khích
974	210205	NGUYỄN DANH MINH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Khoa học	Khuyến khích
975	220407	BÙI GIA KHÁNH	THCS Thanh Xuân	Sóc Sơn	Khoa học	Nhì
976	220410	NGUYỄN TRẦN ĐẮC PHÚ	THCS Phú Cường	Sóc Sơn	Khoa học	Khuyến khích
977	220301	NGUYỄN TRẦN TUẤN ANH	THCS Phú Cường	Sóc Sơn	Khoa học	Khuyến khích
978	220308	NGUYỄN LINH NGỌC	THCS Kim Lũ	Sóc Sơn	Khoa học	Khuyến khích
979	220507	TRẦN KHAI LÂM	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Khoa học	Khuyến khích
980	220502	NGUYỄN KIM CHI	THCS Kim Lũ	Sóc Sơn	Khoa học	Khuyến khích
981	231405	NGUYỄN HIỀN	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Khoa học	Nhì
982	231406	TRỊNH HUY HOÀNG	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Khoa học	Nhì
983	231404	BÙI GIA HẸN	THCS Xuân Khanh	Sơn Tây	Khoa học	Nhì
984	230402	NGUYỄN PHÚC AN	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Khoa học	Ba
985	230404	KIỀU THỊ QUỲNH ANH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Khoa học	Khuyến khích
986	230405	PHÙNG TRUNG ĐẠT	THCS Sơn Đông	Sơn Tây	Khoa học	Khuyến khích
987	230406	NGUYỄN MINH HẰNG	THCS Trung Hưng	Sơn Tây	Khoa học	Khuyến khích
988	231402	PHÙNG DUY ANH	THCS Phùng Hưng	Sơn Tây	Khoa học	Khuyến khích
989	231408	PHAN AN KHÁNH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Khoa học	Khuyến khích
990	240510	VŨ TRẦN ANH TUẤN	THCS Đông Thái	Tây Hồ	Khoa học	Ba
991	240501	NGUYỄN PHƯỢNG ANH	THCS Đông Thái	Tây Hồ	Khoa học	Ba
992	240410	NGUYỄN ĐÌNH SANG	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Khoa học	Ba
993	240407	PHƯƠNG KỶ LÂM	THCS Xuân La	Tây Hồ	Khoa học	Khuyến khích
994	240508	ĐỖ QUỲNH THƯ	THCS Đông Thái	Tây Hồ	Khoa học	Khuyến khích
995	240303	HOÀNG ĐỨC DŨNG	THCS Quảng An	Tây Hồ	Khoa học	Khuyến khích
996	240405	VŨ BẢO CHI	THCS Xuân La	Tây Hồ	Khoa học	Khuyến khích
997	240301	BÙI THẢO ANH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Khoa học	Khuyến khích
998	240408	HÀ NHẬT MINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Khoa học	Khuyến khích
999	250504	VŨ NGỌC HẸ	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Ba
1000	250410	NGUYỄN VĂN TÚ	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Ba
1001	250409	CẦN XUÂN THÁI	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Khuyến khích
1002	250302	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Khuyến khích
1003	250403	LIỄU TRƯỜNG GIANG	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Khuyến khích
1004	250404	DƯƠNG DIỆU HUYỀN	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Khuyến khích
1005	251404	DOÃN XUÂN THÀNH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Khuyến khích
1006	250505	NGUYỄN THUY LINH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Khoa học	Khuyến khích
1007	260308	ĐỖ XUÂN NHẪN	THCS Cao Viên	Thanh Oai	Khoa học	Nhì
1008	260303	NGUYỄN CÔNG HIẾU	THCS Tam Hưng	Thanh Oai	Khoa học	Ba
1009	261402	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	THCS Hồng Dương	Thanh Oai	Khoa học	Ba
1010	260305	NGUYỄN QUANG HUY	THCS Nguyễn Đức Lượng	Thanh Oai	Khoa học	Ba
1011	260301	LÊ HOÀNG DƯƠNG	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích
1012	260404	NGUYỄN ĐỨC TUẤN HUNG	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích
1013	260402	PHAN NGUYỄN NGỌC DIỆP	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích
1014	261403	HOÀNG KHÁNH LINH	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích
1015	260401	NGUYỄN THỊ ÁNH	THCS Cao Viên	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích
1016	261406	TRẦN KIM NGẪN	THCS Cự Khê	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1017	260304	ĐỖ ANH HUY	THCS Cao Viên	Thanh Oai	Khoa học	Khuyến khích
1018	271411	LÊ BÁ THÁI SƠN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Khoa học	Nhi
1019	270308	NGÔ NGUYỄN PHONG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Khoa học	Ba
1020	271408	PHẠM QUANG MINH	THCS Tả Thanh Oai	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1021	270203	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1022	271401	ĐẶNG TRẦN KHÔI AN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1023	271414	NGUYỄN THẢO VY	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1024	270408	CHỬ BẢO NHI	THCS Vạn Phúc	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1025	271407	NGUYỄN MINH KHÔI	THCS Thị trấn Văn Điển	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1026	271410	LÊ TIẾN QUYỀN	THCS Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1027	270504	NGUYỄN HẢ CHI	THCS Vạn Phúc	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1028	271409	NGUYỄN TRUNG QUÂN	THCS Vạn Phúc	Thanh Trì	Khoa học	Khuyến khích
1029	281407	NGUYỄN BẢO HÀ VY	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Khoa học	Nhất
1030	281405	HOÀNG BẢO NAM	THCS Nhân Chính	Thanh Xuân	Khoa học	Nhất
1031	280412	ĐẶNG TUẤN THÀNH	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Khoa học	Nhất
1032	280511	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC LINH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1033	280513	NGUYỄN ĐẶNG THỊNH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1034	280309	PHẠM THỤC TRINH	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1035	280409	NGUYỄN HOÀNG NAM	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1036	281403	PHẠM DUY KHOA	THCS Nguyễn Lân	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1037	281404	NGÔ ĐẶNG KHÔI	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1038	280304	BÙI XUÂN KIÊN	THCS Nhân Chính	Thanh Xuân	Khoa học	Nhi
1039	280208	NGUYỄN VĂN HÙNG	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1040	280413	TRẦN VÕ THỦY THỂ	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1041	281406	VŨ TRỊNH NAM PHƯƠNG	THCS Phan Đình Giót	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1042	280415	NGUYỄN SỸ KHOA VŨ	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1043	280405	DOÃN MINH ĐỨC	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1044	280406	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1045	281401	NGUYỄN THÁI ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Khoa học	Ba
1046	280301	TRẦN LÊ TRƯỜNG HẢI	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Khoa học	Khuyến khích
1047	281402	NGUYỄN THẢO HƯƠNG	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Khoa học	Khuyến khích
1048	290205	ĐẶNG TÙNG NAM	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Khoa học	Nhi
1049	290308	LÊ QUÝ NAM	THCS Văn Tự	Thường Tín	Khoa học	Nhi
1050	290206	PHẠM THÀNH NAM	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Khoa học	Ba
1051	290506	TRẦN HOÀNG NGUYỄN	THCS Văn Bình	Thường Tín	Khoa học	Khuyến khích
1052	291403	VŨ THỊ CHÚC	THCS Chương Dương	Thường Tín	Khoa học	Khuyến khích
1053	291404	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	THCS Hồng Vân	Thường Tín	Khoa học	Khuyến khích
1054	291402	NGUYỄN PHẠM HÀ ANH	THCS Ninh Sở	Thường Tín	Khoa học	Khuyến khích
1055	291407	NGHIÊM KHẢI PHÁT	THCS Văn Bình	Thường Tín	Khoa học	Khuyến khích
1056	300502	NGUYỄN HẢI ANH	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Khoa học	Ba
1057	300509	NGUYỄN THANH TÚ	THCS Hòa Phú	Ứng Hòa	Khoa học	Ba
1058	300410	NGUYỄN XUÂN TÚ	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Khoa học	Ba
1059	300510	HOÀNG HÀ VY	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1060	300407	TẠ HOÀNG PHÚC	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1061	300409	NGUYỄN VĂN TUẤN	THCS Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1062	300307	NGÔ CÔNG PHÚC	THCS Đồng Tân	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1063	300404	NGUYỄN QUANG HUY	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1064	300405	TRẦN VIỆT LÂN	THCS Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1065	301401	NGUYỄN TIỀN DUY	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1066	300506	NGUYỄN NGỌC LÂM	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Khoa học	Khuyến khích
1067	010607	TRẦN MINH ĐĂNG	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử	Nhất
1068	010602	ĐỒNG HẢ ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử	Nhi
1069	010601	TRỊNH ĐỖ BẢO AN	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	Lịch sử	Ba
1070	010613	TRẦN ANH THỨ	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử	Ba
1071	010610	NGUYỄN QUANG MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử	Ba
1072	010614	LÊ THANH HOÀNG TÙNG	THCS Thành Công	Ba Đình	Lịch sử	Ba
1073	010606	NGUYỄN TRẦN THÁI DƯƠNG	THCS Thành Công	Ba Đình	Lịch sử	Khuyến khích
1074	010604	ĐẶNG NGUYỄN HIỀN CHI	THCS Thành Công	Ba Đình	Lịch sử	Khuyến khích
1075	010609	MAI HIẾU MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử	Khuyến khích
1076	010603	PHÍ NHẬT ANH	THCS Thành Công	Ba Đình	Lịch sử	Khuyến khích
1077	020601	ĐÀM TÙNG BÁCH	THCS Cam Thượng	Ba Vì	Lịch sử	Khuyến khích
1078	020610	HÀ NGỌC VÂN	THCS Cẩm Lĩnh	Ba Vì	Lịch sử	Khuyến khích
1079	020602	CHU NGỌC LINH ĐAN	THCS Phú Sơn	Ba Vì	Lịch sử	Khuyến khích
1080	030607	BÙI NHẬT MAI	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1081	030602	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG GIANG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Nhì
1082	030603	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	THCS Thượng Cát	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Nhì
1083	030606	TRỊNH KHÁNH LY	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Ba
1084	030608	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Ba
1085	030604	LÃ TRUNG KIẾN	THCS Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Khuyến khích
1086	030605	PHAN THỊ HƯƠNG LY	THCS Tây Tựu	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Khuyến khích
1087	030609	LÊ NGUYỄN THẢO	THCS Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Lịch sử	Khuyến khích
1088	040623	ĐỖ VŨ NAM PHƯƠNG	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhất
1089	040604	DƯƠNG VĂN CHI	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhất
1090	040613	NGUYỄN MAI HƯƠNG	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhì
1091	040606	NGUYỄN HÀ KHÁNH CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhì
1092	040612	NGÔ GIA HÂN	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhì
1093	040602	NGUYỄN KHÁNH HÀ ANH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhì
1094	040601	ĐINH HIỀN ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhì
1095	040622	LÊ NAM PHONG	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Lịch sử	Nhì
1096	040607	NGUYỄN KHÁNH CHI	THCS Yên Hòa	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1097	040603	TOÀN MỸ CHÂU	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1098	040621	PHẠM KHÔI NGUYỄN	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1099	040616	NGUYỄN NHẬT NAM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1100	040619	LÊ THẢO NGUYỄN	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1101	040620	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1102	040610	LA TRÍ DŨNG	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Cầu Giấy	Lịch sử	Ba
1103	040609	ĐỖ VŨ HẠNH DUNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Khuyến khích
1104	040624	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Khuyến khích
1105	040605	HOÀNG NGỌC BẢO CHI	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Lịch sử	Khuyến khích
1106	040611	ĐỖ VIỆT HÀ	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Khuyến khích
1107	040617	NGUYỄN PHƯƠNG MINH NGỌC	THCS Trung Hòa	Cầu Giấy	Lịch sử	Khuyến khích
1108	040615	NGUYỄN HÙNG LONG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Lịch sử	Khuyến khích
1109	050606	TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG	THCS Nam Phương Tiến A	Chương Mỹ	Lịch sử	Nhất
1110	050607	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	THCS Đông Phương Yên	Chương Mỹ	Lịch sử	Nhì
1111	050605	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Lịch sử	Nhì
1112	050603	NGUYỄN THỊ HẢO	THCS Đông Sơn	Chương Mỹ	Lịch sử	Ba
1113	050604	NGUYỄN THỊ HẰNG	THCS Đông Sơn	Chương Mỹ	Lịch sử	Ba
1114	050608	CAO THU NGÂN	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Lịch sử	Khuyến khích
1115	050609	TRẦN THANH NGỌC	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Lịch sử	Khuyến khích
1116	060607	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	THCS Tân Hội	Đan Phượng	Lịch sử	Nhì
1117	060608	TRẦN SỸ TIẾN	THCS Thọ Xuân	Đan Phượng	Lịch sử	Ba
1118	060601	LÊ HÀ AN	THCS Phương Đình	Đan Phượng	Lịch sử	Ba
1119	060606	NGUYỄN THỊ ÁNH NHƯ	THCS Đồng Tháp	Đan Phượng	Lịch sử	Ba
1120	060603	TẠ ĐĂNG ĐỨC	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Lịch sử	Khuyến khích
1121	060602	HOÀNG THỊ ĐIỆP	THCS Liên Trung	Đan Phượng	Lịch sử	Khuyến khích
1122	060604	NGUYỄN THỊ THU HÀ	THCS Tân Lập	Đan Phượng	Lịch sử	Khuyến khích
1123	060610	HOÀNG THỊ HỒNG TƯƠI	THCS Thọ Xuân	Đan Phượng	Lịch sử	Khuyến khích
1124	060609	NGUYỄN THU TRANG	THCS Phương Đình	Đan Phượng	Lịch sử	Khuyến khích
1125	060605	BÙI HẢI NAM	THCS Đồng Tháp	Đan Phượng	Lịch sử	Khuyến khích
1126	070608	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	THCS Tiên Dương	Đông Anh	Lịch sử	Nhất
1127	070605	HOÀNG THỦY LINH	THCS Tiên Dương	Đông Anh	Lịch sử	Nhì
1128	070610	NGUYỄN HOÀNG VY	THCS Việt Hùng	Đông Anh	Lịch sử	Ba
1129	070607	NGUYỄN MINH PHÚC	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Lịch sử	Ba
1130	070604	NGÔ MINH HẰNG	THCS Nam Hồng	Đông Anh	Lịch sử	Ba
1131	070602	TRẦN KHÁNH CHI	THCS Nguyễn Khê	Đông Anh	Lịch sử	Khuyến khích
1132	070603	TRỊNH TUẤN HẢI	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Lịch sử	Khuyến khích
1133	070606	BÙI VĂN NGHĨA	THCS Hải Bối	Đông Anh	Lịch sử	Khuyến khích
1134	080609	KHÚC KIM NGÂN	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Lịch sử	Nhì
1135	080602	NGUYỄN VŨ QUỲNH CHI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Lịch sử	Nhì
1136	080601	LÊ NGUYỄN LINH CHI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Lịch sử	Nhì
1137	080604	NGÔ TRẦN TRUNG HIẾU	THCS Đống Đa	Đống Đa	Lịch sử	Nhì
1138	080608	TRẦN KHÁNH LY	THCS Khương Thượng	Đống Đa	Lịch sử	Ba
1139	080605	NGUYỄN MINH HIẾU	THCS Lý Thường Kiệt	Đống Đa	Lịch sử	Ba
1140	080610	NGUYỄN LƯƠNG KHÁNH TOÀN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Lịch sử	Ba
1141	080603	LƯU THU GIANG	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Lịch sử	Khuyến khích
1142	080606	NGUYỄN TRẦN THẢO HƯƠNG	THCS Khương Thượng	Đống Đa	Lịch sử	Khuyến khích
1143	090606	HÀ TUẤN MINH	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Lịch sử	Nhất
1144	090601	BÙI HẢI ANH	THCS Yên Thường	Gia Lâm	Lịch sử	Nhất

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1145	090608	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	THCS Dương Xá	Gia Lâm	Lịch sử	Nhì
1146	090602	TRẦN MINH ANH	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Lịch sử	Nhì
1147	090607	LƯU HỒNG NGỌC	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Lịch sử	Nhì
1148	090610	LÊ AN VINH	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Lịch sử	Ba
1149	090603	NGUYỄN HÀ CHI	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Lịch sử	Ba
1150	090605	ĐOÀN THÀNH DOANH	THCS Phú Thị	Gia Lâm	Lịch sử	Khuyến khích
1151	090604	NGUYỄN THÁI THUY CHI	THCS Kim Sơn	Gia Lâm	Lịch sử	Khuyến khích
1152	100610	LÊ THỊ HÀ TRANG	THCS Kiến Hưng	Hà Đông	Lịch sử	Nhất
1153	100603	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	THCS Kiến Hưng	Hà Đông	Lịch sử	Nhất
1154	110610	TRẦN PHÚC THỊNH	THCS Ngô Gia Tự	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Nhất
1155	110605	ĐÌNH BÌNH HUY	THCS Nguyễn Phong Sắc	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Nhì
1156	110602	NGUYỄN HÀ ANH	THCS Ngô Gia Tự	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Nhì
1157	110609	ĐÀO MINH PHƯƠNG	THCS Trưng Nhị	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Ba
1158	110604	VŨ QUỲNH ANH	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Khuyến khích
1159	110607	LÊ TRẦN PHƯƠNG NAM	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Khuyến khích
1160	110608	PHẠM NGHI PHONG	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Lịch sử	Khuyến khích
1161	120609	NGUYỄN THỰC QUYÊN	THCS Vân Canh	Hoài Đức	Lịch sử	Ba
1162	120605	PHẠM VIỆT HOÀNG	THCS An Khánh	Hoài Đức	Lịch sử	Ba
1163	120606	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	THCS Thị Trấn Trầm Trôi	Hoài Đức	Lịch sử	Khuyến khích
1164	120610	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Lịch sử	Khuyến khích
1165	130603	HOÀNG GIA KỲ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Nhì
1166	130602	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	THCS Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Nhì
1167	130610	NGUYỄN BẢNG SANG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Ba
1168	130609	TRẦN MAI PHƯƠNG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Ba
1169	130605	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Ba
1170	130608	PHẠM GIA PHÚ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Khuyến khích
1171	130607	LÊ HẠNH NGUYỄN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Lịch sử	Khuyến khích
1172	140603	NGUYỄN CẨM DIỆP	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Lịch sử	Nhì
1173	140609	PHẠM THỊ HƯƠNG THẢO	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Lịch sử	Ba
1174	140608	PHÙNG ĐĂNG PHÚC	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Lịch sử	Ba
1175	140610	PHÙNG ANH THƯ	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	Lịch sử	Ba
1176	140605	PHẠM HƯƠNG GIANG	THCS Linh Đàm	Hoàng Mai	Lịch sử	Khuyến khích
1177	140602	MAI MINH CHÂU	THCS Lĩnh Nam	Hoàng Mai	Lịch sử	Khuyến khích
1178	140606	MẠC HỒNG MAI	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Lịch sử	Khuyến khích
1179	140607	ĐỖ TRẢ MY	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Lịch sử	Khuyến khích
1180	150610	ĐÀO TƯỜNG VI	THCS Gia Thụy	Long Biên	Lịch sử	Nhì
1181	150609	ĐẶNG HẠ PHƯƠNG	THCS Ngô Gia Tự	Long Biên	Lịch sử	Ba
1182	150606	NGUYỄN VŨ HÀ MI	THCS Gia Thụy	Long Biên	Lịch sử	Ba
1183	150608	VŨ BẢO NGỌC	THCS Ái Mộ	Long Biên	Lịch sử	Ba
1184	150603	MAI HUYỀN ANH	THCS Ngô Gia Tự	Long Biên	Lịch sử	Khuyến khích
1185	150605	TRẦN TÚ LINH	THCS Gia Thụy	Long Biên	Lịch sử	Khuyến khích
1186	150604	PHAN GIA HÂN	THCS Gia Thụy	Long Biên	Lịch sử	Khuyến khích
1187	150602	HOÀNG TRẦN NGỌC ANH	THCS Ngô Gia Tự	Long Biên	Lịch sử	Khuyến khích
1188	160611	NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN	THCS Mê Linh	Mê Linh	Lịch sử	Ba
1189	160605	NGUYỄN THU DUNG	THCS Chu Phan	Mê Linh	Lịch sử	Ba
1190	160603	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	THCS Liên Mạc	Mê Linh	Lịch sử	Ba
1191	160612	ĐÌNH THỊ THU LƯƠNG	THCS Trung Vương	Mê Linh	Lịch sử	Ba
1192	160602	NGUYỄN THỊ LAN ANH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Lịch sử	Ba
1193	160604	NGUYỄN QUỲNH CHI	THCS Trung Vương	Mê Linh	Lịch sử	Khuyến khích
1194	160610	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	THCS Tiến Thắng	Mê Linh	Lịch sử	Khuyến khích
1195	160615	PHAN THANH TÙNG	THCS Mê Linh	Mê Linh	Lịch sử	Khuyến khích
1196	160613	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	THCS Tự Lập	Mê Linh	Lịch sử	Khuyến khích
1197	170605	LÊ QUANG MINH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Lịch sử	Nhì
1198	170602	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	THCS Hợp Thanh	Mỹ Đức	Lịch sử	Nhì
1199	170610	NGUYỄN THỊ MINH TÚ	THCS Đại Hưng	Mỹ Đức	Lịch sử	Ba
1200	170601	ĐÀM NGỌC PHƯƠNG ANH	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Lịch sử	Ba
1201	170603	NGUYỄN TÚ ANH	THCS Đại Hưng	Mỹ Đức	Lịch sử	Khuyến khích
1202	170609	NGUYỄN CẨM TÚ	THCS Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	Lịch sử	Khuyến khích
1203	170608	TRẦN MAI THANH	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Lịch sử	Khuyến khích
1204	180601	HÀ DƯƠNG BẢO CHÂU	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Lịch sử	Nhì
1205	180605	PHẠM NGUYỆT LINH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Lịch sử	Nhì
1206	180602	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Lịch sử	Nhì
1207	180603	PHẠM MINH HIẾU	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Lịch sử	Khuyến khích
1208	180606	TRIỆU PHƯƠNG LINH	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp	Nam Từ Liêm	Lịch sử	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1209	180607	NGUYỄN HUYỀN MY	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Lịch sử	Khuyến khích
1210	190602	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	THCS Châu Can	Phủ Xuyên	Lịch sử	Nhì
1211	190604	DƯƠNG TÚ LINH	THCS Chuyên Mỹ	Phủ Xuyên	Lịch sử	Nhì
1212	190606	NGUYỄN NHẬT MINH	THCS Châu Can	Phủ Xuyên	Lịch sử	Nhì
1213	190603	PHẠM QUỲNH CHI	THCS Châu Can	Phủ Xuyên	Lịch sử	Ba
1214	190605	LƯƠNG BÌNH MINH	THCS Châu Can	Phủ Xuyên	Lịch sử	Ba
1215	190601	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THCS Hồng Thái	Phủ Xuyên	Lịch sử	Ba
1216	190610	VŨ HUYỀN TRÂM	THCS Chuyên Mỹ	Phủ Xuyên	Lịch sử	Khuyến khích
1217	190608	PHÙNG KHÔI NGUYỄN	THCS Thị trấn Phú Minh	Phủ Xuyên	Lịch sử	Khuyến khích
1218	190609	TRẦN MẠNH QUỲNH	THCS Tân Dân	Phủ Xuyên	Lịch sử	Khuyến khích
1219	190607	LÊ MINH NGỌC	THCS Hồng Thái	Phủ Xuyên	Lịch sử	Khuyến khích
1220	200605	PHÙNG THỊ NGÂN	THCS Văn Nam	Phúc Thọ	Lịch sử	Nhất
1221	200604	NGUYỄN VĂN KỶ	THCS Long Xuyên	Phúc Thọ	Lịch sử	Ba
1222	200603	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	THCS Long Xuyên	Phúc Thọ	Lịch sử	Ba
1223	200609	BÙI THẾ THÀNH	THCS Long Xuyên	Phúc Thọ	Lịch sử	Khuyến khích
1224	200611	NGUYỄN LƯƠNG TOÀN	THCS Hát Môn	Phúc Thọ	Lịch sử	Khuyến khích
1225	210608	NGUYỄN TUYẾT NGÀ	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Lịch sử	Ba
1226	210609	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1227	210604	NGUYỄN LÊ HUY	THCS Tân Phú	Quốc Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1228	210601	PHAN THỊ QUỲNH ANH	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1229	210607	NGUYỄN VĂN LINH	THCS Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1230	210603	NGUYỄN THÚY HÀ	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1231	220602	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	THCS Việt Long	Sóc Sơn	Lịch sử	Ba
1232	220609	PHẠM NGUYỄN MINH TÂM	THCS Phú Cường	Sóc Sơn	Lịch sử	Khuyến khích
1233	220603	PHẠM ANH GIANG	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Lịch sử	Khuyến khích
1234	220601	NGUYỄN QUỲNH ANH	THCS Phù Linh	Sóc Sơn	Lịch sử	Khuyến khích
1235	230607	VŨ THỊ HƯƠNG	THCS Trung Hưng	Sơn Tây	Lịch sử	Nhì
1236	230609	ĐOÀN NGỌC THU TRANG	THCS Cổ Đông	Sơn Tây	Lịch sử	Ba
1237	230608	PHẠM KHÁNH LINH	THCS Phùng Hưng	Sơn Tây	Lịch sử	Ba
1238	230603	NGUYỄN VŨ THÚY CHI	THCS Cổ Đông	Sơn Tây	Lịch sử	Khuyến khích
1239	240604	NGUYỄN HẠNH DUNG	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Lịch sử	Nhì
1240	240610	NGUYỄN KHÁNH LÂM	THCS Xuân La	Tây Hồ	Lịch sử	Nhì
1241	240607	TRẦN DOÀN ĐẠT	THCS Xuân La	Tây Hồ	Lịch sử	Khuyến khích
1242	240603	TRẦN BẢO CHÂU	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Lịch sử	Khuyến khích
1243	240601	CHU QUỲNH ANH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Lịch sử	Khuyến khích
1244	240605	LÊ XUÂN DŨNG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Lịch sử	Khuyến khích
1245	240606	ĐẶNG HUỲNH ÁNH DƯƠNG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Lịch sử	Khuyến khích
1246	240608	TRẦN MINH ĐỨC	THCS Xuân La	Tây Hồ	Lịch sử	Khuyến khích
1247	250604	TẠ PHÚC LÂM	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Lịch sử	Khuyến khích
1248	250606	ĐỖ MAI TRANG	THCS Cấn Kiệm	Thạch Thất	Lịch sử	Khuyến khích
1249	250605	KHUẤT HOÀNG LINH	THCS Lại Thượng	Thạch Thất	Lịch sử	Khuyến khích
1250	250608	NGUYỄN THU TRANG	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Lịch sử	Khuyến khích
1251	250609	PHẠM KIỀU CẨM TÚ	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Lịch sử	Khuyến khích
1252	260602	NGUYỄN THỊ CHINH	THCS Phương Trung	Thanh Oai	Lịch sử	Ba
1253	260606	NGUYỄN THỊ MAI LÂM	THCS Thanh Thùy	Thanh Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1254	260608	VŨ TUỆ NHI	TH và THCS Victoria Thăng Long	Thanh Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1255	260601	NÔNG THỊ PHƯƠNG ANH	THCS Hồng Dương	Thanh Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1256	260610	TRỊNH THANH TUYẾN	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Lịch sử	Khuyến khích
1257	270607	NGUYỄN NGỌC HẠ	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Lịch sử	Nhì
1258	270609	ĐOÀN QUỲNH MAI	THCS Đại Áng	Thanh Trì	Lịch sử	Nhì
1259	270611	HOÀNG THANH THẢO	THCS Đại Áng	Thanh Trì	Lịch sử	Ba
1260	270608	NGUYỄN DUY KHOA	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	Lịch sử	Ba
1261	270612	NGUYỄN VŨ DẠ THẢO	THCS Ngọc Hồi	Thanh Trì	Lịch sử	Ba
1262	270603	HOÀNG TRẦN AN BÌNH	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Lịch sử	Ba
1263	270615	LÊ ĐỖ HOÀNG YẾN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Lịch sử	Ba
1264	270614	NGUYỄN HỌC TRUNG	THCS Đại Áng	Thanh Trì	Lịch sử	Khuyến khích
1265	270605	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	THCS Đại Áng	Thanh Trì	Lịch sử	Khuyến khích
1266	270610	NGUYỄN THỊ MINH PHÚC	THCS Đông Mỹ	Thanh Trì	Lịch sử	Khuyến khích
1267	270604	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Lịch sử	Khuyến khích
1268	270601	BÙI DUY ANH	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Lịch sử	Khuyến khích
1269	280604	NGUYỄN TRÍ DŨNG	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Lịch sử	Nhất
1270	280611	TRẦN THẾ QUYỀN	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Lịch sử	Nhất
1271	280612	BẠCH MINH TÂM	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Lịch sử	Nhì
1272	280613	LÊ QUANG TÙNG	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1273	280608	PHẠM HOÀNG BẢO LAM	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1274	280615	NGUYỄN NHẬT THÀNH VINH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1275	280602	NGUYỄN TÙNG CHI	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1276	280603	VŨ TƯỜNG CHI	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1277	280610	NGUYỄN VŨ MINH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1278	280609	ĐÀM NHẬT LINH	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1279	280607	TRẦN GIA HÙNG	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Lịch sử	Ba
1280	280614	BÙI KHÁNH VI	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Lịch sử	Khuyến khích
1281	280606	ĐOÀN LÊ ANH ĐỨC	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Lịch sử	Khuyến khích
1282	290610	ĐẶNG VŨ TÙNG	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Lịch sử	Khuyến khích
1283	300606	NGUYỄN HÀ MINH THƯ	THCS Viên An	Ứng Hòa	Lịch sử	Ba
1284	300603	NGUYỄN THỊ KHUYẾN	THCS Hòa Lâm	Ứng Hòa	Lịch sử	Ba
1285	300608	MAI THỊ ÁNH TUYẾT	THCS Lưư Hoàng	Ứng Hòa	Lịch sử	Khuyến khích
1286	300605	ĐOÀN VĂN NINH	THCS Đồng Tiến	Ứng Hòa	Lịch sử	Khuyến khích
1287	300607	NGÔ THÀNH TRUNG	THCS Vạn Thái	Ứng Hòa	Lịch sử	Khuyến khích
1288	010107	TRẦN HOÀNG TƯỜNG LINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Nhất
1289	010108	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NHI	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
1290	010109	NGUYỄN HỒNG TRANG	THCS Thăng Long	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
1291	010103	PHÓ HỒNG ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
1292	010105	ĐÀO HOÀNG LAN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
1293	010102	NGUYỄN LÊ THỦY ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
1294	010110	NGUYỄN PHƯƠNG VY	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Khuyến khích
1295	010104	NGUYỄN VIÊN KHÁNH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Khuyến khích
1296	020102	NGUYỄN PHẠM HÀ ANH	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	Ngữ văn	Nhi
1297	020103	TRẦN THANH BÌNH	THCS Thụy An	Ba Vì	Ngữ văn	Nhi
1298	020106	TRẦN HƯƠNG GIANG	THCS TTNC Bò&Đổng Cỏ	Ba Vì	Ngữ văn	Ba
1299	020101	MAI PHƯƠNG ANH	THCS TTNC Bò&Đổng Cỏ	Ba Vì	Ngữ văn	Ba
1300	020104	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH CHI	THCS Tân Hồng	Ba Vì	Ngữ văn	Ba
1301	020108	NGUYỄN TRUNG HIẾU	THCS Ba Trại	Ba Vì	Ngữ văn	Khuyến khích
1302	020113	NGUYỄN YẾN THANH	THCS Tông Bạt	Ba Vì	Ngữ văn	Khuyến khích
1303	020109	LÊ THỊ THANH HIỀN	THCS Thụy An	Ba Vì	Ngữ văn	Khuyến khích
1304	030110	NGUYỄN ĐỖ QUYẾN	THCS Phú Diễn A	Bắc Từ Liêm	Ngữ văn	Nhi
1305	030106	HỒ GIA NHƯ	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Ngữ văn	Ba
1306	030105	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	THCS Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1307	030111	NGUYỄN BẢO TRÂM	THCS Liên Mạc	Bắc Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1308	030104	TỔNG KHÁNH LINH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1309	040120	NGUYỄN KHÁNH VY	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhất
1310	040119	PHẠM KHÁNH VÂN	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhi
1311	040115	LÊ THU MINH	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhi
1312	040118	PHƯƠNG THU TRÀ	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhi
1313	040105	TRẦN TRANG DUNG	THCS Dịch Vọng	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhi
1314	040102	TRẦN MINH AN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhi
1315	040113	NGUYỄN TRẦN TƯỜNG LINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Ngữ văn	Nhi
1316	040116	LÊ HỒNG NGỌC	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1317	040117	LÊ NGUYỄN DẠ THẢO	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1318	040104	VŨ NGUYỄN MINH CHÂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1319	040114	LÊ NGỌC TUỆ MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1320	040101	NGUYỄN MỸ AN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1321	040111	ĐOÀN DIỆU HUYỀN	THCS Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1322	040110	NGUYỄN TRUNG HIẾU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1323	040107	NGUYỄN PHẠM ÁNH DƯƠNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1324	040106	NGUYỄN CAO THỦY DƯƠNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Ba
1325	040103	TRƯƠNG MINH BẢO ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Ngữ văn	Khuyến khích
1326	040112	NGUYỄN ĐÌNH THẢO LINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Ngữ văn	Khuyến khích
1327	050102	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhất
1328	050107	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhi
1329	050110	ĐỖ THỊ HÀ VI	THCS Văn Võ	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhi
1330	050106	LÊ PHƯƠNG MINH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhi
1331	050108	PHÙNG THỊ MINH NGỌC	THCS Xuân Mai A	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhi
1332	050105	VƯƠNG PHƯƠNG LINH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhi
1333	050101	NGUYỄN THỊ LAN ANH	THCS Lương Mỹ	Chương Mỹ	Ngữ văn	Nhi
1334	050109	NGUYỄN THỊ DIỆU NƯƠNG	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Ngữ văn	Ba
1335	060103	TÔ PHƯƠNG LINH	THCS Thọ Xuân	Đan Phượng	Ngữ văn	Nhi
1336	060110	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Ngữ văn	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1337	060104	TRẦN HÀ LINH	THCS Tân Hội	Đan Phượng	Ngữ văn	Ba
1338	060108	ĐẶNG HUYỀN TRANG	THCS Trung Châu	Đan Phượng	Ngữ văn	Khuyến khích
1339	070108	TRẦN ĐỖ NAM TRÀ	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Ngữ văn	Ba
1340	070104	ĐINH THỦY DƯƠNG	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Ngữ văn	Ba
1341	070102	PHẠM NGỌC HIẾN ANH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Ngữ văn	Ba
1342	070101	LƯU NGUYỄN HẢ ANH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Ngữ văn	Khuyến khích
1343	070107	NGUYỄN THẢO NHI	THCS Hải Bối	Đông Anh	Ngữ văn	Khuyến khích
1344	070103	LƯU MINH CHÂU	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Ngữ văn	Khuyến khích
1345	080113	TRẦN QUỲNH TRANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Ngữ văn	Nhi
1346	080102	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THCS Láng Thượng	Đống Đa	Ngữ văn	Nhi
1347	080101	ĐÀO HÀ ANH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Ngữ văn	Ba
1348	080108	TRẦN VIỆT HẰNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Ngữ văn	Ba
1349	080109	TRẦN MỸ LINH	THCS Thịnh Quang	Đống Đa	Ngữ văn	Ba
1350	080106	VŨ TÚ GIANG	THCS Thịnh Quang	Đống Đa	Ngữ văn	Ba
1351	080111	LÊ NGỌC MAI	THCS Thịnh Quang	Đống Đa	Ngữ văn	Khuyến khích
1352	080107	VƯƠNG ĐĂNG LÊ HÀ	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Ngữ văn	Khuyến khích
1353	080103	NGUYỄN TÂM ANH	THCS Bế Văn Đàn	Đống Đa	Ngữ văn	Khuyến khích
1354	080105	TRỊNH BÍCH DIỆP	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Ngữ văn	Khuyến khích
1355	090102	NGUYỄN TỬ AN	THCS Yên Thường	Gia Lâm	Ngữ văn	Nhi
1356	090106	DƯƠNG MINH NGUYỆT	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Ngữ văn	Ba
1357	090107	KHÚC THANH NHÂN	THCS Phù Đồng	Gia Lâm	Ngữ văn	Ba
1358	090105	TRẦN KHÁNH LINH	THCS Bát Tràng	Gia Lâm	Ngữ văn	Ba
1359	090103	PHẠM QUỲNH ANH	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Ngữ văn	Ba
1360	090101	NGUYỄN BẢO AN	THCS Thị Trấn Yên Viên	Gia Lâm	Ngữ văn	Khuyến khích
1361	090109	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	THCS Dương Quang	Gia Lâm	Ngữ văn	Khuyến khích
1362	090110	CAO PHƯƠNG TRẢ	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Ngữ văn	Khuyến khích
1363	100109	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Văn Quán	Hà Đông	Ngữ văn	Nhi
1364	100103	TRẦN THỊ BÍCH DIỆP	THCS Dương Nội	Hà Đông	Ngữ văn	Nhi
1365	100101	ĐÀO MAI HẢ ANH	TH và THCS Hà Nội-Thăng Long	Hà Đông	Ngữ văn	Nhi
1366	100102	PHÙNG NGỌC DIỆP	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Ngữ văn	Nhi
1367	100106	HOÀNG PHƯƠNG NGỌC	THCS Mậu Lương	Hà Đông	Ngữ văn	Khuyến khích
1368	100108	NGHIÊM VŨ LINH PHƯƠNG	THCS Văn Quán	Hà Đông	Ngữ văn	Khuyến khích
1369	100105	VƯƠNG HÀ LINH	THCS Văn Quán	Hà Đông	Ngữ văn	Khuyến khích
1370	110104	NGUYỄN HÀ CHI	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Ba
1371	110102	NGUYỄN ĐIỀU ANH	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Khuyến khích
1372	110110	NGUYỄN NGỌC ĐIỀU VY	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Khuyến khích
1373	110106	HOÀNG TUỆ MINH	THCS Ngô Gia Tự	Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Khuyến khích
1374	120107	NGUYỄN THANH MAI	THCS An Khánh	Hoài Đức	Ngữ văn	Ba
1375	120106	NGUYỄN KHÁNH LY	THCS Lại Yên	Hoài Đức	Ngữ văn	Ba
1376	120108	NGUYỄN THỊ BẢO NHI	THCS Minh Khai	Hoài Đức	Ngữ văn	Ba
1377	120104	TRẦN THỊ THU HÀ	THCS Cát Quế B	Hoài Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1378	120103	TRẦN HOÀNG CÚC	THCS Văn Canh	Hoài Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1379	120101	PHAN QUỲNH ANH	THCS An Khánh	Hoài Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1380	120102	ĐẶNG HÀ CHI	THCS An Khánh	Hoài Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1381	130109	LÊ THỊ HIẾN THẢO	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Nhi
1382	130106	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Ba
1383	130110	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Ba
1384	130101	VŨ LÊ THÚY AN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Ba
1385	130102	ĐỖ VŨ HẢI ANH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Ba
1386	130107	ĐẶNG MINH KHUÊ	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Khuyến khích
1387	130108	NGUYỄN HỒ THỦY LINH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Ngữ văn	Khuyến khích
1388	140106	ĐINH THỊ THU HOÀI	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Ngữ văn	Nhất
1389	140105	VŨ THỦY DƯƠNG	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Ngữ văn	Nhi
1390	140107	NGUYỄN MAI PHƯƠNG LINH	THCS Đền Lừ	Hoàng Mai	Ngữ văn	Nhi
1391	140103	VŨ QUỲNH ANH	THCS Linh Đàm	Hoàng Mai	Ngữ văn	Ba
1392	140108	ĐẶNG NGỌC TRÂM	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Ngữ văn	Khuyến khích
1393	140109	MAI NGỌC TRÂM	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Ngữ văn	Khuyến khích
1394	140110	VỊ LÊ HOÀNG YẾN	THCS Trần Phú	Hoàng Mai	Ngữ văn	Khuyến khích
1395	140102	NGUYỄN MINH AN	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Ngữ văn	Khuyến khích
1396	150103	NGUYỄN THIÊN MỸ	THCS Gia Thụy	Long Biên	Ngữ văn	Nhi
1397	150106	LƯƠNG ĐỖ TƯỜNG NHI	THCS Ái Mộ	Long Biên	Ngữ văn	Nhi
1398	150109	LÊ THANH TÚ	THCS Gia Thụy	Long Biên	Ngữ văn	Nhi
1399	150110	NGUYỄN VIỆT TÚ	THCS Đô Thị Việt Hưng	Long Biên	Ngữ văn	Nhi
1400	150102	NGUYỄN NHẬT LINH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Ngữ văn	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1401	150104	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG NAM	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	Ngữ văn	Nhì
1402	150101	VÕ NGÂN ANH	THCS Gia Thụy	Long Biên	Ngữ văn	Nhì
1403	150105	KIỀU HIẾU NGÂN	THCS Chu Văn An	Long Biên	Ngữ văn	Khuyến khích
1404	150108	TRƯƠNG BẢO TRÂM	THCS Ái Mộ	Long Biên	Ngữ văn	Khuyến khích
1405	150107	TRẦN NGỌC UYÊN THẢO	THCS Chu Văn An	Long Biên	Ngữ văn	Khuyến khích
1406	160103	LÊ THỊ QUỲNH CHI	THCS Văn Khê	Mê Linh	Ngữ văn	Nhì
1407	160109	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THCS Văn Khê	Mê Linh	Ngữ văn	Nhì
1408	160105	NGUYỄN KIM LINH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Ngữ văn	Ba
1409	160102	VŨ ĐỖ MINH ÁNH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Ngữ văn	Ba
1410	160110	LÝ THANH THANH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Ngữ văn	Ba
1411	160108	NGÔ Ý NHI	THCS Trung Vương	Mê Linh	Ngữ văn	Ba
1412	160104	NGÔ THÙY ÁNH DƯƠNG	THCS Trung Vương	Mê Linh	Ngữ văn	Khuyến khích
1413	160101	ĐINH THỊ VÂN ANH	THCS Văn Khê	Mê Linh	Ngữ văn	Khuyến khích
1414	160107	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	THCS Trung Vương	Mê Linh	Ngữ văn	Khuyến khích
1415	170107	VƯƠNG THỊ TUYẾT MAI	THCS Hương Sơn	Mỹ Đức	Ngữ văn	Nhì
1416	170108	VŨ TỔ NHƯ	THCS Xuy Xá	Mỹ Đức	Ngữ văn	Ba
1417	170110	TRẦN THỊ MAI TRANG	THCS Hương Sơn	Mỹ Đức	Ngữ văn	Ba
1418	170105	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	THCS Hương Sơn	Mỹ Đức	Ngữ văn	Ba
1419	170102	HOÀNG NGỌC DIỆP	THCS Hợp Thanh	Mỹ Đức	Ngữ văn	Ba
1420	170109	BÙI THỊ THU PHƯỢNG	THCS Hùng Tiến	Mỹ Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1421	170101	HOÀNG NGỌC MINH CHÂU	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1422	170103	LẠI THỊ ANH DIỆP	THCS Hương Sơn	Mỹ Đức	Ngữ văn	Khuyến khích
1423	180107	NGÔ PHƯƠNG LAN	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Nhất
1424	180103	NGUYỄN HOÀNG CHÂU	THCS Cầu Diễn	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Nhì
1425	180104	TRẦN PHƯƠNG CHI	THCS và THPT Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Ba
1426	180101	NGUYỄN DƯƠNG VĂN ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Ba
1427	180114	NGUYỄN THU TRANG	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1428	180113	NGUYỄN NHƯ TRANG	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1429	180115	NGUYỄN HỒNG VÂN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1430	180105	NGUYỄN PHẠM HƯƠNG GIANG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1431	180102	NGUYỄN HIỀN ANH	THCS Nguyễn Du	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1432	180112	HOÀNG THỊ KHÁNH QUỲNH	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Ngữ văn	Khuyến khích
1433	190106	ĐỖ TRÀ MY	THCS Nam Tiến	Phú Xuyên	Ngữ văn	Nhất
1434	190101	LÊ LAN ANH	THCS Hồng Thái	Phú Xuyên	Ngữ văn	Nhì
1435	190110	ĐỖ PHẠM ANH THƯ	THCS Khai Thái	Phú Xuyên	Ngữ văn	Ba
1436	190103	ĐINH TIẾN DŨNG	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Ngữ văn	Ba
1437	190108	NGUYỄN LỆ QUYÊN	THCS Khai Thái	Phú Xuyên	Ngữ văn	Ba
1438	190107	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	THCS Văn Hoàng	Phú Xuyên	Ngữ văn	Ba
1439	190102	VŨ MAI ANH	THCS Tri Trung	Phú Xuyên	Ngữ văn	Ba
1440	190109	LÊ NGỌC QUỶ	THCS Tri Trung	Phú Xuyên	Ngữ văn	Khuyến khích
1441	200105	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	THCS Liên Hiệp	Phúc Thọ	Ngữ văn	Nhì
1442	200109	ĐỖ HOÀNG YẾN	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Ngữ văn	Ba
1443	200107	HOÀNG VĂN THÁI	THCS Long Xuyên	Phúc Thọ	Ngữ văn	Khuyến khích
1444	200104	TRẦN KHÁNH HUYỀN	THCS Tam Hiệp	Phúc Thọ	Ngữ văn	Khuyến khích
1445	210105	PHAN THỊ MY	THCS Ngọc Mỹ	Quốc Oai	Ngữ văn	Ba
1446	210107	NGUYỄN ANH THƯ	THCS Ngọc Liệp	Quốc Oai	Ngữ văn	Ba
1447	210110	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	THCS Tân Phú	Quốc Oai	Ngữ văn	Ba
1448	210108	NGUYỄN THU TRANG	THCS Phú Cát	Quốc Oai	Ngữ văn	Ba
1449	210106	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Ngữ văn	Khuyến khích
1450	210104	VŨ NGỌC KHÁNH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Ngữ văn	Khuyến khích
1451	210102	NGUYỄN THỦY DUNG	THCS Liệp Tuyết	Quốc Oai	Ngữ văn	Khuyến khích
1452	220105	NGÔ THANH PHƯƠNG	THCS Hiền Ninh	Sóc Sơn	Ngữ văn	Nhất
1453	220104	LÊ NGUYỄN BẢO NGỌC	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Ngữ văn	Nhì
1454	220103	VŨ THẢO MY	THCS Thị Trấn	Sóc Sơn	Ngữ văn	Ba
1455	220101	CHU THANH HUYỀN	THCS Thanh Xuân	Sóc Sơn	Ngữ văn	Ba
1456	220102	CAO LINH HƯƠNG	THCS Phú Minh	Sóc Sơn	Ngữ văn	Ba
1457	220110	LÊ TRỊNH TỔ UYÊN	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Ngữ văn	Khuyến khích
1458	220107	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Thị Trấn	Sóc Sơn	Ngữ văn	Khuyến khích
1459	220108	VŨ HÀ LINH TRANG	THCS Thị Trấn	Sóc Sơn	Ngữ văn	Khuyến khích
1460	230103	PHẠM THỊ THỦY LINH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Ngữ văn	Nhì
1461	230105	LÊ PHƯƠNG NGÀ	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Ngữ văn	Nhì
1462	230107	LÊ HÀ NHƯ	THCS Thanh Mỹ	Sơn Tây	Ngữ văn	Ba
1463	230109	TRẦN MINH PHƯƠNG	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Ngữ văn	Ba
1464	230106	NGUYỄN MINH NGUYỆT	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Ngữ văn	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1465	230110	VŨ CẨM TÚ	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Ngữ văn	Khuyến khích
1466	230104	PHƯƠNG TRÚC LINH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Ngữ văn	Khuyến khích
1467	230102	NGUYỄN THANH HẰNG	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Ngữ văn	Khuyến khích
1468	230101	NGUYỄN QUỲNH ANH	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Ngữ văn	Khuyến khích
1469	240109	HOÀNG HỒNG TÚ	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Ngữ văn	Nhất
1470	240106	TRẦN GIA LINH	THCS Xuân La	Tây Hồ	Ngữ văn	Nhất
1471	240110	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Ngữ văn	Nhi
1472	240104	DƯƠNG THÙY DƯƠNG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Ngữ văn	Nhi
1473	240107	ĐÌNH NGUYỄN HUYỀN MY	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Ngữ văn	Nhi
1474	240103	HOÀNG LÊ QUỲNH CHI	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Ngữ văn	Nhi
1475	240108	LÊ PHẠM LAN NHƯ	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Ngữ văn	Ba
1476	240102	NGUYỄN HỒ TRANG AN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Ngữ văn	Ba
1477	240101	HUỲNH TỔ AN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Ngữ văn	Ba
1478	250101	CẦN HÀ AN	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Ngữ văn	Nhi
1479	250102	NGUYỄN NGỌC MAI ANH	THCS Bình Phú	Thạch Thất	Ngữ văn	Ba
1480	250103	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Ngữ văn	Ba
1481	250106	NGUYỄN CẨM LY	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Ngữ văn	Khuyến khích
1482	250104	NGUYỄN VÂN ANH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Ngữ văn	Khuyến khích
1483	260106	PHẠM MINH HUYỀN	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Ngữ văn	Nhi
1484	260107	HOÀNG TIÊU TÂY	THCS Thanh Thủy	Thanh Oai	Ngữ văn	Nhi
1485	260105	ĐỖ HỒNG HẠNH	THCS Phương Trung	Thanh Oai	Ngữ văn	Ba
1486	260104	NGUYỄN THU HÀ	THCS Kim Thư	Thanh Oai	Ngữ văn	Ba
1487	260108	HOÀNG HÀ TRANG	THCS Tân Ước	Thanh Oai	Ngữ văn	Khuyến khích
1488	260101	PHÙNG NGUYỄN THÁI AN	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Ngữ văn	Khuyến khích
1489	270101	NGUYỄN MAI ANH	THCS Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	Ngữ văn	Nhi
1490	270108	PHẠM BÍCH AN NGỌC	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Ngữ văn	Nhi
1491	270109	DƯƠNG HOÀNG MAI PHƯƠNG	THCS Tân Triều	Thanh Trì	Ngữ văn	Ba
1492	270107	BÙI HUYỀN THẢO MY	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	Ngữ văn	Ba
1493	270103	HOÀNG NGỌC ÁNH	THCS Vạn Phúc	Thanh Trì	Ngữ văn	Ba
1494	270102	NGUYỄN THỊ KIM ANH	THCS Đông Mỹ	Thanh Trì	Ngữ văn	Ba
1495	270110	TRIỆU HÀ PHƯƠNG	THCS Tân Triều	Thanh Trì	Ngữ văn	Ba
1496	270104	TRẦN XUÂN ĐỨC	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	Ngữ văn	Khuyến khích
1497	280108	LÊ TRẦN ANH THƯ	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Ngữ văn	Nhi
1498	280104	NGUYỄN THU HẰNG	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Ngữ văn	Nhi
1499	280110	DƯƠNG ÁNH XUÂN	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Ngữ văn	Ba
1500	280102	KIỀU QUỲNH CHI	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Ngữ văn	Ba
1501	280101	LÊ BẢO CHÁU	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Ngữ văn	Khuyến khích
1502	280103	LÊ TRẦN LAN CHI	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Ngữ văn	Khuyến khích
1503	280105	VŨ MINH HIỀN	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Ngữ văn	Khuyến khích
1504	280106	VŨ GIA LINH	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Ngữ văn	Khuyến khích
1505	290108	VƯƠNG THỊ HÀ TRANG	THCS Thăng Lợi	Thường Tín	Ngữ văn	Nhi
1506	290109	PHẠM NHẢ VÂN	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Ngữ văn	Ba
1507	290104	ĐỖ ANH PHƯƠNG	THCS Tự Nhiên	Thường Tín	Ngữ văn	Khuyến khích
1508	290105	NGHIÊM THỊ ÁNH PHƯƠNG	THCS Tiên Phong	Thường Tín	Ngữ văn	Khuyến khích
1509	290106	VŨ THỊ THÙY	THCS Dũng Tiến	Thường Tín	Ngữ văn	Khuyến khích
1510	290107	TẠ ANH THƯ	THCS Thăng Lợi	Thường Tín	Ngữ văn	Khuyến khích
1511	290102	NGUYỄN THÚY NGÀ	THCS Nhị Khê	Thường Tín	Ngữ văn	Khuyến khích
1512	300108	BÙI NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Ngữ văn	Nhi
1513	300104	DƯƠNG HÀ CHÁU	THCS Thị Trấn Văn Đình	Ứng Hòa	Ngữ văn	Ba
1514	300105	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	THCS Vạn Thái	Ứng Hòa	Ngữ văn	Ba
1515	300110	NGUYỄN ANH THƯ	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Ngữ văn	Khuyến khích
1516	010505	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	THCS Thăng Long	Ba Đình	Sinh học	Khuyến khích
1517	010506	PHẠM NGUYỄN NGÂN HÀ	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Sinh học	Nhất
1518	010501	VŨ TRẦN PHƯƠNG ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Sinh học	Nhi
1519	010503	ĐÌNH KHÁNH CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Sinh học	Nhi
1520	010502	PHẠM GIA BẢO	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Sinh học	Nhi
1521	010508	LÊ NGỌC LINH	THCS Mạc Đình Chi	Ba Đình	Sinh học	Nhi
1522	010509	NGUYỄN THỊ BẢO NHI	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Sinh học	Ba
1523	010504	NGUYỄN QUỲNH CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Sinh học	Ba
1524	010507	TRƯƠNG THANH HẰNG	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Sinh học	Khuyến khích
1525	020503	NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG	THCS TTNC Bò&Đổng Cỏ	Ba Vì	Sinh học	Ba
1526	020507	PHÙNG THỊ HOÀI THƯƠNG	THCS Phú Đông	Ba Vì	Sinh học	Ba
1527	020505	NGUYỄN MINH HẰNG	Phổ thông dân tộc nội trú	Ba Vì	Sinh học	Khuyến khích
1528	020509	HOÀNG KHÁNH VÂN	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	Sinh học	Khuyến khích



TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1529	020510	VŨ PHƯƠNG VY	THCS Tân Đà	Ba Vì	Sinh học	Khuyến khích
1530	030511	ĐẶNG BẢO QUANG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Nhì
1531	030508	VÕ THỦY LINH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Nhì
1532	030506	NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	THCS Minh Khai	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Nhì
1533	030503	LÊ VĂN NGUYỄN HÙNG	THCS Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Ba
1534	030501	ĐỖ TRẦN XUÂN BÁCH	THCS Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1535	030502	HÀ NGUYỄN HẢI HOÀNG	THCS Xuân Đình	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1536	030510	TRẦN VŨ TRÀ MY	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1537	040527	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Sinh học	Nhất
1538	040505	NGUYỄN THỰC CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhất
1539	040502	GIÁP MINH ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhất
1540	040514	NGUYỄN LAN HƯƠNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1541	040524	DƯƠNG MINH NHẬT	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1542	040513	PHẠM AN HUY	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1543	040521	NGUYỄN ĐỨC MINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1544	040503	NGUYỄN HẢI ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1545	040507	VƯƠNG HẢI CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1546	040526	LÊ THANH TÂM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1547	040515	ĐỖ NAM KHÁNH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1548	040522	PHẠM VĨNH NAM	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1549	040519	ĐỖ GIA LINH	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1550	040506	PHẠM QUỲNH CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1551	040523	PHAN ĐỨC KHÔI NGUYỄN	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1552	040518	ĐÀO PHƯƠNG LINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Nhì
1553	040520	LÊ NGUYỄN DIỆU LINH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1554	040517	NGUYỄN YẾN LÊ	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1555	040504	ĐÀO HUỆ CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1556	040508	ĐỖ CÔNG DANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1557	040509	NGUYỄN MAI THỦY DƯƠNG	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1558	040511	NGUYỄN LINH ĐAN	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1559	040512	ĐỖ CHÍ HIẾU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1560	040525	CAO HỮU PHÚC	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1561	040528	LÊ MINH TRANG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Ba
1562	040501	BÙI MINH KHÁNH AN	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Sinh học	Khuyến khích
1563	040510	ĐẶNG TRẦN NHẬT ĐAN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Sinh học	Khuyến khích
1564	040516	NGUYỄN NGỌC LÂM	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Sinh học	Khuyến khích
1565	050506	HOÀNG KIỀU THANH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Sinh học	Khuyến khích
1566	050509	ĐỖ QUỲNH TRANG	THCS Tiên Phương	Chương Mỹ	Sinh học	Ba
1567	060501	NGUYỄN DUY BẢO AN	THCS Tân Hội	Đan Phượng	Sinh học	Nhì
1568	060507	LÊ MINH QUANG	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Sinh học	Nhì
1569	060510	TRỊNH ĐỨC VIỆT	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Sinh học	Nhì
1570	060505	TRỊNH MAI LAN	THCS Liên Hồng	Đan Phượng	Sinh học	Ba
1571	060503	NGUYỄN VĂN BÌNH	THCS Liên Hà	Đan Phượng	Sinh học	Ba
1572	060506	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Sinh học	Ba
1573	060504	NGUYỄN ANH ĐỨC	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Sinh học	Khuyến khích
1574	060508	NGUYỄN THANH THẢO	THCS Tân Hội	Đan Phượng	Sinh học	Khuyến khích
1575	060502	NGUYỄN HOÀI BĂNG	THCS Liên Trung	Đan Phượng	Sinh học	Khuyến khích
1576	070505	NGUYỄN HOÀNG LINH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Sinh học	Khuyến khích
1577	070501	NGUYỄN HÀ CHÂU ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Sinh học	Khuyến khích
1578	070510	NGUYỄN THẾ KHÁNH SƠN	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Sinh học	Nhì
1579	070506	LÊ MAI NGỌC	THCS Tiên Dương	Đông Anh	Sinh học	Nhì
1580	070507	NGUYỄN MINH NGUYỆT	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Sinh học	Nhì
1581	070503	NGÔ MINH HIẾU	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Sinh học	Ba
1582	070502	NGUYỄN TRẦN QUỲNH ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Sinh học	Ba
1583	070509	TRẦN TUỆ SAN	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Sinh học	Ba
1584	080506	NGUYỄN HẠNH DUNG	THCS Láng Hạ	Đống Đa	Sinh học	Khuyến khích
1585	080509	PHẠM HOÀNG THU HÀ	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Sinh học	Nhì
1586	080502	NGUYỄN MINH ANH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Sinh học	Ba
1587	080508	TRỊNH LINH GIANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Sinh học	Ba
1588	080514	PHẠM ANH THƯ	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Sinh học	Ba
1589	080505	NGUYỄN THỊ LAN CHI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Sinh học	Ba
1590	080512	NGUYỄN KHÁNH NAM	THCS Đống Đa	Đống Đa	Sinh học	Ba
1591	080513	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH PHONG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Sinh học	Ba
1592	080511	PHẠM ĐĂNG MINH	THCS Cát Linh	Đống Đa	Sinh học	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1593	080507	NGUYỄN KHÁNH DUY	THCS Đồng Đa	Đồng Đa	Sinh học	Ba
1594	080510	NGUYỄN MINH HÒA	THCS Thái Thịnh	Đồng Đa	Sinh học	Khuyến khích
1595	080515	HOÀNG VĂN TÙNG	THCS Thịnh Quang	Đồng Đa	Sinh học	Khuyến khích
1596	080501	PHẠM KIỀU AN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đồng Đa	Sinh học	Khuyến khích
1597	090504	NGUYỄN THỊ LINH NGA	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Sinh học	Nhì
1598	090501	NGUYỄN HOÀNG LINH	THCS Kim Sơn	Gia Lâm	Sinh học	Ba
1599	090503	LÊ HOÀNG NAM	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Sinh học	Ba
1600	090509	LƯU PHƯƠNG THẢO	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Sinh học	Ba
1601	090505	NGUYỄN THU NGÂN	THCS Dương Hà	Gia Lâm	Sinh học	Ba
1602	090506	NGUYỄN HÙNG PHÚ	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Sinh học	Khuyến khích
1603	090507	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Sinh học	Khuyến khích
1604	090510	NGUYỄN TƯỜNG VÂN	THCS Đặng Xá	Gia Lâm	Sinh học	Khuyến khích
1605	100501	NGUYỄN HUY AN	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Sinh học	Nhì
1606	100505	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	THCS Trần Đăng Ninh	Hà Đông	Sinh học	Ba
1607	100506	TRỊNH MINH ĐỨC	THCS Lê Quý Đôn-Hà Đông	Hà Đông	Sinh học	Ba
1608	100504	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	THCS Trần Đăng Ninh	Hà Đông	Sinh học	Ba
1609	100507	PHẠM NGUYỄN TRÚC MAI	THCS Yên Nghĩa	Hà Đông	Sinh học	Ba
1610	100510	VƯƠNG KIM TRUNG	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Sinh học	Khuyến khích
1611	110507	NGUYỄN VŨ TUỆ MÃN	THCS Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	Sinh học	Khuyến khích
1612	110508	NGUYỄN TRANG MY	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Sinh học	Nhì
1613	110506	LẠI HOÀNG MAI	THCS Văn Hồ	Hai Bà Trưng	Sinh học	Ba
1614	110505	ĐINH KHÁNH LINH	THCS Tô Hoàng	Hai Bà Trưng	Sinh học	Khuyến khích
1615	120502	PHẠM ĐOÀN DIỆU ANH	THCS Alpha	Hoài Đức	Sinh học	Ba
1616	120503	NGUYỄN THỊ NHƯ HOA	THCS Tiền Yên	Hoài Đức	Sinh học	Ba
1617	120510	ĐOÀN VŨ ANH THỨ	THCS Alpha	Hoài Đức	Sinh học	Ba
1618	120504	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	THCS Dương Liễu	Hoài Đức	Sinh học	Khuyến khích
1619	120509	LÊ BẢO THANH	THCS La Phù	Hoài Đức	Sinh học	Khuyến khích
1620	130511	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Sinh học	Khuyến khích
1621	130506	LÊ QUỲNH CHI	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Sinh học	Nhất
1622	130514	NGUYỄN HỮU MINH PHÚC	THCS Chương Dương	Hoàn Kiếm	Sinh học	Nhì
1623	130509	PHẠM HÀ BẢO LÂM	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Sinh học	Nhì
1624	130501	NGUYỄN TỬ ANH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Sinh học	Ba
1625	130503	TỔNG HÀ ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Sinh học	Ba
1626	130512	NGUYỄN ANH NGUYỄN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Sinh học	Ba
1627	130504	ĐINH GIA BẢO	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Sinh học	Khuyến khích
1628	130507	LÊ NGUYỄN GIÁP	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Sinh học	Khuyến khích
1629	130508	NGUYỄN HẢI NHẬT LÂM	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Sinh học	Khuyến khích
1630	140508	NGUYỄN NGỌC LINH	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Khuyến khích
1631	140504	PHÍ LÊ NGỌC HÀ	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Khuyến khích
1632	140514	TRẦN NGỌC BẢO THY	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Khuyến khích
1633	140515	LÊ HUY TUẤN	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Ba
1634	140511	VŨ TRANG NGÂN	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Sinh học	Ba
1635	140501	PHẠM DUY ANH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Ba
1636	140503	VŨ NGUYỄN MAI CHI	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Sinh học	Ba
1637	140507	NGUYỄN THỊ MINH KHUÊ	THCS Linh Đàm	Hoàng Mai	Sinh học	Ba
1638	140509	NGUYỄN TRẦN NHẬT MINH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Khuyến khích
1639	140502	NGUYỄN QUANG BÁCH	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Sinh học	Khuyến khích
1640	150507	HỒ TUYẾT NHI	THCS Ái Mộ	Long Biên	Sinh học	Khuyến khích
1641	150504	VŨ CHI MAI	THCS Chu Văn An	Long Biên	Sinh học	Nhì
1642	150503	VŨ VĂN KIẾT	THCS Đức Giang	Long Biên	Sinh học	Nhì
1643	150509	ĐẶNG HOÀNG HẢI PHONG	THCS Chu Văn An	Long Biên	Sinh học	Nhì
1644	150502	KIỀU UYÊN CHI	THCS Chu Văn An	Long Biên	Sinh học	Ba
1645	150506	VŨ HẢ MINH NGỌC	THCS Đô Thị Việt Hưng	Long Biên	Sinh học	Khuyến khích
1646	150508	TRANG BẢO NHI	THCS Gia Thụy	Long Biên	Sinh học	Khuyến khích
1647	150501	NGUYỄN HÀ ANH	THCS Việt Hưng	Long Biên	Sinh học	Khuyến khích
1648	150510	NGUYỄN MINH THU	THCS Việt Hưng	Long Biên	Sinh học	Khuyến khích
1649	160506	LƯU ÁI LINH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1650	160505	NGUYỄN TRẦN MINH CHÂU	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1651	160507	VŨ ĐÀO THUY LINH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1652	160509	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1653	160503	PHAN NGUYỄN TỬ ANH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1654	160508	LÊ HÀ MY	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1655	160501	NGUYỄN HOÀNG ANH	THCS Trung Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1656	160502	NGUYỄN LÊ ANH	THCS Hoàng Kim	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1657	160510	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	THCS Trưng Vương	Mê Linh	Sinh học	Khuyến khích
1658	170509	LÊ ĐỨC VINH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Sinh học	Khuyến khích
1659	170506	NGUYỄN VĂN QUANG	THCS Thượng Lâm	Mỹ Đức	Sinh học	Nhì
1660	170501	KIM GIA HUY	THCS Bội Xuyên	Mỹ Đức	Sinh học	Nhì
1661	170503	CAO TRẦN BẢO LÂM	THCS xã Đồng Tâm	Mỹ Đức	Sinh học	Ba
1662	170508	LÊ ANH THƯ	THCS Hợp Tiến	Mỹ Đức	Sinh học	Khuyến khích
1663	170507	BUI NGUYỄN MINH QUÂN	THCS xã Đồng Tâm	Mỹ Đức	Sinh học	Khuyến khích
1664	170505	NGÔ THANH PHƯƠNG	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Sinh học	Khuyến khích
1665	170504	BUI HÙNG LƯƠNG	THCS Tuy Lai	Mỹ Đức	Sinh học	Khuyến khích
1666	180508	LÝ PHẤT NGUYỄN PHƯƠNG	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1667	180501	NGUYỄN MINH ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Nhì
1668	180503	KIỀU ANH DŨNG	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Sinh học	Nhì
1669	180504	NGÔ TÂM ĐAN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Ba
1670	180507	TRỊNH HẢI NAM	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1671	180509	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1672	180510	ĐÀO HIỀN TRANG	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1673	180502	VŨ HỒNG ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Sinh học	Khuyến khích
1674	190505	NGUYỄN DIỆU LINH	THCS Phú Yên	Phú Xuyên	Sinh học	Khuyến khích
1675	190506	NGUYỄN QUỲNH MAI	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Sinh học	Ba
1676	190510	VŨ HIỀN VINH	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Sinh học	Ba
1677	190502	ĐÀO MINH ĐẠT	THCS Tân Dân	Phú Xuyên	Sinh học	Ba
1678	190504	NGUYỄN GIA KHÁNH	THCS Phú Yên	Phú Xuyên	Sinh học	Ba
1679	190508	LƯU VĂN QUÂN	THCS Tân Dân	Phú Xuyên	Sinh học	Khuyến khích
1680	200508	TRẦN THỊ PHƯƠNG THUY	THCS Tam Hiệp	Phúc Thọ	Sinh học	Khuyến khích
1681	200502	KHUẤT PHƯƠNG ANH	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Sinh học	Khuyến khích
1682	200504	LÊ THU HIỀN	THCS Tam Hiệp	Phúc Thọ	Sinh học	Ba
1683	200510	VŨ QUỐC VIỆT	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Sinh học	Khuyến khích
1684	210510	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	THCS Yên Sơn	Quốc Oai	Sinh học	Khuyến khích
1685	220502	NGUYỄN KIM CHI	THCS Kim Lũ	Sóc Sơn	Sinh học	Khuyến khích
1686	220506	NGUYỄN HỒNG HÀ	THCS Thị trấn	Sóc Sơn	Sinh học	Khuyến khích
1687	220503	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	THCS Việt Long	Sóc Sơn	Sinh học	Khuyến khích
1688	220509	VŨ DIỆU LINH	THCS Nguyễn Du	Sóc Sơn	Sinh học	Khuyến khích
1689	230510	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Sinh học	Khuyến khích
1690	230508	TRẦN THANH THẢO	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Sinh học	Khuyến khích
1691	230501	DƯƠNG GIA BẢO	THCS Đường Lâm	Sơn Tây	Sinh học	Ba
1692	230504	PHAN TUẤN HÙNG	THCS Đường Lâm	Sơn Tây	Sinh học	Khuyến khích
1693	230509	ĐÀM PHÚC KHANG THY	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Sinh học	Khuyến khích
1694	240510	VŨ TRẦN ANH TUẤN	THCS Đông Thái	Tây Hồ	Sinh học	Khuyến khích
1695	240502	PHÙNG PHƯƠNG ANH	THCS Xuân La	Tây Hồ	Sinh học	Khuyến khích
1696	240501	NGUYỄN PHƯỢNG ANH	THCS Đông Thái	Tây Hồ	Sinh học	Khuyến khích
1697	240505	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Sinh học	Khuyến khích
1698	240503	DƯƠNG MINH CHÁU	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Sinh học	Khuyến khích
1699	240507	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Sinh học	Ba
1700	240506	NGUYỄN KHẮC PHÚC	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Sinh học	Ba
1701	250509	NGUYỄN THỊ THU THẢO	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Sinh học	Khuyến khích
1702	250504	VŨ NGỌC HÀ	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Sinh học	Khuyến khích
1703	250506	NGUYỄN THU NGUYỆT	THCS Minh Hà	Thạch Thất	Sinh học	Ba
1704	260502	NGUYỄN THỊ ÁNH	THCS Cao Viên	Thanh Oai	Sinh học	Khuyến khích
1705	270508	NGÔ GIA NGUYỄN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Sinh học	Khuyến khích
1706	270510	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG THẢO	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Sinh học	Ba
1707	270507	NGUYỄN HỒNG MINH	THCS Đông Mỹ	Thanh Trì	Sinh học	Khuyến khích
1708	270501	TRẦN BẢO AN	THCS Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Sinh học	Khuyến khích
1709	280509	TRƯƠNG CAO KHÔI	THCS Việt Nam-Angiêri	Thanh Xuân	Sinh học	Khuyến khích
1710	280503	ĐẶNG MINH CHÁU	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Sinh học	Nhất
1711	280501	BUI CHÁU ANH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Sinh học	Nhất
1712	280505	CẦN TUỆ CHI	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Sinh học	Nhất
1713	280515	MAI THANH TỬ	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Sinh học	Nhất
1714	280513	NGUYỄN ĐĂNG THỊNH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Sinh học	Nhất
1715	280504	PHẠM VŨ BẢO CHÁU	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Sinh học	Nhì
1716	280511	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC LINH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Sinh học	Nhì
1717	280502	NGUYỄN TÂM ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Sinh học	Nhì
1718	280512	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Sinh học	Nhì
1719	280507	TRỊNH XUÂN TRÍ DŨNG	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Sinh học	Nhì
1720	280506	PHẠM THƯ DUNG	THCS Việt Nam-Angiêri	Thanh Xuân	Sinh học	Nhì

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1721	280514	HOÀNG BẢO THU	THCS Việt Nam-Angiêri	Thanh Xuân	Sinh học	Ba
1722	290502	VŨ PHƯƠNG ANH	THCS Văn Bình	Thường Tín	Sinh học	Khuyến khích
1723	290505	LÊ KHÁNH LINH	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Sinh học	Khuyến khích
1724	290506	TRẦN HOÀNG NGUYỄN	THCS Văn Bình	Thường Tín	Sinh học	Khuyến khích
1725	290508	PHẠM AN THẢO	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Sinh học	Khuyến khích
1726	300502	NGUYỄN HẢI ANH	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Sinh học	Khuyến khích
1727	300505	NGUYỄN PHÚC KHANG	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Sinh học	Khuyến khích
1728	300506	NGUYỄN NGỌC LÂM	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Sinh học	Khuyến khích
1729	300509	NGUYỄN THANH TÚ	THCS Hòa Phú	Ứng Hòa	Sinh học	Khuyến khích
1730	010912	NGUYỄN HỮU NINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhất
1731	010911	NGUYỄN HÀ MY	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhi
1732	010902	NGUYỄN HÀ DIỆP ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhi
1733	010906	ĐỖ VŨ DIỆP CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhi
1734	010910	TRẦN QUANG MINH	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhi
1735	010903	TRẦN MINH ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhi
1736	010901	LÊ VŨ MINH ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhi
1737	010915	VƯƠNG GIA UYÊN	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
1738	010908	ĐỖ CẢNH KHÔI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
1739	010914	BẠCH MINH SƠN	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
1740	010904	VŨ TUỆ ANH	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
1741	010907	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
1742	010909	PHẠM BẢO LÂM	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
1743	010913	ĐỖ ĐÌNH PHONG	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
1744	010905	TRẦN HẢI BÁCH	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
1745	020909	NGUYỄN THỊ AN THƯƠNG	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1746	020905	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	THCS Tân Đà	Ba Vì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1747	030902	ĐẶNG VŨ BÌNH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Nhi
1748	030909	NGUYỄN BẢO LINH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Nhi
1749	030913	LÊ MINH QUÝ	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Nhi
1750	030905	VŨ NGUYỄN QUỲNH CHI	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1751	030903	LÊ UYÊN CHI	THCS và THPT Dewey	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1752	030911	NGUYỄN SONG NGUYỄN	TH, THCS và THPT Everest	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1753	030906	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1754	030915	NGUYỄN ĐOÀN BẢO THY	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1755	030904	NGUYỄN KHÁNH CHI	TH và THCS Tây Hà Nội	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1756	030910	NGUYỄN MINH NGỌC	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1757	030901	LÃ DIỆP ANH	THCS Xuân Đình	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1758	030912	NGUYỄN HẠNH PHƯƠNG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1759	030914	VŨ LÊ QUÝ SANG	THCS Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1760	030908	NGUYỄN MINH HƯƠNG	TH và THCS Pascal	Bắc Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1761	040913	NGUYỄN XUÂN NGỌC KHÁNH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1762	040909	CHU ĐOÀN PHƯƠNG CHI	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1763	040914	ĐÀM TIẾN KHÔI	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1764	040916	NGUYỄN CHI LAN	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1765	040905	TRƯƠNG TÙNG ANH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1766	040906	NGUYỄN BẢO CHÂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1767	040903	NGUYỄN TUẤN ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1768	040921	BÙI HOÀNG LÂM NHI	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1769	040901	ĐỖ ĐẶNG TRÚC AN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1770	040924	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1771	040911	QUÁCH NHẬT HOA	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhất
1772	040902	ĐÌNH MINH ANH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1773	040926	HÀ DIỄM QUỲNH	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1774	040904	TẠ THẢO ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1775	040928	NGUYỄN HÙNG THỊNH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1776	040918	NGUYỄN HÀ LINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1777	040907	NGUYỄN BĂNG CHÂU	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1778	040920	LÊ MINH NGỌC	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1779	040917	LŨ BẢO LÂM	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1780	040922	NGUYỄN GIA PHÚ	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1781	040923	HOÀNG NAM PHƯƠNG	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1782	040915	ĐỖ TUẤN KHÔI	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1783	040929	PHẠM GIA VINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi
1784	040912	TRẦN LƯƠNG HUY	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Nhi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1785	040925	PHẠM TRẦN MAI PHƯƠNG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Ba
1786	040919	NGUYỄN KHÁNH LINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Ba
1787	040927	NGUYỄN ĐỨC TÂM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Ba
1788	040908	TRẦN BẢO CHÂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Ba
1789	040910	NGUYỄN THẠCH MINH ĐỨC	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tiếng Anh	Ba
1790	050906	NGUYỄN LÊ BẢO NAM	THCS Ngô Sĩ Liên	Chương Mỹ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1791	050910	NGUYỄN HOÀNG YẾN	THCS Ngô Sĩ Liên	Chương Mỹ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1792	060901	BÙI MINH ÁNH	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Tiếng Anh	Ba
1793	060904	NGUYỄN MINH KHANG	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1794	060903	ĐỖ DIỆP HÀ	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1795	060906	NGUYỄN ĐỨC LỢI	THCS Đồng Tháp	Đan Phượng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1796	070902	VŨ ĐẶNG THÚY ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Tiếng Anh	Nhi
1797	070904	TRẦN DIỆU CHÂU	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Tiếng Anh	Nhi
1798	070903	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	THCS Liên Hà	Đông Anh	Tiếng Anh	Nhi
1799	070908	LÊ TÙNG LÂM	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Tiếng Anh	Ba
1800	070907	TRẦN THUY DƯƠNG	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Tiếng Anh	Ba
1801	070901	ĐINH TRẦN HẢI ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Tiếng Anh	Ba
1802	070906	HOÀNG NGỌC DIỆP	THCS Vĩnh Ngọc	Đông Anh	Tiếng Anh	Khuyến khích
1803	070909	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Tiếng Anh	Khuyến khích
1804	080904	VÕ TÂM ANH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Nhi
1805	080906	NGUYỄN KHOA BẢNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Nhi
1806	080901	NGUYỄN ĐỨC ANH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Nhi
1807	080914	NGUYỄN MINH THƯ	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Nhi
1808	080913	NGUYỄN DUY HẢI PHONG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Nhi
1809	080903	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Tiếng Anh	Ba
1810	080907	NGUYỄN CAO DÂN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Ba
1811	080915	DƯƠNG ĐÌNH TÙNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Ba
1812	080905	ĐINH GIA BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Ba
1813	080912	HÀ NHẬT MINH	THCS Bể Ván Đàn	Đống Đa	Tiếng Anh	Ba
1814	080911	NGUYỄN MINH KHUÊ	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Anh	Khuyến khích
1815	080909	TRẦN NHẬT GIA HÂN	THCS Láng Thượng	Đống Đa	Tiếng Anh	Khuyến khích
1816	080910	NGUYỄN NAM KHÁNH	THCS Khương Thượng	Đống Đa	Tiếng Anh	Khuyến khích
1817	080902	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THCS Phương Mai	Đống Đa	Tiếng Anh	Khuyến khích
1818	080908	NGUYỄN KỶ THANH HÀ	THCS Đống Đa	Đống Đa	Tiếng Anh	Khuyến khích
1819	090903	LÊ KIM BẢO	THCS Bát Tràng	Gia Lâm	Tiếng Anh	Ba
1820	090909	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	THCS Thị trấn Yên Viên	Gia Lâm	Tiếng Anh	Ba
1821	090908	NGUYỄN THÀNH NAM	THCS thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1822	090910	NGUYỄN MINH QUANG	THCS Yên Thường	Gia Lâm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1823	090906	VŨ NGỌC LINH	THCS Bát Tràng	Gia Lâm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1824	090904	LƯƠNG THUY DƯƠNG	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1825	100909	NGUYỄN BẢO NAM	THCS Trần Đăng Ninh	Hà Đông	Tiếng Anh	Nhi
1826	100904	TRẦN VŨ MINH ANH	THCS Phú La	Hà Đông	Tiếng Anh	Nhi
1827	100908	NGUYỄN PHÚC THẢO MINH	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Tiếng Anh	Nhi
1828	100906	NGUYỄN THẢO LINH	THCS Thực nghiệm Victory	Hà Đông	Tiếng Anh	Nhi
1829	100902	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	THCS Văn Khê	Hà Đông	Tiếng Anh	Ba
1830	100907	NGUYỄN MỘC MIỀN	THCS Văn Quán	Hà Đông	Tiếng Anh	Ba
1831	100910	BÙI NGUYỄN TƯỜNG VY	THCS Mỗ Lao	Hà Đông	Tiếng Anh	Ba
1832	100903	PHẠM MINH ANH	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Tiếng Anh	Ba
1833	100905	TẠ MINH HIỀN	THCS Phú La	Hà Đông	Tiếng Anh	Ba
1834	100901	NGUYỄN ĐỨC ANH	THCS Mỗ Lao	Hà Đông	Tiếng Anh	Khuyến khích
1835	110904	ĐỖ QUANG BÁCH	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Nhi
1836	110907	VŨ AN HUY	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Ba
1837	110908	NGUYỄN NGỌC MINH	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Ba
1838	110906	PHẠM TRẦN QUANG HIẾU	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1839	110903	TẠ TRÂM ANH	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1840	110905	ĐINH TƯỜNG GIANG	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1841	110909	QUÁCH THANH THẢO	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1842	110901	LÊ LƯỢNG AN	THCS Ngô Quyền	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1843	110910	NGUYỄN XUÂN TOÀN	THCS Ngô Gia Tự	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1844	110902	NGUYỄN DOãn THIÊN AN	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1845	110911	HOÀNG TUẤN VIỆT	THCS Tô Hoàng	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Khuyến khích
1846	120901	BÙI KHÔI ANH	THCS An Khánh	Hoài Đức	Tiếng Anh	Nhi
1847	120907	VŨ MINH HIỀN	THCS Alpha	Hoài Đức	Tiếng Anh	Ba
1848	120908	BÙI VŨ DIỆU KHUÊ	THCS Alpha	Hoài Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1849	120909	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Vân Canh	Hoài Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích
1850	120905	VƯƠNG QUỲNH CHI	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích
1851	120902	ĐOÀN HÀ TÚ ANH	THCS Alpha	Hoài Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích
1852	120904	NGUYỄN TỬ DUY ANH	TH và THCS Vinschool Thăng Long	Hoài Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích
1853	120903	NGUYỄN ĐẮC VIỆT ANH	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích
1854	130915	PHẠM TƯỜNG VY	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Nhì
1855	130903	PHẠM HỒNG ANH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1856	130902	ĐOÀN MINH ANH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1857	130913	TRẦN NGỌC NGUYỄN THẢO	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1858	130914	PHẠM HÀ UYÊN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1859	130910	VŨ CHI UYÊN NHI	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1860	130907	LÊ MINH KHOA	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1861	130906	ĐẶNG MINH HOÀNG	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1862	130908	KIỀU TUẤN MINH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Ba
1863	130904	TRẦN TRUNG ANH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1864	130905	NGUYỄN MAI KHÁNH CHI	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1865	130909	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1866	130912	ĐÀO MINH TÂN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1867	130911	HÀ THU PHƯƠNG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Anh	Khuyến khích
1868	140912	TRẦN HỮU MINH QUẢN	THCS Đại Kim	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Nhì
1869	140908	ĐỖ HOÀNG MINH	THCS Giáp Bát	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Nhì
1870	140909	NGUYỄN ĐÌNH BẢO MINH	THCS Thanh Trì	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Ba
1871	140913	ĐỖ KHÁNH TÙNG	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Ba
1872	140911	BÙI NGỌC MINH PHÚC	THCS Tân Mai	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1873	140915	NGUYỄN TẤN VINH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1874	140914	LÊ CÔNG QUANG VINH	THCS Đại Kim	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1875	140906	LÂM VŨ KỶ	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1876	140910	VŨ KHÁNH NGỌC	THCS và THPT Quốc Tế Thăng Long	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1877	140903	HOÀNG HẢI	THCS Mai Động	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1878	140907	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1879	140905	NGÔ MINH HIẾU	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1880	140902	TRỊNH NGỌC MAI CHI	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1881	150912	NGUYỄN MINH PHÚC	TH, THCS và THPT Vinschool The Hamony	Long Biên	Tiếng Anh	Ba
1882	150908	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Nguyễn Gia Thiều	Long Biên	Tiếng Anh	Ba
1883	150905	VŨ NGUYỄN HỒNG HÀ	THCS Chu Văn An	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1884	150903	NGUYỄN LÊ DŨNG	TH, THCS và THPT Vinschool The Hamony	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1885	150901	LÊ ĐỨC ANH	THCS Gia Thụy	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1886	150910	TRẦN TUẤN MINH	THCS Đô Thị Việt Hưng	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1887	150914	LÊ AN BẢO TRẦN	TH, THCS và THPT Vinschool The Hamony	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1888	150909	NGUYỄN ĐỨC MINH	TH và THCS Wellspring	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1889	150904	TRƯƠNG BÌNH LÊ ĐẠT	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1890	150911	DƯƠNG KHÁNH NGỌC	THCS Chu Văn An	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1891	150907	MAI LÊ NGỌC LINH	THCS Lê Quý Đôn	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1892	150915	TRẦN ĐOÀN ĐỨC TRÍ	THCS Chu Văn An	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1893	150913	TRẦN HỒNG SƠN	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Tiếng Anh	Khuyến khích
1894	160907	NGUYỄN THU THẢO	THCS Trung Vương	Mê Linh	Tiếng Anh	Nhì
1895	160903	LÊ MINH HOÀNG	THCS Trung Vương	Mê Linh	Tiếng Anh	Khuyến khích
1896	160902	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	THCS Quang Minh	Mê Linh	Tiếng Anh	Khuyến khích
1897	170908	PHÙNG THỊ GIA NHƯ	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Tiếng Anh	Khuyến khích
1898	180901	PHẠM GIA KHÁNH AN	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Nhì
1899	180913	NGUYỄN TÙNG LÂM	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Nhì
1900	180907	NGUYỄN MINH CHÂU	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Nhì
1901	180903	THÁI HẢI ANH	THCS và THPT Marie Curie	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1902	180908	NGUYỄN THỦY CHI	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1903	180902	BÙI NGỌC ANH	THCS và THPT Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1904	180915	PHAN LÊ NGUYỄN	THCS và THPT Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1905	180905	NGUYỄN THANH BÌNH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1906	180909	VŨ MAI CHI	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1907	180911	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1908	180904	TRIỆU TRẦN TÚ ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1909	180910	VƯƠNG QUỐC CƯỜNG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1910	180914	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	THCS và THPT Marie Curie	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1911	180912	ĐOÀN MINH KHÁNH	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Ba
1912	180906	MAI HÀ CHÂU	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Anh	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1913	200902	NGUYỄN TRÂM ANH	THCS Thọ Lộc	Phúc Thọ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1914	200901	NGUYỄN THÁI ANH	THCS Phụng Thượng	Phúc Thọ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1915	200904	KHUẤT KIỀU HÙNG	THCS Phúc Hòa	Phúc Thọ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1916	220909	TRẦN TUẤN THỊNH	THCS Đông Xuân	Sóc Sơn	Tiếng Anh	Ba
1917	220905	NGUYỄN GIA KHÁNH	THCS Tiên Dược	Sóc Sơn	Tiếng Anh	Khuyến khích
1918	230907	PHẠM TRÀ MY	THCS Cổ Đông	Sơn Tây	Tiếng Anh	Ba
1919	230905	NGUYỄN NGỌC LINH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Tiếng Anh	Ba
1920	230902	PHÙNG BẢO CHÂU	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Tiếng Anh	Ba
1921	230901	PHAN NGỌC ANH	THCS Đường Lâm	Sơn Tây	Tiếng Anh	Khuyến khích
1922	230909	HÀ ANH THƯ	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Tiếng Anh	Khuyến khích
1923	230908	DƯƠNG MINH QUANG	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Tiếng Anh	Khuyến khích
1924	240907	NGUYỄN LÊ HẠ MY	THCS Hà Nội Academy	Tây Hồ	Tiếng Anh	Nhất
1925	240902	NGUYỄN THIÊN HẠ	THCS Xuân La	Tây Hồ	Tiếng Anh	Ba
1926	240908	NGUYỄN THỊ HẠ PHƯƠNG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Anh	Ba
1927	240905	NGUYỄN ANH KHOA	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Anh	Ba
1928	240903	NGUYỄN BÙI VĂN HIỀN	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Tiếng Anh	Ba
1929	240904	NGUYỄN BẢO KHÁNH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1930	240906	TRẦN HẢI MINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1931	240909	NGUYỄN PHÚ KHÁNH TRANG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1932	240901	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Anh	Khuyến khích
1933	250908	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	TH&THCS Maya	Thạch Thất	Tiếng Anh	Ba
1934	250907	CÁN KHÔI NGUYỄN	THCS Lại Thượng	Thạch Thất	Tiếng Anh	Khuyến khích
1935	260908	BÙI THẾ NAM	THCS Tam Hưng	Thanh Oai	Tiếng Anh	Ba
1936	260902	NGUYỄN MINH ANH	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1937	260903	NGUYỄN DIỆU HÀ	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1938	260905	BÙI THẢO LINH	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1939	260906	NGUYỄN BẢO LINH	THCS Nguyễn Trục-Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1940	260909	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	TH và THCS Victoria Thăng Long	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1941	260904	VƯƠNG PHƯƠNG HOA	THCS Cự Khê	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1942	260907	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	TH và THCS Xanh Tuệ Đức	Thanh Oai	Tiếng Anh	Khuyến khích
1943	270902	MAI BẢO ANH	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tiếng Anh	Ba
1944	270909	VŨ ANH THƯ	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1945	270907	NGUYỄN HIỀN MINH	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1946	270906	HOÀNG NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1947	270904	PHÙNG TIẾN ANH	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1948	270908	NGUYỄN MINH NGỌC	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1949	270905	TRẦN VY NHẬT HẠ	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tiếng Anh	Khuyến khích
1950	280911	VŨ THỤY MINH NGỌC	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhất
1951	280902	LÊ MAI ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhì
1952	280906	NGUYỄN LÂM HÙNG	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhì
1953	280912	ĐỖ VŨ UYÊN NHI	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhì
1954	280909	TRẦN PHƯƠNG HÀ LY	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhì
1955	280907	NGUYỄN TUẤN KHANH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhì
1956	280904	VŨ LINH ĐAN	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Nhì
1957	280915	NGUYỄN ANH VŨ	THCS Việt Nam-Angiêri	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1958	280913	TRẦN THỊ HIỀN PHƯƠNG	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1959	280908	TẠ HÀ LINH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1960	280903	PHẠM CƯƠNG	THCS Việt Nam-Angiêri	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1961	280905	CAO TRẦN NGUYỄN ĐỨC	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1962	280901	BÙI THỊ CHÂU ANH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1963	280910	ĐOÀN PHƯƠNG NGÂN	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Ba
1964	280914	TRẦN LÊ THU UYÊN	THCS Nhân Chính	Thanh Xuân	Tiếng Anh	Khuyến khích
1965	290902	NGUYỄN ĐỨC ANH	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Tiếng Anh	Khuyến khích
1966	300901	ĐOÀN GIA BẢO	THCS Đông Lỗ	Ứng Hòa	Tiếng Anh	Khuyến khích
1967	011201	BÙI DIỆP ANH	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	Nhất
1968	011209	ĐẶNG LÂM THỦY NHI	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	Nhì
1969	011202	NGUYỄN QUỲNH ANH	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	Nhì
1970	011205	NGUYỄN BÙI KIM KHÁNH	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Ba
1971	011208	NGUYỄN DUY MINH	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Ba
1972	011207	VŨ GIA LINH	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Ba
1973	011203	VŨ HOÀI ANH	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1974	011206	NGÔ HOÀNG LINH	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1975	011210	NGUYỄN LÊ TÂN PHÚC	THCS Thành Công	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1976	011204	ĐÌNH LÊ MINH HIẾU	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
1977	041206	NGUYỄN NGỌC GIA HÙNG	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Nhật	Nhì
1978	041201	NGUYỄN THU ANH	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Nhật	Nhì
1979	041205	HOÀNG MINH HÀ	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Nhật	Ba
1980	041202	NGÔ LINH CHI	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1981	041204	NGÔ HÀ MINH GIANG	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1982	041210	ĐẬU KHÁNH THƯ	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1983	081206	PHẠM HỒNG LƯƠNG	THCS Bể Văn Đàn	Đống Đa	Tiếng Nhật	Nhất
1984	081202	PHẠM NGỌC CHÂU ANH	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Tiếng Nhật	Nhì
1985	081207	PHẠM HOÀNG MAI	THCS Khương Thượng	Đống Đa	Tiếng Nhật	Nhì
1986	081208	LÊ HIẾU MINH	THCS Đống Đa	Đống Đa	Tiếng Nhật	Nhì
1987	081203	ĐOÀN THẢO CHI	THCS Bể Văn Đàn	Đống Đa	Tiếng Nhật	Ba
1988	081210	PHẠM PHÚ THÁI	THCS Thái Thịnh	Đống Đa	Tiếng Nhật	Ba
1989	081209	LÊ NGUYỄN MINH NGỌC	THCS Cát Linh	Đống Đa	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1990	081205	TRẦN NGỌC HỒNG HÀ	THCS Cát Linh	Đống Đa	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1991	081204	LÊ NGỌC PHƯƠNG CHI	THCS Huy Văn	Đống Đa	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1992	111207	VŨ THẢO LINH	THCS Tô Hoàng	Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	Nhì
1993	111212	NGÔ MINH TUẤN	THCS Văn Hồ	Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	Nhì
1994	111203	NGUYỄN DIỆU CHÚC	THCS Văn Hồ	Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	Ba
1995	111208	NGUYỄN KHẮC GIA MINH	THCS Lương Yên	Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1996	111211	ĐỖ ANH QUÂN	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1997	111210	TRẦN NGỌC KHÁNH PHƯƠNG	THCS Nguyễn Phong Sắc	Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	Khuyến khích
1998	131201	LÝ HÀ PHƯƠNG CHI	THCS Nguyễn Du	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Nhất
1999	131210	ĐỖ VĂN YÊN	THCS Trưng Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Nhì
2000	131208	NGUYỄN CẢNH MINH VŨ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Ba
2001	131203	VŨ KHÁNH CHI	THCS Trưng Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2002	131206	CAO ĐỨC NHẬT MINH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2003	131204	HOÀNG TRÍ DŨNG	THCS Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2004	131205	NGUYỄN HỒNG KHÁNH	THCS Nguyễn Du	Hoàn Kiếm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2005	151202	PHẠM LAN ANH	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Tiếng Nhật	Nhì
2006	151201	TRỊNH CHÚC AN	THCS Chu Văn An	Long Biên	Tiếng Nhật	Ba
2007	151205	LÊ TUỆ MINH	THCS Ái Mộ	Long Biên	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2008	151210	LÊ HUYỀN TRANG	THCS Ái Mộ	Long Biên	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2009	151208	VŨ NGỌC HUYỀN THƯƠNG	THCS Gia Thụy	Long Biên	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2010	151203	NGUYỄN HÀ KHÁNH LINH	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2011	181205	PHAN THẢO LINH	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Nhất
2012	181206	PHAN DUY MINH	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Nhì
2013	181204	PHẠM DUY ĐẠT	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Ba
2014	181202	LÊ MINH CƯỜNG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Ba
2015	181201	ĐỖ KHÁNH CHI	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Ba
2016	181209	NGHIÊM XUÂN BẢO NGỌC	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2017	181207	PHÍ HỒNG MINH	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2018	181203	NHŨ TRUNG DŨNG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2019	181210	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG THẢO	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2020	241207	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Ba
2021	241206	ĐÀO THỊ KHÁNH LINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Ba
2022	241202	NGUYỄN QUỲNH CHI	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Ba
2023	241208	LƯƠNG GIA HÀ MY	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Ba
2024	241205	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Ba
2025	241209	VÕ HỒ HIẾU NGÂN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Ba
2026	241210	LÊ NGỌC BẢO UYÊN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2027	241204	PHẠM BẢO HÂN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2028	281201	PHẠM MINH AN	THCS Khương Mai	Thanh Xuân	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2029	281203	TRẦN NGỌC PHƯƠNG CHI	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tiếng Nhật	Khuyến khích
2030	011006	NGUYỄN NHẬT LINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Nhất
2031	011007	TRẦN YẾN MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Nhì
2032	011005	HÀ BẢO LÂM	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Ba
2033	011001	VŨ NHẬT BẢO CHÂU	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Ba
2034	011002	NGUYỄN HOÀNG LINH CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Ba
2035	011008	NGUYỄN HƯƠNG THU	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2036	011003	TRƯƠNG KHÁNH CHI	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2037	011009	LÊ ANH THƯ	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2038	011010	TRẦN ĐỨC TOÀN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2039	011004	QUẦN VŨ THANH HÀ	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2040	041002	LÊ HUỆ CHI	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Tiếng Pháp	Nhì

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2041	041005	NGUYỄN DŨNG HÀ PHAN	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2042	041010	VŨ THẢO VY	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2043	041008	NGUYỄN ANH TUẤN	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2044	081004	PHẠM QUỲNH ANH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Nhất
2045	081013	NGUYỄN TRANG NHI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Nhi
2046	081006	NGUYỄN LINH ĐAN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Nhi
2047	081001	BÙI GIA AN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Nhi
2048	081005	NGUYỄN TRÍ BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Nhi
2049	081003	NGUYỄN CHÂU ANH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Nhi
2050	081008	VŨ LÊ ANH KHÔI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Ba
2051	081002	PHẠM KHÁNH AN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Ba
2052	081012	ĐẶNG TRẦN AN NGUYỄN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Ba
2053	081007	ĐỖ BẢO HÂN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Ba
2054	081010	NGUYỄN HÀ LINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Ba
2055	081015	NGUYỄN BẢO TRÂM	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2056	081011	THÁI ĐAN LINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2057	081009	LỤC AN KHUÊ	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2058	081014	PHẠM BẢO SƠN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2059	111005	NGUYỄN TUỆ CHI	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2060	131010	NINH THẢO NGUYỄN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Ba
2061	131004	BÙI NGỌC MINH KHUÊ	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Ba
2062	131007	TỔNG NHẬT NAM	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Ba
2063	131002	ĐINH XUÂN DI	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2064	131009	LÊ KHÔI NGUYỄN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2065	131005	NGÔ KHÁNH LINH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2066	131001	LÊ HUY BÌNH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2067	131006	NGUYỄN HẠ LINH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2068	181007	ĐÀO NAM HẢI	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Nhi
2069	181006	NGUYỄN BẢO CHI	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Nhi
2070	181005	BÙI KHÁNH CHI	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Ba
2071	181001	NGUYỄN NHƯ HÀ AN	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2072	181009	NGUYỄN LÊ MINH KHUÊ	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2073	181008	NGÔ GIA HÂN	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2074	181004	PHẠM BẢO CHÂU	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2075	241004	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Pháp	Nhất
2076	241001	VÕ KHÁNH AN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Pháp	Nhi
2077	241006	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Pháp	Ba
2078	241002	ĐẶNG NGỌC HẢI HÀ	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Pháp	Ba
2079	241003	ĐỖ GIA HÂN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Pháp	Ba
2080	241005	VŨ NGỌC NHI	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tiếng Pháp	Khuyến khích
2081	010805	VŨ NGUYỄN TRÍ VĨ	THCS Ba Đình	Ba Đình	Tin học	Khuyến khích
2082	010802	TRỊNH LÊ HÙNG	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Nhất
2083	010801	PHẠM TUẤN ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Ba
2084	010804	PHẠM QUANG MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Khuyến khích
2085	020802	TRẦN BÌNH MINH	THCS Thụy An	Ba Vì	Tin học	Khuyến khích
2086	030801	ĐỖ GIA BẢO	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tin học	Nhất
2087	030802	CAO QUỐC KHÁNH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tin học	Nhi
2088	030803	TRẦN HOÀNG LÂM	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Tin học	Nhi
2089	030806	BÙI DUY VŨ	THCS Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Tin học	Khuyến khích
2090	040810	VŨ TIẾN MINH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tin học	Nhất
2091	040813	NGUYỄN VIỆT TRUNG NHÂN	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Tin học	Nhất
2092	040812	VŨ KHÁNH NGUYỄN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Nhất
2093	040808	LÊ TUẤN KIẾT	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Nhi
2094	040807	MAI THÀNH KIẾN	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Tin học	Nhi
2095	040814	NGUYỄN HOÀNG MINH QUÂN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Nhi
2096	040803	TẠ HỮU DƯƠNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Nhi
2097	040801	NGUYỄN SỸ KHÔI ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Nhi
2098	040804	TRẦN ĐĂNG HIẾU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Nhi
2099	040809	LÊ NGUYỄN MINH	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Tin học	Ba
2100	040816	TRẦN MINH TRÍ	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Tin học	Ba
2101	040805	NGUYỄN BÁ HOÀNH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Ba
2102	040802	TRẦN MINH DUY	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Tin học	Ba
2103	040811	VŨ QUANG NGỌC	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Tin học	Khuyến khích
2104	040806	NGUYỄN ĐỨC KHANG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Tin học	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2105	060801	NGUYỄN QUANG HÀ	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Tin học	Khuyến khích
2106	060805	BÙI NGỌC TRÂM	THCS Tô Hiến Thành	Đan Phượng	Tin học	Khuyến khích
2107	060803	NGUYỄN GIA HƯỞNG	THCS Hồng Hà	Đan Phượng	Tin học	Khuyến khích
2108	070804	NGUYỄN CÔNG MINH TÂM	THCS Việt Hùng	Đông Anh	Tin học	Khuyến khích
2109	070803	ĐOÀN NHẬT PHƯỚC	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Tin học	Nhì
2110	070801	TRẦN ĐỨC HUY	THCS Thị Trấn Đông Anh	Đông Anh	Tin học	Ba
2111	070802	NGUYỄN THẾ PHÚ	THCS Bắc Hồng	Đông Anh	Tin học	Ba
2112	070805	NGUYỄN CÔNG VINH	THCS Thị Trấn Đông Anh	Đông Anh	Tin học	Khuyến khích
2113	080802	BÙI LÂM THẾ HÙNG	THCS Cát Linh	Đống Đa	Tin học	Ba
2114	080803	HOÀNG ANH QUẢN	THCS Khương Thượng	Đống Đa	Tin học	Khuyến khích
2115	080805	MAI THẾ TRUNG	THCS Cát Linh	Đống Đa	Tin học	Khuyến khích
2116	080804	NGUYỄN PHÚC ANH SƠN	THCS Cát Linh	Đống Đa	Tin học	Khuyến khích
2117	090803	BÙI VĂN MẠNH	THCS Kim Sơn	Gia Lâm	Tin học	Khuyến khích
2118	090802	HOÀNG LAN	THCS Thị Trấn Yên Viên	Gia Lâm	Tin học	Khuyến khích
2119	100804	PHÙNG GIA HUY	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Tin học	Khuyến khích
2120	100805	NGUYỄN KIM QUANG	THCS Mậu Lương	Hà Đông	Tin học	Khuyến khích
2121	110801	NGUYỄN QUANG DŨNG	THCS Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	Tin học	Khuyến khích
2122	110803	NGÔ ĐỨC HÙNG	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Tin học	Khuyến khích
2123	110805	NGUYỄN MẬU HIẾU NHÂN	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Tin học	Khuyến khích
2124	130801	LÊ MINH ĐỨC	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tin học	Nhì
2125	130805	PHẠM THÀNH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tin học	Nhì
2126	130804	ĐOÀN VĂN ANH THÁI	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tin học	Nhì
2127	130803	DƯƠNG NHẬT QUANG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Tin học	Ba
2128	130802	ĐOÀN ĐẮC HIẾU	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Tin học	Khuyến khích
2129	140804	HOÀNG MINH TỬ	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Tin học	Khuyến khích
2130	140803	NGUYỄN BẢO NAM	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Tin học	Ba
2131	140805	NGUYỄN SƠN TÙNG	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Tin học	Ba
2132	150805	VŨ HÒA VƯỢNG	THCS Đô Thị Việt Hưng	Long Biên	Tin học	Nhì
2133	150802	NGUYỄN TRUNG HẢI	THCS Chu Văn An	Long Biên	Tin học	Ba
2134	150803	PHẠM KHÔI NGUYỄN	THCS Sài Đồng	Long Biên	Tin học	Ba
2135	150804	VŨ KHÔI NGUYỄN	THCS Chu Văn An	Long Biên	Tin học	Khuyến khích
2136	150801	TRẦN MINH ĐỨC	THCS Gia Thụy	Long Biên	Tin học	Khuyến khích
2137	160805	NGUYỄN VĂN QUÂN	THCS Trung Vương	Mê Linh	Tin học	Nhì
2138	160801	ĐỖ VIỆT HOÀNG	THCS Trung Vương	Mê Linh	Tin học	Ba
2139	160804	NGUYỄN HỒNG NHÂN	THCS Trung Vương	Mê Linh	Tin học	Ba
2140	160806	LÊ VĂN TỬ	THCS Trung Vương	Mê Linh	Tin học	Ba
2141	170801	HOÀNG VIỆT ANH	THCS Hợp Thanh	Mỹ Đức	Tin học	Khuyến khích
2142	170802	HOÀNG TRUNG DUẨN	THCS Hợp Thanh	Mỹ Đức	Tin học	Khuyến khích
2143	170805	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Tin học	Khuyến khích
2144	170804	TRẦN TRUNG HIẾU	THCS Phúc Lâm	Mỹ Đức	Tin học	Khuyến khích
2145	180803	NGUYỄN BẢO NGUYỄN	THCS&THPT Phenikaa	Nam Từ Liêm	Tin học	Khuyến khích
2146	180805	TRẦN THANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Tin học	Khuyến khích
2147	180801	NGÔ BẢO NAM	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Tin học	Khuyến khích
2148	210801	NGUYỄN VIỆT ANH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Tin học	Nhì
2149	210802	HỒ NHẬT HÀO	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Tin học	Nhì
2150	210803	NGUYỄN DANH HUY	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Tin học	Ba
2151	210804	NGUYỄN THÁI SƠN	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Tin học	Ba
2152	210805	ĐỖ TIỀN VIỆT	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Tin học	Ba
2153	220804	NGUYỄN HẢI PHONG	THCS Đông Xuân	Sóc Sơn	Tin học	Ba
2154	220805	PHẠM ĐỨC VINH	THCS Phú Minh	Sóc Sơn	Tin học	Ba
2155	220803	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	THCS Bắc Phú	Sóc Sơn	Tin học	Khuyến khích
2156	230804	NGUYỄN GIA VINH	THCS Viên Sơn	Sơn Tây	Tin học	Khuyến khích
2157	240801	ĐỖ QUANG ANH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tin học	Khuyến khích
2158	240802	TRẦN MINH HIẾN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Tin học	Khuyến khích
2159	250805	NGUYỄN DUY NHẬT	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Tin học	Nhì
2160	250801	CẦN VIỆT BÁCH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Tin học	Khuyến khích
2161	250803	KHUẤT QUANG HÙNG	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Tin học	Khuyến khích
2162	250804	LÊ ĐỨC MINH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Tin học	Khuyến khích
2163	260801	HOÀNG MINH ANH	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Tin học	Ba
2164	260805	DƯƠNG PHẠM MINH QUANG	TH và THCS Newton 5	Thanh Oai	Tin học	Khuyến khích
2165	270802	TRẦN TRỌNG KHÁNH	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Tin học	Ba
2166	270804	ĐOÀN CAO THÁI	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tin học	Ba
2167	270801	TRẦN BÙI GIA KHÁNH	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Tin học	Khuyến khích
2168	280801	ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tin học	Nhì

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2169	280803	ĐỖ VIỆT HUY	THCS Nhân Chính	Thanh Xuân	Tin học	Nhì
2170	280805	ĐÀO KHÁNH NAM	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Tin học	Ba
2171	280804	NGUYỄN QUANG MINH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tin học	Ba
2172	280802	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Tin học	Khuyến khích
2173	010208	NGUYỄN THIÊN NHÂN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Nhì
2174	010206	NGUYỄN TÙNG LÂM	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Nhì
2175	010207	NGUYỄN TÙNG LÂM	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Nhì
2176	010204	ĐỖ NGUYỄN GIA KHÁNH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
2177	010209	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
2178	010205	TRẦN HOÀNG ĐĂNG KHOA	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
2179	010201	DƯƠNG CHÂU ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
2180	010202	TRẦN BÌNH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
2181	010210	NGUYỄN VŨ TUẤN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
2182	010203	LÊ NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Toán	Khuyến khích
2183	030211	TRẦN ĐĂNG QUANG VINH	THCS Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2184	030205	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Toán	Nhì
2185	030202	BÙI ĐĂNG ĐỨC	THCS Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Toán	Nhì
2186	030209	ĐỖ BẢO NAM	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Toán	Ba
2187	030208	VŨ LÊ ĐỨC MINH	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Toán	Ba
2188	030207	NGUYỄN HUY LONG	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2189	030210	LÊ HOÀNG NAM	THCS Minh Khai	Bắc Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2190	040221	PHẠM HỒNG MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2191	040210	TRẦN HỮU ĐỨC HIỂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2192	040217	VŨ TRẦN PHI LONG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2193	040211	HÀ MẠNH HÙNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2194	040204	ĐÀO GIA BẢO	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2195	040216	NGÔ NGỌC CỬU LONG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2196	040205	THÁI NGỌC DIỆP	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2197	040220	NGUYỄN NHẬT MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhất
2198	040206	DƯƠNG TUẤN DŨNG	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2199	040208	NGUYỄN ANH ĐỨC	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2200	040219	NGUYỄN NGỌC MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2201	040209	TRẦN ANH ĐỨC	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2202	040222	PHÍ NHẬT MINH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2203	040225	TRẦN KHÔI NGUYỄN	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2204	040214	LÊ THẾ KIẾN	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2205	040215	BÙI VIỆT LONG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2206	040201	NGUYỄN NGỌC HUY ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2207	040202	NGUYỄN NGỌC KHÁNH ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2208	040207	NGUYỄN DUY DŨNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2209	040218	BÙI NHẬT MINH	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2210	040229	ĐÀO ĐỨC VINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2211	040224	ĐOÀN PHÚ NAM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2212	040223	TRỊNH BÙI QUANG MINH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2213	040213	TẶNG NGÂN KHÁNH	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Toán	Nhì
2214	040227	NGUYỄN ANH QUÂN	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Cầu Giấy	Toán	Ba
2215	040226	ĐỖ CHÍ NHÂN	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Toán	Ba
2216	040212	NGUYỄN VĨNH HÙNG	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Toán	Ba
2217	040203	TRẦN MAI ANH	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Toán	Khuyến khích
2218	040228	NGUYỄN VĨNH THÁI	THCS Dịch Vọng	Cầu Giấy	Toán	Khuyến khích
2219	040230	LÊ ĐỨC VƯỢNG	THCS Ngoại ngữ	Cầu Giấy	Toán	Khuyến khích
2220	050210	NGUYỄN HỮU TRÍ	THCS Xuân Mai A	Chương Mỹ	Toán	Khuyến khích
2221	050206	ĐẶNG THỊ THUY LINH	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Toán	Khuyến khích
2222	050203	HOÀNG VĂN ĐỨC	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Toán	Khuyến khích
2223	050204	HOÀNG THỊ HỒNG	THCS Ngô Sỹ Liên	Chương Mỹ	Toán	Khuyến khích
2224	060206	NGUYỄN ANH ĐỨC	THCS Tô Hiến Thành	Đan Phượng	Toán	Khuyến khích
2225	060209	NGUYỄN TRÍ QUÂN	THCS Liên Hà	Đan Phượng	Toán	Ba
2226	060205	HÀ MẠNH CƯỜNG	THCS Tân Lập	Đan Phượng	Toán	Ba
2227	060201	ĐOÀN TRÍ ANH	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Toán	Khuyến khích
2228	070204	NGUYỄN HOÀNG DUY	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Toán	Khuyến khích
2229	070209	ĐÀO TUẤN MINH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Toán	Nhì
2230	070207	NGUYỄN MINH HOÀNG	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Toán	Ba
2231	070208	NGUYỄN NHƯ HÀ LINH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Toán	Ba
2232	070210	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Toán	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2233	070203	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Toán	Ba
2234	070202	LÊ ĐỨC ANH	THCS Vĩnh Ngọc	Đông Anh	Toán	Khuyến khích
2235	070201	CHU LAN ANH	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Toán	Khuyến khích
2236	070206	NGUYỄN MINH HIỂU	THCS Nguyễn Huy Tường	Đông Anh	Toán	Khuyến khích
2237	070205	BÙI MINH ĐỨC	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Toán	Khuyến khích
2238	080206	NGUYỄN MẠNH LÂM	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Nhất
2239	080202	LÊ QUÝ ĐỨC	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Nhì
2240	080210	HOÀNG VIỆT TIỀN	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Nhì
2241	080201	NGUYỄN MINH BẢO	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Ba
2242	080203	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Ba
2243	080208	NGUYỄN ĐỨC MINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Ba
2244	080209	LÊ DUY QUANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Ba
2245	080204	NGUYỄN MINH HOÀNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Khuyến khích
2246	080207	CHỬ GIA MINH	THCS Đống Đa	Đống Đa	Toán	Khuyến khích
2247	080205	CHÊ MINH KHANG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Toán	Khuyến khích
2248	090209	MAI THANH TÙNG	THCS Phú Thị	Gia Lâm	Toán	Khuyến khích
2249	090204	LÊ KHÁNH LINH	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Toán	Khuyến khích
2250	090202	NGUYỄN KHÁNH HẢI	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Toán	Ba
2251	090207	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	THCS Ninh Hiệp	Gia Lâm	Toán	Ba
2252	090205	NGUYỄN KIM LONG	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Toán	Khuyến khích
2253	090206	HÀ TUẤN MINH	THCS Phú Thị	Gia Lâm	Toán	Khuyến khích
2254	090201	NGUYỄN LÊ HÀ	THCS Cao Bá Quát	Gia Lâm	Toán	Khuyến khích
2255	100206	NGUYỄN DANH THÀNH LÂM	THCS Nguyễn Trãi	Hà Đông	Toán	Ba
2256	100207	NGUYỄN GIA MINH	THCS Văn Yên	Hà Đông	Toán	Ba
2257	100201	HOÀNG VŨ AN	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Toán	Ba
2258	100205	HOÀNG TUẤN KHÔI	THCS Phú Lương	Hà Đông	Toán	Ba
2259	100202	PHẠM GIA BẢO	THCS Văn Quán	Hà Đông	Toán	Ba
2260	100209	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Toán	Ba
2261	100210	TRẦN LAN VI	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Toán	Khuyến khích
2262	100204	LÊ MINH HẢI ĐĂNG	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Toán	Khuyến khích
2263	100208	ĐỖ DANH NGỌC	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Toán	Khuyến khích
2264	100203	NGUYỄN QUANG DŨNG	THCS Phú La	Hà Đông	Toán	Khuyến khích
2265	110204	NGUYỄN NHƯ CƯỜNG	THCS Hà Huy Tập	Hai Bà Trưng	Toán	Khuyến khích
2266	110207	DƯƠNG GIA HUY	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Toán	Khuyến khích
2267	110208	PHẠM KHÔI NGUYỄN	TH, THCS và THPT Vinschool	Hai Bà Trưng	Toán	Ba
2268	110210	LÊ PHÚC VINH	THCS Lê Ngọc Hân	Hai Bà Trưng	Toán	Ba
2269	110205	NGUYỄN QUỐC DŨNG	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Toán	Ba
2270	110202	TRẦN HỒNG ANH	THCS Tô Hoàng	Hai Bà Trưng	Toán	Khuyến khích
2271	110209	LÊ NGỌC TUẤN	THCS Lương Yên	Hai Bà Trưng	Toán	Khuyến khích
2272	110203	PHẠM BẢO CHÍNH	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Toán	Khuyến khích
2273	110206	TRẦN VĂN HÀ	THCS Trung Nhị	Hai Bà Trưng	Toán	Khuyến khích
2274	120204	ĐẶNG VIỆT KHÔI	THCS Alpha	Hoài Đức	Toán	Khuyến khích
2275	120202	ĐOÀN MẠNH HÙNG	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Toán	Khuyến khích
2276	120205	NGUYỄN DANH CHÍ KIÊN	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Toán	Khuyến khích
2277	120207	PHẠM THÀNH TÂN	TH và THCS Newton	Hoài Đức	Toán	Khuyến khích
2278	120206	TẠ VŨ MẠNH	THCS La Phù	Hoài Đức	Toán	Khuyến khích
2279	130213	LÊ VŨ TUỆ	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Nhất
2280	130210	NGUYỄN HỮU PHÚC	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Nhì
2281	130206	ĐẶNG HOÀNG LÂM	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Nhì
2282	130209	NGUYỄN CẢNH NHÂN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Nhì
2283	130207	NGUYỄN HẢI MINH	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Toán	Nhì
2284	130201	BÙI VIỆT ANH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Nhì
2285	130211	ĐẶNG ANH TUẤN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Nhì
2286	130208	VŨ QUANG MINH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Ba
2287	130214	NGUYỄN KHÁNH TÙNG	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Ba
2288	130215	TRẦN GIANG VŨ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Toán	Ba
2289	130212	PHẠM MINH TUẤN	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Toán	Khuyến khích
2290	130203	NGÔ THỦY DƯƠNG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Toán	Khuyến khích
2291	130204	NGUYỄN GIA HUY	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Toán	Khuyến khích
2292	140209	NGUYỄN KIM THÁNH	THCS Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Toán	Khuyến khích
2293	140207	HOÀNG HẢI NAM	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Toán	Nhì
2294	140203	VŨ THẾ HOÀNG HUY	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Toán	Nhì
2295	140206	ĐỖ HẢI NAM	THCS Đại Kim	Hoàng Mai	Toán	Ba
2296	140202	LÊ ĐĂNG HUY	THCS Định Công	Hoàng Mai	Toán	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2297	140201	VŨ QUỐC BẢO	THCS Mai Động	Hoàng Mai	Toán	Ba
2298	140208	NGUYỄN MAI LAN NHI	THCS Linh Đàm	Hoàng Mai	Toán	Ba
2299	140210	VŨ THẾ HOÀNG TIẾN	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Toán	Ba
2300	140204	NGUYỄN TUẤN HUNG	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Toán	Khuyến khích
2301	140205	NGUYỄN TÙNG LÂM	THCS Đại Kim	Hoàng Mai	Toán	Khuyến khích
2302	150209	TỬ HIẾU TÂM	THCS Đô Thị Việt Hưng	Long Biên	Toán	Ba
2303	150204	VŨ KHÁNH LÂM	THCS Ngọc Lâm	Long Biên	Toán	Ba
2304	150210	LÊ NGUYỄN KHÁNH VY	THCS Chu Văn An	Long Biên	Toán	Ba
2305	150202	TRẦN NGHĨA DŨNG	THCS Đô Thị Việt Hưng	Long Biên	Toán	Khuyến khích
2306	150207	PHÙNG BẢO NAM	THCS Thạch Bàn	Long Biên	Toán	Khuyến khích
2307	150201	LÊ ĐỨC ANH	THCS Thượng Thanh	Long Biên	Toán	Khuyến khích
2308	150203	TRẦN MINH KHÔI	THCS Ngọc Thụy	Long Biên	Toán	Khuyến khích
2309	160201	NGUYỄN THỊ CẨM CHI	THCS Trung Vương	Mê Linh	Toán	Khuyến khích
2310	160205	NGUYỄN THẾ MINH HUY	THCS Trung Vương	Mê Linh	Toán	Ba
2311	170202	TRẦN NGUYỄN ĐỨC	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	Toán	Khuyến khích
2312	170204	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Toán	Khuyến khích
2313	170208	NGUYỄN ĐẠI THẮNG	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Toán	Khuyến khích
2314	170207	PHẠM NGỌC MINH	THCS xã Đồng Tâm	Mỹ Đức	Toán	Khuyến khích
2315	170206	LƯU QUANG MINH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Toán	Khuyến khích
2316	180210	LƯU ĐÌNH VŨ	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Nhi
2317	180201	HÀ ĐĂNG AN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Nhi
2318	180206	NGUYỄN VĨ THANH QUANG	Tiểu học, THCS, THPT Sentia	Nam Từ Liêm	Toán	Nhi
2319	180203	VŨ MINH DUY	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Nhi
2320	180208	TẠ ĐĂNG THIÊN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Ba
2321	180205	NGUYỄN NHẬT QUANG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2322	180207	HÀ HOÀNG QUÂN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2323	180204	BÙI BẢO MINH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2324	180209	PHẠM MINH TRÍ	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2325	180202	BÙI KHÁNH CHI	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Toán	Khuyến khích
2326	190207	TRẦN HỒNG PHƯỢNG	THCS Hồng Minh	Phú Xuyên	Toán	Khuyến khích
2327	190210	NGUYỄN ĐỨC TRƯỞNG	THCS Hồng Minh	Phú Xuyên	Toán	Khuyến khích
2328	190208	NGUYỄN HOÀNG SƠN	THCS Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên	Toán	Nhi
2329	190202	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	THCS Hồng Minh	Phú Xuyên	Toán	Nhi
2330	190203	ĐOÀN TIẾN ĐẠT	THCS Hồng Minh	Phú Xuyên	Toán	Ba
2331	190206	TRẦN GIA PHÚ	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Toán	Ba
2332	190205	PHẠM ĐỨC MINH	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Toán	Ba
2333	190209	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	THCS Trần Phú	Phú Xuyên	Toán	Khuyến khích
2334	200202	ĐÌNH HẢO CÁT	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Toán	Khuyến khích
2335	200204	HOÀNG VĂN HIẾU	THCS Hiệp Thuận	Phúc Thọ	Toán	Khuyến khích
2336	200205	LÊ BẢO NAM	THCS Vĩng Xuyên	Phúc Thọ	Toán	Khuyến khích
2337	200210	NGUYỄN MINH VŨ	THCS Phúc Hòa	Phúc Thọ	Toán	Khuyến khích
2338	200208	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Toán	Khuyến khích
2339	220205	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	THCS Bắc Phú	Sóc Sơn	Toán	Nhi
2340	220208	NGUYỄN BÁ HOÀN	THCS Xuân Giang	Sóc Sơn	Toán	Ba
2341	220206	DƯƠNG HOÀNG HIỆP	THCS Mai Đình	Sóc Sơn	Toán	Ba
2342	230208	PHÙNG THU TRANG	THCS Sơn Đông	Sơn Tây	Toán	Ba
2343	230209	LƯƠNG ĐỨC TRÍ	THCS Thanh Mỹ	Sơn Tây	Toán	Khuyến khích
2344	230204	NGUYỄN TRUNG KIÊN	THCS Ngô Quyền	Sơn Tây	Toán	Khuyến khích
2345	230207	PHẠM THANH THẢO	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Toán	Khuyến khích
2346	240204	NGÔ THỊ NHẢ LINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Toán	Ba
2347	240210	HOÀNG GIA TÙNG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Toán	Khuyến khích
2348	240202	LÊ KHƯƠNG DUY	THCS Nhật Tân	Tây Hồ	Toán	Khuyến khích
2349	240209	PHƯƠNG THỦY TRANG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Toán	Khuyến khích
2350	240207	NGUYỄN LĨNH HOÀNG SƠN	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Toán	Khuyến khích
2351	250205	KHUẤT ĐĂNG KHOA	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Toán	Ba
2352	260207	NGUYỄN HUY NGHIÊN	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Toán	Ba
2353	260208	BÙI ĐĂNG QUANG	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Toán	Ba
2354	260209	NGUYỄN QUÝ SƠN	THCS Bích Hòa	Thanh Oai	Toán	Ba
2355	260205	PHẠM NGUYỄN MAI HƯƠNG	THCS Mỹ Hưng	Thanh Oai	Toán	Ba
2356	260201	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Toán	Ba
2357	260210	NGUYỄN NGỌC TRINH	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Toán	Khuyến khích
2358	260206	NGUYỄN HÀ NGÂN	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Toán	Khuyến khích
2359	270204	PHẠM TRUNG KIÊN	THCS Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Toán	Khuyến khích
2360	270209	NGUYỄN HỮU TRÍ	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Toán	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2361	270205	ĐỖ TRÍ NAM	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Toán	Ba
2362	270203	NGUYỄN ĐỨC KIẾN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Toán	Ba
2363	270207	TRẦN KHỨC BẢO NAM	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Toán	Ba
2364	270202	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Toán	Ba
2365	270208	ĐẶNG THÁI SƠN	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Toán	Ba
2366	270201	NGUYỄN MẠNH DŨNG	THCS Liên Ninh	Thanh Trì	Toán	Khuyến khích
2367	270206	TRẦN GIA NAM	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Toán	Khuyến khích
2368	280202	CHU MINH CHÂU	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Toán	Khuyến khích
2369	280209	NGUYỄN PHÚC LÂM	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2370	280208	NGUYỄN VĂN HÙNG	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2371	280206	TRƯƠNG MINH HIỂU	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2372	280207	NGUYỄN ANH HÙNG	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2373	280204	TRẦN MINH ĐỨC	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2374	280210	NGUYỄN ĐỨC MINH NGUYỄN	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2375	280203	ĐỖ HUY ĐẠT	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Toán	Nhi
2376	280201	HOÀNG NGÔ GIA BẢO	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Toán	Ba
2377	280205	NGUYỄN HOÀNG HÀ	THCS Việt Nam-Angiêri	Thanh Xuân	Toán	Khuyến khích
2378	290202	TRẦN QUANG HUY	THCS Văn Tự	Thường Tín	Toán	Khuyến khích
2379	300206	LÊ HOÀNG LONG	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2380	300203	CHU ĐÌNH GIANG	THCS Liên Bạt	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2381	300209	ĐÌNH TUẤN NGHĨA	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2382	300208	VŨ HẢI NAM	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2383	300202	NGUYỄN NGỌC BẢO	THCS Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2384	300207	NGUYỄN THÀNH LUÂN	THCS Đại Cồ Vương	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2385	300210	TRỊNH QUANG TRƯỜNG	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Toán	Khuyến khích
2386	010306	NGUYỄN TUẤN MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Nhất
2387	010309	VŨ THANH KIM SƠN	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Nhi
2388	010303	TRẦN MINH KHANG	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Nhi
2389	010307	TRẦN QUANG MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Ba
2390	010304	LÃ QUÝ MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Ba
2391	010305	LÊ NHẬT MINH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Ba
2392	010302	NGUYỄN ĐÌNH VĨNH ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Ba
2393	010310	TRẦN KHÔI VIỆT	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Ba
2394	010301	LÊ NAM ANH	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Khuyến khích
2395	010308	NGUYỄN THÀNH NAM	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Vật lí	Khuyến khích
2396	020304	PHẠM ANH DŨNG	THCS Tân Lĩnh	Ba Vì	Vật lí	Khuyến khích
2397	030306	PHAN MINH MINH	THCS và THPT Dewey	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Nhi
2398	030310	NGUYỄN HỮU THANH SƠN	THCS Thượng Cát	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Ba
2399	030309	NGUYỄN TƯ HOÀNG QUYỀN	THCS Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Ba
2400	030311	PHẠM MINH SƠN	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Ba
2401	030304	NGUYỄN VĂN HỨA	THCS Tây Tựu	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2402	030308	ĐÌNH HUY PHÚC	THCS Đức Thắng	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2403	030307	VÕ BÌNH MINH	THCS Xuân Đình	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2404	030302	PHAN ANH ĐỨC	THCS-THPT Newton	Bắc Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2405	040319	ĐÀO NGUYỄN SƠN	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Vật lí	Nhất
2406	040320	ĐẶNG ĐỨC THANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhất
2407	040313	LÊ GIA HỒNG MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhất
2408	040308	NGUYỄN MINH HIỂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhất
2409	040302	NGUYỄN TRẦN HẢI ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhất
2410	040318	BÙI NGUYỄN HỒNG QUÂN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2411	040321	NGUYỄN UYÊN THẢO	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2412	040325	CÔNG THÀNH VINH	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2413	040323	ĐỖ BẢO TRANG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2414	040317	VŨ NGUYỄN NGUYỄN	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2415	040301	ĐỖ LAM ANH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2416	040306	ĐỖ HOÀNG GIANG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2417	040307	ĐẶNG CHÍ HIỂU	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2418	040311	LÊ TÙNG LÂM	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2419	040315	NGUYỄN KIM TUẤN MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2420	040303	ĐỖ ĐIỂM CHÂU	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2421	040304	NGUYỄN ĐỖ ANH DŨNG	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2422	040305	TRƯƠNG VĨNH GIA	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2423	040309	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	THCS Lê Quý Đôn	Cầu Giấy	Vật lí	Nhi
2424	040310	ĐỒNG XUÂN KHOA	THCS Cầu Giấy	Cầu Giấy	Vật lí	Ba

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2425	040312	BÀNH HOÀNG LONG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Vật lí	Ba
2426	040314	NGUYỄN CÔNG MINH	THCS Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Vật lí	Ba
2427	040316	VŨ PHÚC BẢO MINH	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Cầu Giấy	Vật lí	Ba
2428	040322	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Vật lí	Khuyến khích
2429	040324	NGUYỄN LÊ TRÍ	THCS Archimedes Academy	Cầu Giấy	Vật lí	Khuyến khích
2430	050309	NGUYỄN TẮT THẮNG	THCS Phú Nghĩa	Chương Mỹ	Vật lí	Ba
2431	050303	PHẠM MINH ĐỨC	THCS Xuân Mai A	Chương Mỹ	Vật lí	Khuyến khích
2432	050301	NGÔ QUỐC ANH	THCS Phú Nghĩa	Chương Mỹ	Vật lí	Khuyến khích
2433	050307	NGUYỄN HẢO KIẾT	THCS Bê Tông	Chương Mỹ	Vật lí	Khuyến khích
2434	050302	VŨ THUY ĐƯƠNG	THCS Ngô Sĩ Liên	Chương Mỹ	Vật lí	Khuyến khích
2435	050306	NGUYỄN DUY KHANG	THCS Trường Yên	Chương Mỹ	Vật lí	Khuyến khích
2436	060304	NGUYỄN THANH HUYỀN	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Vật lí	Ba
2437	060301	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	THCS Trung Châu	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2438	060308	TRẦN THU PHƯƠNG	THCS Thọ Xuân	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2439	060310	NGUYỄN MINH TUỆ	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2440	060306	ĐẶNG GIA MINH	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2441	060307	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2442	060305	TẠ DUY HÙNG	THCS Đan Phượng	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2443	060309	BÙI TUẤN HOÀNG QUÂN	THCS Lương Thế Vinh	Đan Phượng	Vật lí	Khuyến khích
2444	070302	NGUYỄN HOÀNG NAM ANH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Vật lí	Nhì
2445	070303	TÔ HOÀNG ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Vật lí	Nhì
2446	070301	LẠI PHÚC ANH	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Vật lí	Ba
2447	070310	NGUYỄN BÁCH TÙNG	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Vật lí	Ba
2448	070306	NGUYỄN TRỌNG MINH KHOA	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Vật lí	Ba
2449	070309	LÊ TÍN NGHĨA	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Vật lí	Ba
2450	070305	BÙI NGUYỄN GIÁP	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Vật lí	Ba
2451	070307	NGUYỄN MINH LONG	TH, THCS và THPT Archimedes Đông Anh	Đông Anh	Vật lí	Ba
2452	070304	TRẦN NGỌC DIỆP	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Vật lí	Khuyến khích
2453	070308	TRẦN TUẤN MINH	THCS Nguyễn Huy Tưởng	Đông Anh	Vật lí	Khuyến khích
2454	080306	PHẠM BẢO MAI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Nhì
2455	080309	THẦN HOÀNG BẢO NAM	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Nhì
2456	080302	LÊ MINH ĐỨC	THCS Đống Đa	Đống Đa	Vật lí	Ba
2457	080310	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Ba
2458	080301	LÊ VŨ CƯỜNG	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Ba
2459	080303	NGUYỄN TRUNG HIẾU	THCS Cát Linh	Đống Đa	Vật lí	Ba
2460	080307	NGUYỄN VŨ TUẤN MINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Ba
2461	080304	LÊ VŨ MINH KHÔI	THCS Đống Đa	Đống Đa	Vật lí	Khuyến khích
2462	080305	NGÔ VŨ CHI MAI	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Khuyến khích
2463	080308	PHẠM TUỖNG MINH	THCS Nguyễn Trường Tộ	Đống Đa	Vật lí	Khuyến khích
2464	090301	NGUYỄN TUẤN ANH	THCS Đình Xuyên	Gia Lâm	Vật lí	Nhì
2465	090302	NGUYỄN ĐẠO BẢO CHẤN	THCS Ninh Hiệp	Gia Lâm	Vật lí	Ba
2466	090308	NGUYỄN NGỌC MAI	THCS Đa Tốn	Gia Lâm	Vật lí	Ba
2467	100301	ĐÀO TRUNG ANH	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Vật lí	Nhì
2468	100308	NGUYỄN THIÊN KỶ	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Vật lí	Ba
2469	100309	TRẦN TÙNG LÂM	THCS Văn Yên	Hà Đông	Vật lí	Ba
2470	100310	VŨ NGUYỄN VŨ	TH và THCS Lô mônốp Tây Hà Nội	Hà Đông	Vật lí	Ba
2471	100303	VÕ ĐÌNH ANH	THCS Lê Lợi	Hà Đông	Vật lí	Ba
2472	100302	NGUYỄN MINH ANH	THCS Văn Khê	Hà Đông	Vật lí	Khuyến khích
2473	100306	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG HẢI	THCS Phú Lương	Hà Đông	Vật lí	Khuyến khích
2474	110303	ĐÀM TRUNG KIẾN	THCS Ngô Gia Tự	Hai Bà Trưng	Vật lí	Khuyến khích
2475	110310	TRẦN ANH TỬ	THCS Tây Sơn	Hai Bà Trưng	Vật lí	Khuyến khích
2476	110307	NGUYỄN ĐÌNH MINH QUANG	THCS Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	Vật lí	Khuyến khích
2477	120305	ĐÌNH DIỆU MY	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Vật lí	Khuyến khích
2478	120306	NGUYỄN HỮU BẢO NAM	THCS Cát Quế A	Hoài Đức	Vật lí	Khuyến khích
2479	120309	LÊ ĐỨC THÁI	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Vật lí	Khuyến khích
2480	120308	TRẦN BÁ THANH	THCS Văn Canh	Hoài Đức	Vật lí	Khuyến khích
2481	120307	TRỊNH ĐÌNH NHẬT QUANG	THCS Nguyễn Văn Huyền	Hoài Đức	Vật lí	Khuyến khích
2482	130301	TRẦN ĐÌNH AN	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Vật lí	Ba
2483	130310	ĐẶNG QUANG VĨNH	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Vật lí	Ba
2484	130309	HOÀNG TUẤN PHONG	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Vật lí	Ba
2485	130308	CHU GIA NHỊ	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Vật lí	Khuyến khích
2486	130302	NGUYỄN QUỐC BẢO	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Vật lí	Khuyến khích
2487	130307	PHẠM PHƯƠNG MAI	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Vật lí	Khuyến khích
2488	130304	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	THCS Trung Vương	Hoàn Kiếm	Vật lí	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2489	130306	ĐỖ VŨ LÂM	THCS Ngô Sĩ Liên	Hoàn Kiếm	Vật lí	Khuyến khích
2490	130303	PHẠM HOÀNG DƯƠNG	THCS Nguyễn Du	Hoàn Kiếm	Vật lí	Khuyến khích
2491	140303	TRẦN GIA HÙNG	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Vật lí	Nhất
2492	140305	NGUYỄN NGỌC TUẤN KIẾT	THCS Giáp Bát	Hoàng Mai	Vật lí	Nhi
2493	140308	CÙ MINH QUÂN	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Vật lí	Nhi
2494	140306	TRẦN BẢO NAM	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Vật lí	Ba
2495	140309	PHẠM MINH SƠN	THCS Hoàng Liet	Hoàng Mai	Vật lí	Ba
2496	140301	HOÀNG GIA BẢO	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Vật lí	Ba
2497	140302	MAI GIA HÙNG	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Vật lí	Ba
2498	140310	NGUYỄN PHÚ THÁNH	THCS Tân Định	Hoàng Mai	Vật lí	Ba
2499	140307	HỒ PHÚC NGHĨA	THCS Hoàng Mai	Hoàng Mai	Vật lí	Khuyến khích
2500	150309	TRƯƠNG BÁ CHÍ THÀNH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Vật lí	Nhất
2501	150301	THẠCH HÀ ANH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Vật lí	Nhi
2502	150302	CHU NHẬT HẢO	THCS Chu Văn An	Long Biên	Vật lí	Nhi
2503	150303	ĐÌNH VÕ ÁNH HẢO	THCS Sài Đồng	Long Biên	Vật lí	Nhi
2504	150307	NGUYỄN NHẬT MINH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Vật lí	Nhi
2505	150308	VŨ LÂM ĐỨC MINH	THCS Chu Văn An	Long Biên	Vật lí	Nhi
2506	150304	LÊ MINH HẢI	THCS Gia Thụy	Long Biên	Vật lí	Ba
2507	150305	LÊ GIA KHOA	THCS Ái Mộ	Long Biên	Vật lí	Ba
2508	150310	NGUYỄN ANH TÙNG	THCS Ái Mộ	Long Biên	Vật lí	Ba
2509	150306	ĐỖ THẾ KHÔI	THCS Cự Khối	Long Biên	Vật lí	Ba
2510	160309	PHAN LÊ MINH THƯ	THCS Trung Vương	Mê Linh	Vật lí	Ba
2511	160304	NGUYỄN DUY HUY	THCS Phạm Hồng Thái	Mê Linh	Vật lí	Khuyến khích
2512	160310	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	THCS Trung Vương	Mê Linh	Vật lí	Khuyến khích
2513	160303	LÊ GIA HUY	THCS Tiến Thịnh	Mê Linh	Vật lí	Khuyến khích
2514	160302	NGUYỄN TRẦN NGỌC ÁNH	THCS Mê Linh	Mê Linh	Vật lí	Khuyến khích
2515	170305	HOÀNG ĐỨC MẠNH	TH và THCS Mỹ Đức	Mỹ Đức	Vật lí	Ba
2516	170304	NGUYỄN MẠNH HÙNG	THCS Bột Xuyên	Mỹ Đức	Vật lí	Ba
2517	170308	NGUYỄN HUYỀN TRANG	THCS Hồng Sơn	Mỹ Đức	Vật lí	Khuyến khích
2518	170307	TRƯƠNG ANH QUÂN	THCS Hồng Sơn	Mỹ Đức	Vật lí	Khuyến khích
2519	180310	NGUYỄN TRƯỞNG YÊN	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Nhất
2520	180304	PHẠM VŨ ANH ĐỨC	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Nhi
2521	180307	NGÔ TÙNG LÂM	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Nhi
2522	180309	NGUYỄN VINH HÙNG PHONG	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Nhi
2523	180303	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp	Nam Từ Liêm	Vật lí	Ba
2524	180308	PHẠM ĐỨC MINH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2525	180301	HOÀNG MINH ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2526	180302	PHẠM VIỆT ANH	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Vật lí	Khuyến khích
2527	190304	LÊ NGỌC HÂN	THCS Tri Trung	Phú Xuyên	Vật lí	Ba
2528	190305	PHẠM TUẤN HÙNG	THCS Phú Túc	Phú Xuyên	Vật lí	Ba
2529	190306	NGÔ MINH KHOA	THCS Hoàng Long	Phú Xuyên	Vật lí	Ba
2530	190302	NGUYỄN THỦY DUNG	THCS Tri Trung	Phú Xuyên	Vật lí	Khuyến khích
2531	190301	ĐÀO CẨM ANH	THCS Phú Yên	Phú Xuyên	Vật lí	Khuyến khích
2532	190303	ĐÀO TIẾN ĐẠT	THCS Phú Túc	Phú Xuyên	Vật lí	Khuyến khích
2533	200306	NGUYỄN DUY HÙNG	THCS Thị Trấn Phúc Thọ	Phúc Thọ	Vật lí	Nhi
2534	200304	NGUYỄN HUY HOÀNG	THCS Thị Trấn Phúc Thọ	Phúc Thọ	Vật lí	Ba
2535	200305	TRẦN ANH HUY	THCS Xuân Đình	Phúc Thọ	Vật lí	Ba
2536	200310	VŨ MẠNH TUẤN	THCS Võng Xuyên	Phúc Thọ	Vật lí	Ba
2537	200302	KIM TRUNG HẢI	THCS Hát Môn	Phúc Thọ	Vật lí	Ba
2538	200301	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Tích Giang	Phúc Thọ	Vật lí	Khuyến khích
2539	200307	NGUYỄN KHÁNH LINH	THCS Xuân Đình	Phúc Thọ	Vật lí	Khuyến khích
2540	210301	HOÀNG ĐỖN TUẤN ĐỨC	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Vật lí	Ba
2541	210303	LÊ DUY KHÁNH	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Vật lí	Ba
2542	210310	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Vật lí	Khuyến khích
2543	210309	DƯƠNG QUỐC VIỆT	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Vật lí	Khuyến khích
2544	210304	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THCS Kiều Phú	Quốc Oai	Vật lí	Khuyến khích
2545	210308	ĐỖ DANH TRƯỜNG	THCS Đông Yên	Quốc Oai	Vật lí	Khuyến khích
2546	220301	NGUYỄN TRẦN TUẤN ANH	THCS Phú Cường	Sóc Sơn	Vật lí	Ba
2547	220307	LÊ ĐỨC MINH	THCS Phú Minh	Sóc Sơn	Vật lí	Khuyến khích
2548	220302	PHẠM KHÁNH BÌNH	THCS Thị Trấn	Sóc Sơn	Vật lí	Khuyến khích
2549	220305	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	THCS Tân Dân	Sóc Sơn	Vật lí	Khuyến khích
2550	230301	NGUYỄN HÀ ANH	THCS Sơn Tây	Sơn Tây	Vật lí	Nhi
2551	230302	NGUYỄN THANH BÌNH	THCS Sơn Đông	Sơn Tây	Vật lí	Khuyến khích
2552	230308	GIANG HUYỀN TRANG	THCS Đường Lâm	Sơn Tây	Vật lí	Khuyến khích

TT	Số báo danh	Họ và tên	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Giải
2553	240304	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Nhì
2554	240302	NGUYỄN THẾ DUY	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Ba
2555	240309	CÔNG DOãn THANH PHONG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2556	240310	ĐẶNG QUANG TÙNG	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2557	240305	ĐỖ NAM KHÁNH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2558	240308	TRỊNH QUANG MINH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2559	240301	BÙI THẢO ANH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2560	240307	BÙI ANH KHÔI	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2561	240306	VŨ GIA KHÁNH	THCS Chu Văn An	Tây Hồ	Vật lí	Khuyến khích
2562	250302	NGUYỄN MINH ĐỨC	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Vật lí	Ba
2563	250306	KIỀU HỒNG QUYÊN	THCS Đại Đồng	Thạch Thất	Vật lí	Ba
2564	250309	ĐẶNG CÔNG VINH	THCS Bình Phú	Thạch Thất	Vật lí	Khuyến khích
2565	250301	HOÀNG KỶ ANH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Vật lí	Khuyến khích
2566	250310	NGUYỄN CHÍ VINH	THCS Thạch Thất	Thạch Thất	Vật lí	Khuyến khích
2567	260301	LÊ HOÀNG DƯƠNG	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Vật lí	Nhì
2568	260303	NGUYỄN CÔNG HIẾU	THCS Tam Hưng	Thanh Oai	Vật lí	Khuyến khích
2569	260302	PHÙNG NGỌC HÂN	THCS Xuân Dương	Thanh Oai	Vật lí	Khuyến khích
2570	260310	PHẠM MINH QUẢN	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Vật lí	Khuyến khích
2571	260307	VŨ DUY NGUYỄN	THCS Nguyễn Trữ-Trị trấn Kim Bài	Thanh Oai	Vật lí	Khuyến khích
2572	270308	NGÔ NGUYỄN PHONG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Nhì
2573	270310	PHAN MINH TRANG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Ba
2574	270302	NGUYỄN MINH ĐĂNG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Ba
2575	270305	LƯƠNG ĐỨC LONG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Ba
2576	270304	HOÀNG PHÚC HUNG	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Khuyến khích
2577	270303	VŨ ANH ĐỨC	THCS Thanh Liệt	Thanh Trì	Vật lí	Khuyến khích
2578	270309	NGUYỄN VINH PHÚC	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Khuyến khích
2579	270301	CAO LÂM ANH	THCS Chu Văn An	Thanh Trì	Vật lí	Khuyến khích
2580	280310	LÊ BÁ TUẤN VIỆT	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Vật lí	Nhất
2581	280307	NGÔ BÁCH PHONG	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Vật lí	Nhì
2582	280301	TRẦN LÊ TRƯỜNG HẢI	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Vật lí	Nhì
2583	280303	NGUYỄN TUẤN KHÔI	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Vật lí	Nhì
2584	280302	LÊ TRUNG HIẾU	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Vật lí	Nhì
2585	280308	PHAN HOÀNG NHẬT QUANG	THCS Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân	Vật lí	Ba
2586	280305	TẠ QUANG MINH	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội	Thanh Xuân	Vật lí	Ba
2587	280306	TRẦN HÙNG MINH	THCS Thanh Xuân	Thanh Xuân	Vật lí	Ba
2588	280309	PHẠM THỰC TRINH	THCS Kim Giang	Thanh Xuân	Vật lí	Ba
2589	280304	BÙI XUÂN KIÊN	THCS Nhân Chính	Thanh Xuân	Vật lí	Ba
2590	290308	LÊ QUÝ NAM	THCS Văn Tự	Thường Tín	Vật lí	Khuyến khích
2591	290302	LÊ HUY BÁCH	THCS Nguyễn Trãi A	Thường Tín	Vật lí	Khuyến khích
2592	300303	ĐÀO QUANG MINH ĐỨC	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Vật lí	Ba
2593	300301	ĐẶNG VIỆT AN	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Vật lí	Khuyến khích
2594	300306	QUẢN AN KHÁNH	THCS Nguyễn Thượng Hiền	Ứng Hòa	Vật lí	Khuyến khích
2595	300309	NGUYỄN PHÚC VINH	THCS Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Vật lí	Khuyến khích

Danh sách có 2595 học sinh./.

16

16